

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN BẢY

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoằng Tán,
hiệu Tại Tham (dịch).

5.- PHÁP BA DẬT ĐỀ (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : Thừa chú Đại đức, đây là 90 pháp Ba Dật Đề, mỗi nửa tháng tụng một lần trong giới kinh chép ra.

CHÚ GIẢI : Ba Dật Đề là gì ? Nghĩa là dọa lạc.

Thập Tụng Luật nói : “Đọa trong địa ngục này bị đốt nấu, che bịt, trong đó có 8 ngục nóng, 8 ngục lạnh”.

Căn Bản Luật nói : Người phạm tội này, dọa trong địa ngục, bâng sinh hay là ngã quý, ở trong ba đường ác chịu khổ đốt nấu. Lại nữa, phạm tội này, nếu không ăn cần sám trừ, thì nó hãy ngăn các pháp lành”.

Bộ Luật Nhiếp nói : Ba Dật Đề Ca. Nghĩa là thiêu đốt đọa vào ác thú. Lại Ba Dật Đề Ca dẫn ý nói ở nơi chỗ đọa lạc thiêu đốt, chỉ cái chỗ đọa kia. Tuy còn các tội khác, nhưng đều là đọa. Y theo âm thanh, đây gọi là đọa cũng được. Ví như tiếng “cù” nghĩa là “đi” đó là ở nơi người v.v... nhưng cái nghĩa đi ở nơi loài trâu di chuyển cũng dùng tiếng “cù” thì có ngại gì (*chỉ người, vật có khác thôi*). Nghĩa đọa cũng như vậy, không có lỗi chi.

Lại nữa, trong các thiên học xứ (6 tụ còn lại) về ngôi phương tiện : Không có tâm cung kính lời Phật dạy cũng phạm tội Đọa (*cố tâm phạm giới*).

Ba Dật Đề Ca căn cứ trên đây cũng lợi một phần. Nghĩa đọa đều duy thông.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất CẤM NÓI VỌNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết mà cố nói vọng, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị Xích Trạch, trong vườn Ni Câu Loại, ông Thích tử Tương Lực cùng với kẻ ngoại đạo đàm luận, khi luận không bằng họ, thì trở trái lời trước, hoặc ở trong chúng Tăng cũng lại trở trái lời trước, những kẻ ngoại đạo phạm chí đều sinh tâm chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết là gì ? Tức là tâm mình rõ biết, không phải lầm lộn.

Nói vọng là gì ? Nghĩa là ở trước người, tâm khẩu trái nhau, buông ra lời nói dối gạt.

Nói dối có 8 thứ : Nghĩa là không thấy, không nghe, không xúc, không biết, nói tôi thấy, nghe, xúc, biết. Hoặc thấy, nghe, xúc, biết, nói tôi không thấy, nghe, xúc, biết. Nhưng thấy thuộc về nhãn thức. Nghe thuộc về nhĩ thức. Xúc thuộc về tỷ, thiệt, thân ba thức. Biết thuộc về ý thức. Lấy 6 thức này tóm lại làm bốn tên, vì Nhân, Nhĩ, Ý ba căn này tính nó rất lạnh lẽo, dụng lực của nó phần nhiều, lại nữa nó hay duyên lấy cảnh giới xa, cho nên chia riêng mỗi phần mà đặt tên vậy. Tỷ, Thiệt, Thân, ba căn này tính nó chậm lụt, dụng lực của nó rất ít, lại nói chuyên duyên lấy cảnh giới gần thôi, cho nên chung gọi là Xúc.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác.

Nếu khi tụng giới, nhấn đến ba lần hỏi, biết mình có phạm không chịu phát lồ, thì phạm tội Ác tác, Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thể thức không phạm ? Cứ nói thiệt ý tưởng có thấy, nghe, xúc, biết, y trong ý tưởng mà nói.

Tổng có 5 món vọng ngữ :

1.- Nói vọng ngữ tội Ba La Di : Như là nói mình được pháp của bậc Thượng nhân.

2.- Nói vọng ngữ phạm tội Tăng tàng : Như là đem tội Ba La Di vô cớ vu báng người ta,

3.- Nói vọng ngữ phạm tội Ba Dật Đề : Như là đem tội Tăng tăng vô cớ vu báng và phạm ngay tội này.

4.- Nói vọng ngữ phạm tội Thâu Lan Giá : Như nói được pháp của Thượng nhân mà không rõ ràng, vu báng không rõ ràng.

5.- Nói vọng ngữ phạm tội Đột Kiết La : Như khi tụng giới hỏi ba lần im lặng, và trong đây nói không rõ ràng.

Thiện Kiến Luật nói : “Nói vọng là gì ?” – Tâm khẩu trái nhau, cũng gọi là nói luống” (*khống*).

Luật Nhiếp nói : “Ý muốn gạt người kia, khi nói ra mỗi lời thì phạm mỗi tội, khởi tâm muốn dối, thì phạm tội trách tâm”. Nhấn đến nói ra người kia không hiểu, cũng phạm tội dối thuyết ác tác. Nói việc gì thân cũng bày hiện là người trí thức, đồng phạm bốn tội (*tức là tội Ba Dật Đề*).

Phàm làm đệ tử của Phật, thường nói những lời chân thật, không nên thề nơi mình ngay, để tỏ vẻ cho người tin, dẫu người chê bai đi nữa, cũng không nên thề.

Luật Bốn nói : “Khi đó phái Lục quần có xảy ra việc chút ít, bèn thốt lời trừ rửa : Nói tôi có nói như vậy, sẽ đọa trong ba đường ác, đừng sinh trong Phật pháp, nếu ông có như vậy, cũng sẽ đọa trong ba đường ác, không sinh trong Phật pháp”.

Phật dạy : Không nên thề như vậy ! Cho nói như vậy : Nếu tôi mà có như vậy thì, Nam mô Phật,

nếu ông mà có làm việc như vậy, thì cũng Nam mô Phật.

Như Cư sĩ có nháy mũi, và đến lễ bái phải chú nguyện rằng : Cầu cho ông được trường thọ. Nếu vị hạ tọa nháy mũi, thì phải chú nguyện rằng : Không bệnh. Nếu khi vị Thượng Tọa nháy mũi ta nói như vậy : Hòa nam (*cung kính*).

Giới thứ hai CẤM NÓI LỜI CHÊ BAI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng lời chửi loại chê bai, thì phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, phái Lục quần tranh về việc xử đoán, dùng chửi loại mắng Tỳ Kheo kia, Tỳ Kheo kia hổ thẹn, quên hết việc trước sau, không nói được, các Tỳ Kheo bạch lên Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Chê bai là gì ? Nghĩa là : trong miệng thốt ra lời hủy nhục mà quả mắng ông kia, làm cho ông kia hổ thẹn, trong đây dùng chửi loại chê bai có 7 việc :

- 1.- Nói giống hèn
- 2.- Họ hèn
- 3.- Hạnh nghiệp hèn
- 4.- Làm công nghệ hèn
- 5.- Phạm lỗi
- 6.- Kiết sử
- 7.- Bệnh hoạn

Chúng là gì ? Nghĩa là nói : Ông là chủ sát nhân, ông là người đồ phẩn, ông có tài đi làm mọi người ta, ông giống kẻ kéo xe v.v... Đó gọi là giống hèn.

Họ là gì ? Nghĩa là nói : các họ hèn khác, nếu không phải giống họ hèn, thì quen theo cái nghề nghiệp hèn, cũng gọi là giống họ hèn.

Hạnh nghiệp hèn là gì ? Nghĩa toàn người mua bán heo dê và sát trâu, thả ó, săn lười, làm giặc, để bắt giặc, người giữ thành, biết việc hành phạt trong ngục v.v... các nghiệp hèn hạ.

Làm công nghệ hèn là gì ? Nghĩa là đồ thợ rèn, thợ mộc, thợ lò gốm, thợ đóng giày, thợ cạo tóc, làm các nghệ thuật hèn.

Phạm lỗi là gì ? Nghĩa là phạm tội thất tự, từ tội Ba La Di cho đến tội ác thuyết.

Kiết sử là gì ? Nghĩa là giận, hờn, buồn, ghét, cho đến 500 kiết sử phiền não.

Bệnh hoạn là gì ? Nghĩa là dui, mù, sỏi, què, xụi, điếc, ngọng, câm v.v... cho đến nhọt, lác, ung thư, và bao nhiêu bệnh khác.

Thế thức phạm tội trong đây thế nào ? Dùng 7 việc như trước, hoặc mắng ở trước mặt, nói : Ông đây là người sát nhân, cho đến ông đây là người điếc câm. Hoặc mắng thí dụ : ông đây giống như người sát nhân, cho đến ông đây giống đây giống như người điếc câm. Hoặc tự thí tỷ mà mắng, nói : tôi không phải là người sát nhân, cho đến tôi không

phải người điếc, người câm, hủy mạ các Tỳ Kheo như vậy, đều phạm tội Đọa, mắng không rõ ràng thì phạm Ác tác.

Như khi nói pháp, mắng ở trước mặt, thí dụ mắng, tỉ lệ mắng, rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm Ác tác. Khi nói pháp lành mắng : ông là người ở A Lan Nhã, đi khát thực, mặc nạp y cho đến ông là người ngồi thiền, ông giống như các người ở A Lan Nhã, tôi không phải giống người ở A Lan Nhã đâu v.v...

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm là gì ? Nói lợi ích vì nhau, vì người nói pháp, nói luật, dạy bảo mới nói, vì thương mến mới nói, hoặc nói chơi, nói lỡ lời, nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm.

Phụ văn : Xét trong Tăng Kỳ Luật và bộ Tát Bà Đa Luận : Minh có tâm khinh khi dẫu cho dòng họ nghề nghiệp tôn quý đi nữa, nói cũng phạm tội Ác tác. Nếu khinh mắng bốn chúng kia và tất cả người tại gia đều phạm Ác tác.

Giới thứ ba CẤM NÓI HAI LƯỖI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo nói hai lưỡi phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, phái Lục quần đem truyền lời kín bên kia, tới nói bên này cho đến trong chúng yên ổn, bèn làm cho sinh

sự gây kinh, khi gây kinh rồi, thì không thể dứt được, các Tỳ Kheo biết do ông đó làm ra, đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Nói hai lưỡi là gì ? Nghĩa là chuyên lời nói kia đây, cho sinh sự gây kinh làm cho xa lìa nhau.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Bấy việc như trước tùy lấy một việc, tôi nói với người kia : (*mỗ giáp*)... nói ông là dòng sát nhân, những đến đồ điếc, đồ câm, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, không rõ ràng thì phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia tội đồng như trước.

Thế thức không phạm là gì ? Vì phá ông tri thức ác và ông có phe đảng ác muốn phá hoại chúng Tăng, và làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật, muốn phá tháp, phá chùa và ông kia không nghĩa lý, không lợi ích, nói chành chạch v.v...

Phụ vấn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu tâm muốn làm cho ông kia xa lìa, ông kia bỏ đi, hay không đi, đều phạm Ba Dật Đề”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Truyền lời của tứ chúng, và truyền tất cả lời của người tại gia, đều phạm Đột Kiết La”. Nếu không truyền lời của bên này bên kia, chỉ nói cho hai bên rã tan, cũng phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu bạch y ở trong chùa muốn làm việc ác xâm não thầy Tỳ Kheo, phải nói khó gặt cho kia bỏ, nếu không bỏ, không nên đi ngay tới nhà vua mà thưa, phải nói trước cho người ác kia biết, vậy sau mới nói với Thái tử, và quan Đại

thần v.v... Nếu ông thật bỏ tình ác thì thôi từ đây, đừng cho làm việc nữa” (bãi dịch).

Giới thứ tư CẤM CÙNG NGƯỜI PHỤ NỮ NGỦ CHUNG MỘT NHÀ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng người phụ nữ ngủ chung một nhà phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự đồng như trước, Tôn giả A Na Luật đến làng đó không có Tỳ Kheo, nghe có một nhà dâm nữ thường rước khách ở trong đó, ông bèn đến ngủ nhờ, đêm đó ông ngồi kiết già quán tưởng, dâm nữ kia, đầu hôm và khuya hai lần đến, cầu ngài làm chồng.

Tôn giả không đáp, cũng không xem ngó, cô bèn cởi y, đến nắm tay Tôn giả. Tôn giả vận thần thông, thân ngài bay lên hư không. Dâm nữ hổ thẹn mặc y và chấp tay, ngó lên hư không cầu sám hối ba lần. Tôn giả hạ xuống ngồi lại chỗ cũ, và nói pháp mầu cho nghe, cô bèn chứng quả Tu Đà Hoàn, xin ngài thọ Tam quy ngũ giới, làm Ưu bà đi, các Tỳ Kheo nghe rồi đem bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phụ nữ là gì ? Nghĩa là người con gái có tính hiếu phải quấy, mạng căn chưa dứt.

Nhà là gì ? Bốn phía có vách tường ngăn, trên có che lợp, hoặc không tẩm vách trước, tuy có che mà không khắp, hoặc có che khắp mà có chỗ trống.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc Tỳ Kheo tới ngủ trước, người phụ nữ tới sau, hoặc người phụ nữ tới trước, Tỳ Kheo đến sau, hoặc hai người đồng đến một lượt, hoặc nằm nghiêng tùy hông sát đất và tùy trần trở qua lại được đều phạm tội Đọa.

Hoặc con gái Thiên long, con gái quỷ thần, con gái súc sinh và người huỳnh môn, người hai căn đồng ngủ trong một nhà đều phạm Ác tác. Nếu ban ngày, người phụ nữ đứng, Tỳ Kheo nằm cũng phạm Ác tác, còn bốn chúng kia phạm đồng như trước.

Thế thức không phạm là sao ? Không biết nhà kia có con gái, hoặc nhà có lợp, mà bốn phía không ngăn, hoặc ngăn phân nửa, hay là ngăn một góc, hoặc là ngăn bít hết mà trên không che lợp, hoặc lợp một góc, hoặc lợp phân nửa, ngăn phân nửa, lợp một góc, ngăn một góc, hoặc để đất trống, đi được, ngồi được, hoặc bệnh nằm được, hoặc bị người bắt buộc v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Nếu người con gái ở trên lầu, Tỳ Kheo ở dưới, hoặc Tỳ Kheo ở trên lầu, người con gái ở dưới, có nấc thang bỏ đi, cở cửa đóng chắc, nếu không bỏ thang, nên làm ống khóa khóa lại, tuy ở một nhà thời có vật che ngăn cấm dứt đường đi, nếu không vậy thì khi mặt trời mọc đều phạm tội Đọa”.

Nếu con gái của Thiên long biến hình được và con gái bàng sinh, đồng thời ngủ chung một chỗ, cũng phạm Ác tác, con gái còn nhỏ hay bàng sinh, không hành dâm được, thì không phạm, hoặc có

cha, có mẹ, có chồng v.v... giữ gìn đồng ngữ chung một nhà không phạm.

Ngũ Phần Luật nói : “Hoặc lợp chung mà ngăn riêng, hoặc đại hội nói pháp, hoặc mẹ, chị em, ở gần, bệnh hoạn, có người nam biết phải quấy, không nằm đều không phạm.

Giới thứ năm

CẤM NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI NGŨ CHUNG

CHÍNH VĂN : *Nếu người chưa thọ đại giới ngũ chung quá hai đêm, đến đêm thứ ba phạm Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự nơi thành Khoáng Dã, phái Lục quân cho các ông Trưởng giả ở nhà giảng đường ngũ nghỉ, trong phái Lục quân có một ông loạn tâm ngũ mê, chuyển thân nghiêng qua “sinh chi” bại lộ, các Trưởng giả thấy chê cười, quệt phá, các Tỷ Kheo hổ thẹn bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Sau chư Tỷ Kheo nghi ông La Hầu La chưa thọ đại giới, đuổi ra ngũ ở trước nhà xí, Phật mở cho chư Tỷ Kheo, với người chưa thọ đại giới, ngũ chung hai đêm, nếu ngũ đến đêm thứ ba, lúc mặt trời chưa mọc, phải lánh Sa Di đi, như đến đêm thứ tư hoặc mình đi, hay bảo ông Sa Di kia đi.

Người chưa thọ đại giới là gì ? Tức là trừ hàng Tỷ Kheo, Tỷ Kheo Ni, còn bao nhiêu đều là chưa thọ đại giới cả.

Ngũ chung là gì ? Nghĩa là chung một nhà đồng ngữ.

Nhà là gì ? Giải như trước.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc đến trước đến sau, hoặc đồng đến một lượt, hông sát đất trở trần đều phạm, hoặc con trai của Thiên long, quý thân, súc sinh, ngủ quá hai đêm, đêm thứ ba phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thế thức không phạm là gì ? Cũng giải đồng như trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu không cho Sa Di ngủ chung hai đêm, ắt có nhiều việc buồn, và có xảy nhân duyên mất mạng, do vì lòng thương xót, cho ngủ chung hai đêm, vì hộ Phật pháp, không cho ngủ ba đêm”. Nếu ngủ chung quá hai đêm rồi, đêm thứ ba lại cho Sa Di khác ngủ chung phạm Ba Dật Đề, do vì ông này nối tiếp với ông trước.

Nếu ngủ chung hai đêm rồi, dời đi chỗ khác, cách một đêm rồi, trở lại ngủ chung không lỗi, hoặc ngồi suốt đêm không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : Đến khi đêm thứ tư, phải dời qua phòng khác, hoặc ra ngoài đất trống, có gió mưa tuyết xuống lạnh, sẽ trở vào phòng ngồi cho đến hừng sáng. Nếu Tỳ Kheo già bệnh, ngồi không kham, thì phải lấy tấm vải giăng che ngang đầu, hay ngang nách, tấm vải thả chấm xuống đất, phải lấy đồ dẫn lên, làm cho có con vật nào chun qua lại không được. Nếu khi đi đường, không có tấm vải giăng, ông Sa Di đáng tin, nên nói với ông rằng :

Ông ngủ tôi ngồi, khi mình muốn nằm phải kêu cho ông thức nói : Tôi ngủ ông ngồi, nếu ông còn ngủ nữa thì không có phước đức.

Luật Nhiếp nói : Đến đêm thứ ba ông ra ngoài ngủ, không nên đuổi ông ra ngoài chùa, và cách khỏi trước mái hiên, chỉ nên khỏi thế phạn phòng mình thôi”.

Nếu sợ ác Tỳ Kheo vì làm việc phá giới, phải bảo ông Sa Di tới phòng ông thiện hữu ngủ nhờ. Nếu không có ông thiện hữu, nên đồng đuổi ông ác Tỳ Kheo đó ra, hoặc mình dắt ông Sa Di đến chỗ khác ngủ. Nếu mình an cư rồi, không được đi, nên sinh lòng thương xót, vì phòng hộ ngủ chung không phạm. Hoặc nạn duyên không có giường chiếu khác, nên lấy cái y thất, xếp làm bốn lớp mà trải nằm, lấy cái y đại kê đầu, hoặc dùng đắp thân, còn cái y ngủ lấy mặc trong mình.

Phàm khi nằm ngủ, phải nằm nghiêng, hông bên hữu, hai chân chồng lên, thân đừng trần trỗ, phải tưởng ánh sáng ở ngay tam tinh, yên trụ ở trong chính niệm, tinh không lãng xãng, y phục không nhàu nhò, trong khi ngủ biết chừng, phải nhớ dậy sớm, đầu đêm hay cuối đêm, hằng tưởng việc thiện.

Đây là phép của thầy Sa môn nằm ngủ, nếu không đau bệnh ban ngày không nên nằm, có người bệnh tuy ngủ chung quá hai đêm không phạm.

Giới thứ sáu

CẤM NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI TỤNG CHUNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cho người chưa thọ đại giới tụng chung phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng Dã, phái Lục quần cho các ông Trưởng giả, ở nhà giảng đường, tụng chung kinh niệm Phật, khi đó các ông tụng tiếng lớn, như bọn Bà La Môn đọc thơ không khác, làm loạn tâm các vị ngôi thiên, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Người chưa thọ đại giới ? Đây cũng giải như trước.

Tụng chung là gì ? Nghĩa là đồng câu, đồng chữ đọc tụng kinh pháp vậy.

Đồng câu là gì ? Nghĩa là hai người đồng tụng một câu, không sau không trước, hoặc một người tụng câu trước chưa rồi, người thứ hai lặp lại.

Đồng chữ là gì ? Nghĩa là hai người tụng chung một chữ, không sau không trước, hoặc một người tụng chữ trước chưa rồi, người thứ hai tụng lặp lại.

Kinh pháp là gì ? Nghĩa là từ miệng Phật nói ra, hoặc hàng Thanh Văn nói ra, hàng Tiên nhân chư Thiên nói ra, Phật ấn chứng cho, đều gọi là pháp.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Cho người chưa thọ đại giới tụng chung, hoặc miệng

mình dạy, hay là viết ra dạy, rõ ràng thì phạm tội Đọa, không rõ ràng thì phạm Ác tác.

Tụng chung với hàng Thiên long, quý thần và súc sinh biến hình được, rõ ràng hay không rõ ràng, đều phạm Ác tác. Nếu thầy không dạy rằng : Tôi nói rồi các ông sẽ nói theo, thì thầy phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thế thức không phạm là gì ? Tôi nói rồi, ông sẽ nói, một người đọc rồi, một người biên ra, hoặc hai người đồng nghiệp đồng tụng, cho đến tụng lầm.

Phụ vấn : Xét trong Tăng Kỳ, Thập Tụng, Ngũ Phần, Căn bản và Bốn bộ : Cũng không cho người chưa thọ đại giới chung tụng kinh pháp.

Căn cứ theo bộ Giới Nhân Duyên kinh, phái Lục quần tới Sa Di nói luật, Phật nhân đó cấm không cho : “Tới người chưa thọ đại giới, nói một câu giới pháp”.

Luật Nhiếp : “Ý cũng đồng như đây, nghĩa là trong pháp này với luật in nhau”.

Thiện Kiến Luật nói : “Hoặc Pháp sư soạn ra bài văn tự, đồng chung tụng đó thì không phạm, vì thế nên biết”. Ngũ thiên thất tụ, chỉ có thầy Tỳ Kheo được nghe thôi, không phải phần của người khác, như kho bí mật của nhà vua, thì các hàng ngoại quan không được găm ghé.

Nếu tới người chưa thọ đại giới mà nói, thì đây kia đều bị tổn hại, lại ngăn con đường xuất gia, trọn đời họ không được thọ giới cụ túc. Nếu tụng kinh

pháp, cứ theo trong luật chỗ nào mở, tự biết mà phương tiện cho.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu dạy kinh cho người chưa thọ đại giới đồng tụng thì phạm tội Đọa”.

Đồng tụng là gì ? Là đồng thời tụng, hoặc dạy tiếng chưa dứt ông kia lại tụng, hoặc ông kia tụng chưa rồi, ông này lại dạy, mỗi câu mỗi câu, đều phạm mỗi tội Đọa.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu ai người tụng kinh lâu, tụng chung không phạm, không nên đọc rập bài kệ”.

Luật Nhiếp nói : “Không phạm là, hoặc miệng cà lăm, hoặc tính ông đó nói mau, hoặc tụng chung để sửa bài câu cho đúng cách, nếu khi dạy phải nói trước với ông kia rằng : Ông dừng cho ông và tôi đồng thời nói. Như vậy tuy đồng mà không phạm, nếu làm tiếng ngâm nga, mà dạy kinh pháp phạm Ác tác”.

Hoặc khi nói pháp, hoặc khi tán thán ở chỗ kín đó làm tiếng tụng kinh không phạm, không nên tán tụng kinh điển ngoài thơ, hoặc muốn hàng phục kẻ ngoại đạo, trừ người có trí lực, một ngày phân làm ba thời, thời sớm mai và thời trưa, nên học Phật pháp, thời chiều cho học ngoại điển. Không nên tính năm tháng làm ba thời, hoặc đọc sách giống người Bà La Môn, nếu đọc tụng mỗi đoạn, phạm tội Diệt pháp.

Hoặc theo phương ngôn của mỗi nước, tùy thời, ngâm nga để dạy dẫn dắt, thì cũng không

phạm, nếu muốn tụng kinh, trước đặt bàn cao cho tốt, đem kinh để sắp đặt hương hoa cho trang nghiêm, vị Pháp sư thuyết pháp nếu người ta không thỉnh, bèn vì người thuyết pháp, phạm tội Diệt pháp.

Ngũ Phần nói : “Cho học sách ngoại, không cho vì đắm ưa bỏ phế đạo nghiệp, vì muốn hàng phục ngoại đạo, nên cho đọc ngoại thư, không cho làm theo sách ấy, sinh tâm chấp, không cho đem kinh Phật, làm sách ngoại đạo, phạm tội Thâu Lan Giá”.

Luật bốn nói : “Không cho đem lời ngôn luận ngoại đạo xen lộn trong kinh Phật, cho tìm hiểu tiếng nói của mỗi nước, tụng tập kinh Phật”.

Giới thứ bảy CẤM TỚI NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI, NÓI TỘI LỖI KIA

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết ông kia có tội thô ác, tới nói với người chưa thọ đại giới, phạm Ba Dật Đề. Trừ phép Yết Ma của Tăng cho.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó có Tỳ Kheo hành phép biệt trụ, ý hỉ, ngồi ở sau chót, phái Lục quần nói với các Cư sĩ rằng : Những vị này phạm tội như vậy, nên chúng Tăng phạt ngồi sau chót, Tỳ Kheo bị phạt nói cho các Tỳ Kheo kia nghe, ai ai cũng hổ thẹn, chửi Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Khi sau ông Xá Lợi Phất, được chúng Tăng cử đến nhà vua và rao khắp trong dân chúng, nói lỗi của ông Điều Đạt, mà nghe Phật chế giới cấm (*không được tới người chưa thọ đại giới nói tội lỗi của chúng Tăng*), nên sinh lòng sợ sệt. Phật nói : Chúng Tăng cử không phạm, vì thế nên Phật kiết thêm câu : Trừ có phép Yết Ma của Tăng cho.

Biết là gì ? Tâm mình biết thật ông kia có tội chẳng phải không biết.

Ông kia là gì ? Là người đã thọ giới cụ túc.

Tội thô ác là gì ? Tức là tội Ba La Di và Tăng tàng.

Tới nói với người chưa thọ đại giới ? Là đối trước người chưa thọ đại giới cụ túc, kể bày chỗ phạm lỗi của ông kia.

Trừ có phép Yết Ma của Tăng cho ? Nghĩa là trừ đại chúng làm phép sai một vị đi nói tội lỗi của ông kia, thì không phạm.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Nếu nói rõ ràng phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác, trừ tội thô ác, đem tội khác tới người chưa thọ đại giới nói cũng phạm Ác tác.

Trừ Tỷ Kheo, Tỷ Kheo Ni đem tội thô ác của người khác tới người khác, tới người chưa thọ đại giới nói, đều phạm Ác tác.

Thô ác tưởng thô ác, phạm tội Đọa, nghi phạm Ác tác, không thô ác tưởng thô ác và nghi,

đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia đều phạm tội đồng như trước.

Thế thức không phạm là gì ? Không biết, hoặc người bạch y trước có nghe tội thô ác của ông này v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : “Như làm phép Yết Ma cử Tỳ Kheo đó, làm người đi rao tội, mà Tỳ Kheo khác nói, thì phạm Ác tác”. Như bảo tới nói với ông này ở chỗ này mà lại tới nói với ông khác ở chỗ khác, đều phạm Ác tác. Nếu chúng Tăng làm phép Yết Ma tùy ý, tùy thời, tùy chỗ nói tội, rồi đi nói, thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Làm phép Yết Ma cử đi bố cáo cho dân chúng biết vì ngăn sự tổn hại Tam Bảo, vì ngăn ác đảng phá giới khiến làm cho bỏ ác hữu, nương gần thiện hữu”.

Lại muốn đem tâm hộ các ông kia, đừng để mấy ông làm hạnh ác nữa, cũng đừng xúm nhau nói các Tỳ Kheo v.v... phần nhiều phạm giới, phải che đậy nhau.

Lại cũng đừng cho ông ở nhà bạch y, nhân đó mà làm việc vô ích. Như trước không biết đó là nhà thế tục, tưởng là không biết hoặc là nghi đem tội thô ác của ông kia mà nói, thì phạm tội Đọa. Như trước biết đó là nhà thế tục, tâm tưởng không biết hoặc nghi, mà nói tội thô ác, ông kia phạm Ác tác.

Nếu ông kia không biết, tâm tưởng không biết vô phạm. Nếu tới cô Ni nói mình phạm thô tội, cũng phạm Ác tác, tuy có làm phép Yết Ma, suy mình

biết người, có tâm buồn riêng, mà tới người nói cũng phạm Ác tác.

Do đây nên biết những người xuất gia có nói lời chi, đều phải lợi ích, không nên buồn rầu riêng tới nói với người.

Tát Bà Đa Luận nói : “Thà phá tháp hoại tượng, không nên tới người chưa thọ đại giới nói lời xấu của Tỳ Kheo, nếu nói tội lỗi của người, thì là phá hư pháp thân của mình.

Nếu tới nói tên tội hai thiên trước, phạm tội Đọa, nói tướng tội, phạm Ác tác, nói tên tội, tướng tội, ba thiên sau đều phạm Ác tác.

Giới thứ tám CẤM TỚI NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI, NÓI PHÁP MÌNH CHỨNG

CHÍNH VĂN : *Nếu khuyên, tới người chưa thọ đại giới nói pháp hơn người nói : Tôi thấy việc ấy, tôi biết việc ấy. Thấy biết thật đó phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên khởi đồng như giới vọng ngữ thiên đầu trong giới này khác đó, nghĩa là mình có chứng thật, mà tới người chưa thọ đại giới nói, vì thế nên không kết vào tội vọng ngữ vậy.

Nói pháp hơn người là gì ? Tức là người chứng pháp bậc thượng, nghĩa là bậc thánh này được pháp lợi, trên hơn tất cả phàm ngu, không còn ai hơn nữa.

Sao gọi là hơn người, mà không nói hơn trời ? ... Nghĩa là Phật xuất hiện trong nhân gian,

chỉ ở trong loài người kiết giới. Vì ở trong loài người có giới Ba La Đề Mộc Xoa mà thôi (trong các loài khác không có). Lại nữa người thắng hơn trời, vì người hay tu tập các pháp lành, đến chứng được quả thánh, còn chư Thiên đắm nhiễm dục lạc, không thể tu tập, vì thế chỉ nói hơn người, thôi đã hơn Trời vậy.

Thật là gì ? Nghĩa là mình có thật chứng được pháp này vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Như chân thật chứng được pháp này tới người chưa thọ đại giới nói, hễ rõ ràng thì phạm tội Đọa, còn không rõ ràng phạm Ác tác.

Nếu tới Tỳ Kheo không đồng ý mà nói, cũng phạm Ác tác, còn bao nhiêu phạm hay không phạm, đồng giải như giới Ba La Di thứ tư trước.

Trong đây khác là giới kia phạm Ba La Di, giới này phạm tội Đọa, giới kia phạm Thâu Lan Giá, giới này phạm Ác tác, đó là khác. Còn tứ chúng kia, phạm đồng như trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu thật chứng được quả thứ tư, nhân đến chứng pháp bất tịnh quán, tới người khác nói đều phạm tội Đọa”.

Nếu vì danh lợi, nói tôi trì giới thanh tịnh, thật tụng được ba tạng, và tùy theo các thứ kinh tụng, tôi đều giải nghĩa được hết, có ai hỏi nghĩa thì cũng đáp được, hành vi như thế, tôi nói với người, đều phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : “Có chứng thật mà nói, thì không phạm”. Luật Nhiếp nói : “Đối với người thế tục hiện thân thông thì phạm Ác tác, nếu muốn hiển bày pháp Phật, hiện sự ít có, tự bày phước đức của mình, hoặc muốn chỉ kia, để giáo hóa chúng sinh, cho tâm họ điều phục, tuy nói không phạm”.

Giới thứ chín

CẤM NÓI PHÁP CHO NGƯỜI NỮ QUÁ LỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, phạm Ba Dật Đề, trừ có người nam biết.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, ông Ca Lưu Đà Di, nói pháp cho người phụ nữ nghe, kẻ sát lỗi tai, người thấy sinh tâm nghi, Phật đều đó liền kết giới cấm.

Sau chư Tỳ Kheo sợ không dám nói pháp cho người nữ nghe, và khi có người nam, cũng không dám nói quá lời, vì thế Phật kết thêm câu: “Năm sáu lời v.v...”.

Người nữ là gì ? Nghĩa là người hay hiểu biết những lời lành dữ.

Nói : Nghĩa là miệng tỏ bày nói ra.

Pháp : Đồng giải như trước.

Quá : Là trong năm sáu lời, mà lại muốn nói thêm quá nhiều.

Năm sáu lời ? Năm tức là ngũ âm, như nói sắc vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô ngã. Sáu

tức là sáu căn, như nói nhân vô thường, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vô thường. Lại nữa có chỗ nói pháp số năm số sáu hiệp nhau cũng gọi là năm sáu lời.

Người nam tử có trí biết ? Nghĩa là người thế gian hiểu biết việc thô ác hay không thô ác, tính không dâm loạn, nên làm người chứng minh, bởi vì có người này không dám nói lời tà vạy, cũng dứt việc chê bai nữa, nếu hết thấy người xuất gia, không gọi là người chứng minh, vì sự tương đồng vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Vì người nữ nói pháp, đáng nói năm, nói đến sáu, đáng nói sáu, nói đến bảy, rõ ràng hay không rõ ràng và bốn chúng kia phạm tội hay không phạm, đồng như giới trước.

Thế thức không phạm là gì ? Nói chừng năm sáu lời thôi, có người nam hiểu biết nói quá năm sáu lời thì được, nếu không có người nam hiểu biết, truyền ngũ giới, cũng nói pháp ngũ giới, truyền pháp Bát quan trai giới, và nói pháp Bát quan trai, hoặc nói pháp Bát thánh đạo, hoặc nói pháp thập ác, hoặc nói pháp thập thiện, hoặc người nữ hỏi nghĩa nên đáp, nếu không hiểu, nên vì họ nói rộng.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu vì người nữ nói năm sáu lời rồi nói rằng : Chị em, pháp chính cỡ này thôi, rồi đứng dậy đi. Nếu có nhân duyên trở lại ngôi nữa, vì họ nói thì không phạm, hoặc nói năm sáu lời rồi, lại có người nữ khác đến, vì người nữ sau nói, như vậy tiếp tục cho đến vô lượng người nữ nói cũng không phạm.

Hoặc mình tụng kinh, người nữ đến nghe, hoặc người hỏi nghĩa tóm tắt cho họ hiểu được, nói quá năm sáu lời cũng không phạm.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận nói : “Nói pháp bố thí được phước báo, và lời chú nguyện không phạm, nếu nói việc thường trong thế gian, phạm tội Đột Kiệt La. Cho vì cô Ni nói pháp, tất cả Ni chúng nghe, vì pháp dạy bảo nên không lỗi”.

Giới thứ mười CẤM ĐÀO ĐẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự tay đào đất, hoặc dạy người khác đào, phạm Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng Dã, phái Lục quân làm nhà giảng đường cho Phật, tự đào đất chung quanh bốn phía, các ông Trưởng giả thấy chê cười nói : Thích tử gì mà đoạn mạng căn của người ta. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Kia bèn dạy người đào nói rằng : Đào chỗ này để chỗ này. Phật bèn thêm câu : “Không được dạy người đào”.

Đất là gì ? Nghĩa là đất đào rồi, hay đất chưa đào.

Đất đào rồi : Nghĩa là đất đó đã từng bị đào. loại trùng núp ẩn chạy tan, và cỏ cây không mọc cũng có nghĩa là đất chết.

Đất chưa đào : Nghĩa là đất chưa từng bị đào, hễ đến mùa tháng 4, có trời mưa xuống, và nước sông tràn lên thấm ướt, các loại trùng và cỏ cây

phát sinh như thường, cũng gọi đất chưa đào, và có nghĩa là đất sống.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Nếu đất từng bị đào, có trời mưa xuống ướt, hoặc nước lớn tràn thấm, trải qua ba tháng đó gọi là đất sống, nếu không có nước mưa thấm ướt đến mà trải qua 6 tháng cũng gọi là đất sống, khác đây thì không phải là đất sống “.

Xét trong Thiện Kiến Luật : “Bốn phần cát đá, một phần đất và đất bị đốt gọi là đất chết”.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc dùng cuốc đào, hoặc cày giầy, hoặc cây xăm đập, hoặc dùng cu liềm và dao sắt soi, cho đến lấy móng tay bấm dấu, lấy nọc đòng xuống trên đất, lấy lửa đốt tất cả đều phạm tội Đọa.

Nếu không dạy rằng : Cõi chỗ này biết chỗ này, phạm Ác tác. Còn bao nhiêu bốn chúng kia đồng phạm như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Như nói, phải biết chỗ này phải coi chỗ này, hoặc kéo cây, tre trong rừng, hoặc hàng rào ngã đổ cho ngay lại, hoặc lật tảng đá, lấy phân trâu, hốt đất của chuột moi, hoặc cào chỗ đất đi kinh hành, đất trong nhà, hay là chỗ đi qua lại, hoặc quét dưới đất, hoặc chống tích trượng dưới đất, nếu không cố đào tất cả đều không phạm.

Song, phép của Tỳ Kheo, có muốn cần dùng phải tác tịnh nói : phải biết đây, phải xem đây, cho

ông kia biết, ông xem chỗ nào nên đào, chỗ nào nên để, không được chỉ ngay, đào ở đây, để ở đây.

Ngũ Phần Luật nói : “Ba chúng sau vô cơ đào đất phạm Ác tác, nếu hốt đất khô thì không phạm”. Hoặc Tỳ Kheo mỗi chỗ cần dùng, nói với tịnh nhân rằng : – ông biết chỗ này – như ông không hiểu thì nói : ông xem chỗ này, ông cũng không hiểu, nói nữa : Tôi dùng chỗ này, ông cũng chưa hiểu, nói nữa : Cho tôi chỗ này.

Tát Bà Đa Luận nói : Phạm muốn hái rau cỏ, phải nói xa rằng : Chỗ đó có vật tốt, tác tịnh cho tôi, nếu đến một bên chỉ biểu thì phạm. Tăng Kỳ Luật nói : Nếu đất nứt dựa mé sông, lấy chân đạp cho lở chơi, mỗi đạp phạm mỗi tội Đọa, mình đi mé bờ, đất nứt lở không tội. Nếu cục đất to, một người ôm không nổi, phá bể phạm tội Đọa, phá bể bớt cỡ một người ôm nặng thì không phạm.

Nếu Tỳ Kheo làm việc, sợ mất của tháp, của chúng Tăng muốn giấu trong đất, hoặc trong chỗ đất sống trống, không nên mình đào, phải dạy tịnh nhân biết, hoặc ở chỗ tử địa khuất, mình nên đào giấu, đóng nọc và nhỏ nọc cũng vậy, nếu chỗ đất chết bị mưa rồi, không nên lấy và dạy tịnh nhân lấy, hết mưa mà chỗ có thấm ướt, vậy sau mình lấy không tội, đào đất phân nửa cát, phạm Ác tác, toàn cát không, không phạm. Đào chỗ đá, sạn, than tro, lệ đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : “Như đào chỗ bùn lầy, nhân đến lút từ đầu gối, đào moi lấy tùy đào mỗi

cục phạm mỗi Ác tác, hoặc lấy tay vẽ đất cho đến lọt hột cải, tùy vẽ mỗi đường phạm mỗi tội Ác tác”.

Như Tỳ Kheo làm thợ mộc, khi muốn khởi làm chính điện hoặc làm nhà chúng Tăng, vẽ chỗ đất làm hình nền, không phạm, các Tỳ Kheo khác mà vẽ thì phạm tội. Nếu chỗ mỏ sinh vàng, bạc v.v... hoặc nhồi nhét đất vàng đất đỏ, đất sét trắng, chỗ đá sinh (sống), chỗ đá bùn, chỗ cát, chỗ đất muối, đào thì không phạm.

Căn Bản Luật nói : “Nhỏ nọc phạm Ác tác, như Tỳ Kheo làm việc khi muốn định nền, được sao tốt, ngày tốt, không tịnh nhân mình nên đem nọc đóng muốn làm dấu ranh giới, đóng sâu xuống cỡ 4 ngón tay thì không phạm”.

Giới thứ mười một **CẤM PHÁ HOẠI LÀNG CỦA QUỶ THẦN**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo phá hoại làng của quỷ thần, phạm Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có một thầy Tỳ Kheo sửa sang phòng xá, tự ông đốn cây. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Phá hoại là gì ? Là đốn, chặt, thiêu, đốt, nhỏ, bẻ, kêu chung là : phá hoại.

Quỷ thần là gì ? Là phi nhân vậy.

Làng ? Là các thứ cỏ cây, nghĩa là tất cả quỷ thần nương ở các thứ đó, cũng như người nương ở trong làng. Nay nói làng quỷ thần nương ở có 5 giống sống. Năm giống sống là gì ?

1.- Củ : Nghĩa là các thứ củ như là : củ gừng, củ hương phụ, củ tước đầu hương, củ huỳnh liên, v.v... các thứ mọc mầm đâm chồi vậy.

2.- Nhánh : Nghĩa là nhánh dương, nhánh liễu, nhánh cây bồ đề, nhánh cây bối đa la v.v... những nhánh tươi sống vậy.

3.- Lóng : Nghĩa là lóng xứng ý hoa, lóng la lặc, lóng cỏ liêu v.v... những cây trong ruột trống còn tươi sống vậy.

4.- Cây bông chính giữa ruột : Nghĩa là mía, tre, ngô sen v.v... những cây trong ruột còn tươi vậy.

5.- Thứ hạt : Nghĩa là hạt sinh ra hạt, như là hạt lúa, hạt bắp, hạt đậu, hạt cải v.v...

Phụ văn : Giới Nhân Duyên kinh nói : “Có vị thần nương ở trong cội cây, có vị thần nương ở trong nhánh cây, có vị thần nương ở trong da cây, có vị thần nương ở vỏ cây nứt, có vị thần nương ở trong bông búp, có vị thần nương ở trong lá cây, có vị thần nương ở trong hoa, có vị thần nương ở trong trái cây, tất cả cây cỏ, đều có vị thần nương ở ăn chất thơm ấy”.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Đối với 5 thứ này còn tươi, như tươi, tưởng là tươi, tự chặt, tự sao, tự nấu và dạy người khác làm, đều phạm tội Đọa. Như tươi, nghi tưởng khô, như khô tưởng tươi, và nghi, tự làm dạy người khác làm, đều phạm Đột Kiết La.

Còn khô tưởng khô thì không phạm. Trong Luật bớt câu này, xét đúng nghĩa phải có, tưởng 6 cảnh này, các giới ở về, thiên khác, lệ theo đây nên nhớ.

Hoặc cỏ cây tươi, và không phải cỏ cây tươi, cảnh tưởng nên làm 5 câu : tự chặt, tự sao, tự nấu và dạy người khác làm, phạm tội nặng, nhẹ như trên nên biết.

Như đóng cọc nhỏ gác trên cây, đem lửa gác trên cây, cỏ tươi và chặt cây cỏ tươi đứt phần nhiều, đều phạm tội Đọa, nếu chặt cây cỏ nửa khô nửa tươi phạm Ác tác. Nếu không nói “xem đây biết đây”, cũng phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Ngũ Phần Luật nói : “Ba chúng sau, vô cớ mà chặt cỏ cây tươi, phạm Đột Kiết La, xét theo đây nên biết, ba chúng sau hữu sự không cấm, vô sự thì ngăn, sinh địa (đất sống) sánh đây cũng vậy”.

Thế thức không phạm là gì ? Có nói : “phải biết đây, xem đây”, chặt cây cỏ khô, kéo đồ đi trong rừng tre, sửa rào giậu, xeo lật tảng đá, cầm gậy chống đất, cỏ bò lấp đường, lấy gậy vệt ra, quét chỗ đất đi kinh hành, tất cả không cố tâm, chặt lằm không phạm.

Không nên trái bất tịnh ăn, phải làm 5 phép tịnh rồi mới ăn.

- 1.- Hỏa tịnh (những đến lấy lửa châm 1 lần)
- 2.- Dao tịnh (lấy dao gọt một chút)
- 3.- Sanh tịnh (trên trái tự có chỗ hủ)

4.- Điều trác tịnh (*chìm mỏ có dấu*)

5.- Bất trúng chủng tịnh (*thứ trái non, để giống không được*).

Trong đây thứ trước và thứ sau, tịnh rồi ăn được, còn ba thứ kia, bỏ hột mới ăn. Lại có năm thứ tịnh nữa :

1.- Bì bác (*lột một chút vỏ*)

2.- Bác bì (*lột hết vỏ*)

3.- Hủ (*thứ rã nát*)

4.- Phá (*nứt bể*)

5.- Táo (*tự nó héo khô*).

Không nên ăn rau bất tịnh, không được tự mình làm tịnh, không nên tự tay trao cho người làm tịnh, phải để dưới đất, bảo người làm tịnh, làm tịnh rồi, không nên không thọ mà ăn.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc trái bồ đào và trái dưa, để chung một đồng, lấy lửa châm ba bốn chỗ, tức là làm phép tịnh, hoặc bí đao mỗi trái đều phải riêng làm tịnh. Nếu tự mình lấy dao làm tịnh v.v... khi làm thì phạm tội Đọa, khi ăn không phạm”.

Ngũ Phần Luật nói : Như ăn thứ củ cũng phải làm 5 phép tịnh, nghĩa là : lột vỏ, dao cắt, làm cho bể, rửa, lấy lửa châm. Như ăn thứ cọng lá nên làm ba món tịnh, nghĩa là : dao chích, lửa châm, rửa, như khi làm tịnh phải làm tịnh chung, ở trong một đồng, trong một bồn, một lần làm phép tịnh, kêu là làm phép tịnh chung, như chỗ ở có cỏ tươi, ở giữa sân, cho bảo tịnh nhân biết...

Tăng Kỳ Luật nói : “Có quốc độ gom đống lúa, sợ phi nhân trộm, lấy tro than rắc chung quanh lên trên làm dấu, tức đó là làm phép tịnh, như ông chủ chùa có kho lúa chưa tịnh, sợ Tỳ Kheo tuổi nhỏ không hiểu phép này, sai tịnh nhân lấy lửa làm tịnh, cho đến hết kho lúa, Tỳ Kheo được nói rằng : “Xay già đi không phạm”.

Hoặc có bè nổi đầy mặt nước, không nên lấy tay vệt ra mức nước mà dùng, phải tìm mức ở lỗ chân trâu, ngựa mà dùng, nếu chỗ đó không có trâu, ngựa, nên lượm đất hay đá ném lên nói như vậy : Lên cho tới trời Phạm thiên đi, đất đá rơi xuống nước bè đang ra, được mức dùng không tội.

Nếu lật bè có nổi trên mặt nước, phạm tội Diệt Tỳ Ni, lượm quăng lên bờ phạm tội Đọa, nếu lượm phần trâu khô lộn cỏ tươi châm rễ dính phạm tội Đọa.

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : Xúc tro, đất, hoặc cát, đổ lấp trên cỏ tươi phạm Ác tác hoặc nói người khác rằng : lấy giùm trái này, tôi muốn ăn phạm Ác tác, trái tươi chưa làm phép tịnh, nuốt trọng phạm Ác tác, nếu nhai bẻ phạm tội Đọa, nhổ nắm mèo phạm Ác tác, thọc trái chín rụng phạm Ác tác, đập trái sống rụng phạm tội Đọa.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu châm lửa tịnh rồi, sau còn mọc mộng, chỗ mọc mộng làm tịnh lại, ăn chỗ không nứt mộng, nếu muốn dùng bông trái, cho oằn nhánh cây xuống bảo tịnh nhân hái, không phạm, không nên làm cho nhánh gãy, nếu cây cao tịnh nhân với không tới, Tỳ Kheo bồng đỡ tịnh nhân

lên hái, không phạm; nếu cây ngã đè thầy Tỳ Kheo mà chưa chết, tuy trong tay có dao búa v.v... thì chịu chết, không nên đốn cây và đào đất, cho khỏi mạng mình, vì sao ?

Vì đào đất và đốn cây, phạm tội Đọa, người trí tuệ thì giữ giới mà chết, chớ không nên phạm giới mà sống, hoặc cây đè Tỳ Kheo kia thì được đốn cây và đào đất vì cứu mạng kia thì không phạm. Nếu người phóng lửa đốt chùa vì hộ chỗ ở, được cắt cỏ đào đất làm cho tắt lửa không phạm.

Căn Bản Luật nói : “Hoặc ở trong cỏ tươi và đất đồng bèo xanh khi đi kinh hành, khởi niệm làm cho cỏ hư hại, đều phạm tội Đọa”. Nếu chỉ để tâm đi kinh hành thì không phạm.

Nếu nhổ nấm trên đất phạm Ác tác, hoặc hũ, ché và y phục, nệm, chiếu v.v... có đóng mốc xanh hay là đóng mốc trắng, dấy tâm làm cho tổn hại đều phạm Ác tác, bảo người biết làm tịnh rồi thọ dùng, thì không phạm. Phạm Tỳ Kheo dạy việc vì muốn làm am thất khi sắp đốn cây, trước 7, 8 ngày, sắp đồ ăn dưới gốc cây kia cúng, tụng kinh vô thường ba biến. Tỳ Kheo Trưởng lão nên vì chú nguyện, nói pháp thập thiện, tán thán nghiệp lành. Lại nên nói rằng : Như vị Thiên thần ở cây này lâu, nên tìm chỗ khác mà ở, cây này nay vì Tam Bảo có việc cần làm. 7, 8 ngày rồi nên sai tịnh nhân đốn.

Đương khi đốn cây, có tướng lạ hiện ra, nên vì tán thán công đức bố thí, chỉ cái lỗi tham lam xén tiếc, nếu còn hiện tướng lạ nữa, thì không nên đốn, nếu không hiện tướng lạ nữa thì nên đốn.

Bà Sa Luận nói : Có ba giới Phật pháp rất lợi ích.

- 1.- Không nên gánh vác.
- 2.- Không nên đốn cây cỏ.
- 3.- Không nên đào đất.

Nếu Phật không cấm ba giới này, tất cả quốc vương sẽ sai các Tỳ Kheo làm việc, có ba giới này, Đế vương và Quốc vương, tất cả đều dứt tâm.

Giới thứ mười hai CẤM NÓI LỜI LA CHO NGƯỜI TỨC GIẬN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, vọng nói lời la làm cho người tức giận, phạm Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiểm Tỳ, ông Xiển Đà phạm tội, khi chư Tỳ Kheo hỏi, thì ông đem việc khác mà trả lời : Ông muốn nói gì ? Muốn luận nghĩa lý gì ? Muốn nói tôi hay là nói với ai ? Ai là người phạm tội ? Tội do đâu sinh ra ? Tôi không thấy tội, vì sao nói tôi có tội ? Chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật dạy chúng Tăng làm phép Yết Ma nói lời khác liền kết giới cấm.

Nếu Tỳ Kheo nói lời khác phạm Ba Dật Đề, chúng Tăng đã đồng cấm không được nói lời khác, sau bèn chọc cho chúng Tăng buồn, kêu ông đến ông không đến, khi không kêu, ông lại đến, đáng đứng dậy không đứng dậy, đáng ngồi xuống mà ông lại đứng dậy, đáng nói mà ông nín, không đáng nói mà ông lại la lên.

Phật dạy chúng Tăng làm phép Yết Ma, chọc chúng Tăng buồn, mới hiệp hai việc này : “Nói lời khác và làm chọc buồn” mà vì kiết giới (*văn bạch Yết Ma như trong luật bốn đã dạy*).

Vọng là gì ? Tức là không đúng sự thật kia mà đối đáp vậy. Nói lời lạ là gì ? Tức là nói lời khác, nghĩa là khi các Tỳ Kheo như pháp hỏi, ông ấy quyết lòng không chịu, bèn đem chuyện khác mà trả lời : ông nói với ai, nói việc gì, nhấn đến tôi không thấy tội. Nếu trước chúng Tăng chưa làm phép bạch hỏi các lời như thế, đều phạm Ác tác, nếu chúng Tăng làm phép bạch rồi, nói các lời khác như vậy, đều phạm tội Đọa.

Làm cho người khác tức giận là gì ? Nghĩa là cố tâm làm cho ông kia sinh tâm buồn, kêu đến không đến, không kêu bèn đến, nhấn đến không đáng nói mà lại la lên. Nếu trước khi chưa làm phép bạch, mà chọc chúng Tăng buồn như thế, tất cả đều phạm Ác tác, nếu chúng Tăng đã làm phép bạch rồi, mà chọc chúng Tăng như thế, tất cả đều phạm tội Đọa. Nếu vị Thượng Tọa kêu đến mà ông không đến phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Nặng tai nghe không rõ, người kia nói lấp đáp không rành câu chuyện, ông hỏi lại ông kia, giống như kiểm chuyện khác.

Nếu ông kia muốn làm phép Yết Ma phi pháp phi luật, muốn vì hai thầy thân hữu, làm phép Yết Ma không lợi ích, không cho ông hòa hiệp, kêu đến không đến, hoặc ông muốn biết lời dạy đó, bảo

dừng đến ông bèn đến, hoặc khi phải ngồi một chỗ mà ăn, hoặc ông bệnh, nghe kêu, đứng dậy đi, đáng lẽ ông phải thưa như vậy :

Thưa Đại đức cho phép tôi có nhân duyên như vậy (bệnh) nên không đi được, hoặc có các nạn sự, dạy ông dừng đi, ông bèn đi, hoặc có tâm ác hỏi v.v... Không cùng nói, hoặc chúng Tăng làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật không lợi ích, dạy ông đừng nói, ông bèn nói đủ thứ như vậy, tuồng như ông làm xúc não nhưng đều không phạm.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu trong chúng Tăng hỏi khác mà ông đáp khác, thì phạm tội Đọa. Trong đông người hoặc hai thầy Trưởng lão hỏi khác, đáp khác, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Luật Nhiếp nói : “Nếu đối với chúng Tăng và bậc tôn túc dạy xứng lý cho ta, tâm nhớ trái buồn, cũng phạm tội Đọa, dạy không xứng lý, ta nói lời trái buồn, phạm Ác tác”.

Nếu sai làm Tri chúng, dùng tâm nhớ nhuốc, việc nên làm không làm, việc không nên làm mà làm, cũng phạm tội Đọa, không có tâm nhớ phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu khinh hai thầy và khinh giới mỗi lời phạm mỗi tội Đọa, khinh các Tỳ Kheo phạm Ác tác, nhân đến thầy dạy quét đất mà không quét, dạy quét xuôi gió, lại quét ngược gió, đều phạm Ác tác”.

Căn Bản Luật nói : Nếu thầy Tỳ Kheo thấy người thợ săn rượt con nai v.v... chạy vào chùa, thợ

sấn hỏi rằng : Ông có thấy con nai chạy ngang qua đây không ?

Không nên đáp rằng : Thấy. Nếu nhằm mùa lạnh, đáp rằng : Ông nên tạm vào thất này hơ lửa cho ấm, nếu nhằm mùa nóng, đáp rằng : Ông nên tạm vào đây uống nước cho mát, ngừng nghỉ một chút. Nếu thợ săn nói tôi không mệt mỏi, tôi hỏi con nai có chạy ngang qua đây không ?...

Trước mình nên xem móng tay, trả lời rằng : Tôi chỉ thấy móng tay, nếu hỏi nữa, nên xem trên hư không trả lời rằng : Tôi thấy hư không. Nếu thợ săn hỏi rằng : Tôi không hỏi móng tay và hư không, tôi chỉ hỏi loài hữu tình khá giết để ăn thịt có chạy ngang qua đây không ?...

Tỳ Kheo nên xem bốn phương tưởng như vậy : Ở trong thắng Nghĩa đế, tất cả các hạnh, vốn không hữu tình, liền trả lời : Tôi không thấy hữu tình, nói như vậy không phạm.

Giới thứ mười ba CẤM TRÁCH MẮNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trách mắng phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như thiên thứ hai trong giới vô căn báng. Ông Ma La Tử bị chúng Tăng sai chia ngọ cụ cho chúng Tăng, và chia đồ ăn cho chúng Tăng, ông Từ Địa Tỳ Kheo ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe, chê trách rằng : ông Ma La Tử có

thương, có giận, có sợ, có si, chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Sau ở chỗ tai nghe mắt không thấy, mắng rằng : ông Ma La Tử, có thương, giận, sợ, si. Phật mới hiệp lại hai việc này kiết giới thêm.

a.- Trách là gì ? Nghĩa là lòng dạ không ưa mà oán ghét hủy mạ người hoặc mắng người trước mặt, hoặc mắng sau lưng, trong đây chỉ lấy cái nghĩa đối diện. Đối trước mặt là gì ? Chỗ chừng mắt thấy tai không nghe, mà nói có thương v.v...

b.- Mắng là gì ? Nghĩa là buông ra lời nói chẳng lành mà trách mắng người, hoặc mắng trước mặt, hoặc mắng sau lưng, trong đây lấy cái nghĩa mắng sau lưng. Mắng sau lưng là gì ? Chỗ chừng tai nghe mắt không thấy mà nói có thương, có giận v.v...

Thể thức phạm tội trong đây là như thế nào ? Hoặc đối trước mặt, hoặc đối sau lưng mà mắng, nói rõ ràng, phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu vị Thượng Tọa dạy mà ông trách mắng, hoặc ông lãnh lời dạy rồi trách mắng, phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Ông kia thật có sự ấy và sợ sau ăn năn đã muộn, nên nói cho ông như pháp phát lồ, chớ không phải mắng, hoặc nói giỡn cợt, nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm v.v... (xét ra trong Luật khác đồng nói : hiềm trách ông bị chúng Tăng sai, phạm tội Đọa, hiềm trách ông khác, phạm Ác tác).

Giới thứ mười bốn
CẤM TRẢI NGỌ CỤ CỦA CHÚNG TĂNG
RỒI KHÔNG CÁT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy giường dây, giường cây của chúng Tăng, hoặc đồ nằm, nệm ngồi, trải ở nơi đất trống, hoặc bảo người trải, bỏ đi, mình không cát, không bảo người cát, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phạt nự nơi vườn Cấp Cô Độc, phái Thập thất quần Tỳ Kheo lấy tọa cụ của chúng Tăng, trải nơi đất trống, đi kinh hành, không thâu cát, bị gió thổi bụi đất lấm, trùng và chim mổ hư, nhớ nhớp không sạch, chư Tỳ Kheo thấy vậy bèn bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Lấy là gì ? Hoặc mình lấy, hoặc dạy người khác lấy.

Chúng Tăng là gì ? Nghĩa là 4 thầy Tỳ Kheo sắp lên. Trong đây là giường dây v.v... nghĩa là vật của chúng Tăng.

Vật chúng Tăng là gì ? Hoặc họ vì chúng Tăng sắm, chưa đem cúng cho chúng Tăng, hoặc thuộc về chúng Tăng, nghĩa là đã vào tay của chúng Tăng tức đã cúng cho chúng Tăng vậy.

Giường dây là gì ? Có 5 thứ, nghĩa là :

- 1.- Giường chân tiện
- 2.- Giường chân ngay
- 3.- Giường chân cong
- 4.- Giường buộc treo
- 5.- Giường không chân.

Giường cây cũng có 5 thứ như thế.

Ngọa cụ là gì ? Hoặc dùng để ngồi, hoặc dùng để nằm.

Nệm ngồi là gì ? Là cái dùng để ngồi.

Trái nơi đất trống là gì ? Là chỗ không có che lợp.

Trái ? Là để khắp vậy.

Bỏ đi ? Nghĩa là lia chỗ ở, đi nơi khác.

Mình không cất ? Nghĩa là mình không thâu cất.

Không dạy người cất ? Nghĩa là không căn dặn người kia cất giùm, hoặc mình có duyên sự muốn đi, phải dặn bảo Tỷ Kheo cựa trụ hoặc dặn ông hay sửa sang nói rằng : Tôi nay có duyên sự muốn đi gấp, nhắc Đại đức giữ gìn, xem xét cất giùm, nếu không có ông nào hết, mình phải cất để chỗ khuất rồi đi, nếu không có chỗ khuất phải lấy cái tốt để ở dưới, rồi lấy cái xấu phủ lên trên rồi đi, nếu về liền được nên đi, hoặc đi mau, về mau không hư đồ, nên đi đại, hoặc mưa vừa vừa dầm mưa đi liệu về kịp được, nên dầm mưa đi, mưa lâm râm về kịp được thì nên đi.

Thế thức phạm tội trong đây thế nào ? Nếu không làm phương tiện như trước mà đi, khi mới ra khỏi cửa, liền phạm tội Đọa, nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, ý muốn đi mà không đi, ăn năn lại, tất cả phạm Ác tác.

Hoặc hai người ngồi chung một giường, ông hạ tọa phải thu cát rồi đi, ông hạ tọa có ý nạnh hẹ, thì ông Thượng Tọa phải thu cát, mà ông Thượng Tọa không thu cát, ông hạ tọa phạm tội Đọa, Thượng Tọa cũng do sai oai nghi vậy, phạm tội Ác tác.

Ông Thượng Tọa có ý tưởng ông hạ tọa phải thu cát, mà ông hạ tọa không thu cát ông Thượng Tọa phạm tội Đọa. Nếu hai người đồng tới một lượt, không đồng thu, hai người đều phạm tội Đọa.

Hoặc giường dây, giường cây, giường xích đu, hay là giường ngồi tắm, để trống, hoặc ngọa cụ, hoặc trải dưới đất, hoặc lấy dây buộc, nhợ gai, bỏ ngoài đất trống không thu cát, bèn bỏ đi, đều phạm Ác tác. Nếu trải ngọa cụ của chúng Tăng ở nơi đất trống không thu cát, mà vào phòng ngồi suy nghĩ (*ngồi thiền*), phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thế thức không phạm là gì ? Dặn bảo rồi đi, như vậy mới được an ổn, còn đi liền về liền như trước, nên biết. Nếu gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho không thu, cứ đi. Ngoài ra những giường dư không v.v... phải thu cát rồi mới đi, nếu hai người chung ngồi, ông hạ tọa nên thu, hoặc khi luận pháp luật thua nhau ba lạp cho ngồi chung giường cây, thua nhau hai lạp, cho ngồi chung giường dây nhỏ, không nên hai người đồng ngủ một giường, trừ bệnh.

Không nên hai người đồng nằm đắp chung một mền, nếu không dư mền cho trải trên đất, riêng mỗi người lót khăn mà nằm. Trời lạnh chỉ có một cái

mền, cho mặc áo lót trong thân mỗi người, ngoài mới phủ trùm cái mền lên, trái đây phạm tội.

Phụ văn : Xét trong luật bốn, không cất vật của chúng Tăng, phải tội Đọa. Nếu vật riêng của mỗi người, hoặc vật của mình, không cất phạm Ác tác. Có dặn bảo người phải là Tỳ Kheo, các người khác không kham, nhưng có duyên sự thì cũng cho.

Bà Sa Luật : Ông Sa Di lớn trì giới giỏi cũng nên dặn bảo đó. Luật Nhiếp nói : Nếu không có Tỳ Kheo, nên kêu mượn ông Sa Di, chỗ đây không có Sa Di, nên dặn thí chủ gần, ông thí chủ cũng không có, nên xem bốn phương không có ai giấu chia khóa cửa chỗ kín rồi mới đi. Nếu đi ở giữa đường, gặp thấy Tỳ Kheo ở một chỗ, phải chỉ chỗ giấu chia khóa cửa, hoặc đi giữa đường trao cho người khác cất, khi về chùa rồi đầu hôm không cất, đợi đến mặt trời mọc, không hư mà cất, phạm Ác tác, nếu hư mà cất đó, phạm tội Đọa.

Có năm hạng người không nên dặn bảo :

- 1.- Người không biết hổ thẹn
- 2.- Người thù hiềm
- 3.- Người già yếu
- 4.- Người có bệnh
- 5.- Ông Sa Di.

Phạm y phục hay sở hữu của chúng Tăng, không nên lấy vật khác mà cúng thế đó, vì không hợp thọ dùng, dù vật thế kia cũng không phải vật rách nát. Nếu ngọ cụ của chúng Tăng dùng có hư rách đó, không nên không vá sửa, kia có chỗ rách

lúng. cần phải tu bổ vá lại, nếu đứt khúc đó, phải nối liền lại, nếu tu bổ không kham đó, xé nhỏ làm tim đèn, cho đến lấy nhét lỗ kẽ tường hở, cho thí chủ thêm phước.

Chư Tỳ Kheo khi nghe pháp ban đêm, không nên cho cô Ni và người tục, ông Sa Di đồng ngồi một chiếu, có nạn duyên không phạm. Ông không hạ không nên ngồi chung với ông có ba hạ, ông một hạ không nên ngồi chung với ông bốn hạ, ông hai hạ sắp lui, cùng với ông ba hạ đủ, đều cho đồng ngồi.

Hoặc nhà của người bạch y hẹp ? Tùy ông Thân giáo sư cho đồng ngồi không phạm, ở trên một giường cho ngồi ba người, hoặc cây khô lớn, cho ngồi hai người, cây vuông, cây vuông nhỏ chỉ ngồi một người, không nên chồng nhiều lớp cây khô mà ngồi.

Giới thứ mười lăm

CẤM TRẢI NGỌ CỤ TRONG PHÒNG CHÚNG TĂNG KHÔNG CẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trong phòng chúng Tăng, lấy ngọ cụ của chúng Tăng, hoặc mình trải hoặc bảo người trải, khi đi không cất, không bảo người cất, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Bấy giờ có ông khách Tỳ Kheo nói với ông Tỳ Kheo cự trụ rằng : Tôi ở trong phòng chúng Tăng, lấy ngọ cụ chúng Tăng trải nằm ngủ, khi sau không cho người chủ hay bèn bỏ đi, ngọ cụ rã hư bị trùng cắn

bay màu, chư Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phòng chúng Tăng là gì ? Tức là chỗ chúng Tăng ở có thể chứa được 4 oai nghi vậy.

Ngoạ cụ là gì ? Đồng giải như trước, hoặc trái giường, nệm, gối, cho đến miếng khảm lót nằm của chúng Tăng, khi đi phải cất, hoặc dặn rằng : giữ gìn gấm cất giùm tôi. Nếu không người mà cũng không sợ mất, phải dời giường cách vách một chút, kê chân lên, gối nệm để ở trong, lấy vải cũ phủ lên trên, nếu sợ hư rã, phải lấy ngoạ cụ v.v... để y vô gói lại máng trên gác, dựng nghiêng giường lại rồi đi.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu không làm việc như trước mà đi, khi ra ngoài giới phạm tội Đọa. Một chân ở ngoài giới hẳn đến hện đi mà không đi, đều phạm Ác tác. Hoặc không tính trở về, ngủ ở ngoài hai đêm, đến đêm thứ ba, trời hừng đông, trở về phòng không kịp, cũng chẳng sai người về gửi gấm giữ gìn vật đó, phải tội Đọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Làm việc thứ lớp như trước rồi đi, hoặc đi về liền, hoặc bị các nạn duyên về liền không được sai người về v.v... các việc nói trên, như giới trước.

Phụ văn : Thiện Kiến Luật nói : "Trái ngoạ cụ trong phòng chúng Tăng nếu không có hàng rào ngăn cách, mình không dẹp cất đi xa chừng một lần đá quăng, thì phạm Ác tác, xa tới hai lần đá quăng thì phạm tội Đọa".

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu khi muốn đi, trong phòng đó phải rưới quét cho sạch, nệm gối phơi cho khô, nói với người chủ giường nệm hay biết. Nếu ngủ ở nhà người thế tục khi đi phải tỏ vẻ cảm ơn, hoặc chiếu trải đó, khi đi phải hỏi, chiếu này phải để chỗ nào ? Tùy người chủ nói, thì để chỗ đó. Nếu chủ nói : ông đi đi, tôi sẽ dọn dẹp, phải xếp tề lại một góc, rồi mới đi.

Giới thứ mười sáu CẤM CƯƠNG ĐOẠT CHỖ NGỦ NGHỈ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết chỗ Tỳ Kheo kia ở trước, đến sau cương trải ngọa cụ chính giữa mà ngủ, lại nghĩ rằng nếu ông chê chặt, thì sẽ lánh mình mà đi, nhân duyên như vậy không chi khác, không phải oai nghi, phạm Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần và phái Thập thất quần đi đường tới làng đó không có Tỳ Kheo, phái Thập thất quần nói với phái Lục quần rằng ông là bậc Thượng Tọa chúng tôi, phải đi trước tìm chỗ ở. Phái Lục quần trả lời : các ông tự đi, tôi khỏi tìm chỗ ở.

Khi đó phái Thập thất quần bèn đi tìm chỗ trải ngọa cụ ngủ nghỉ, phái Lục quần đến sau, dự luận niên lạp theo thứ lớp bảo đứng dậy, ông kia không đứng dậy, bèn cương chính giữa trải ngọa cụ ngủ nghỉ. phái Thập thất quần lớn tiếng : các tôn giả đừng làm như vậy. Chư Tỳ Kheo nghe bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết là gì ? Hoặc mình biết, hoặc người khác nói cho biết, rõ chẳng phải không biết vậy.

Chỗ Tỳ Kheo kia ở trước là gì ? Nghĩa là có Tỳ Kheo ở trong đó ngủ nghỉ rồi vậy.

Đến sau là gì ? Là Tỳ Kheo đến sau cây thế ý mạnh nằm càn ngổ ngang.

Chính giữa là gì ? Hoặc trên đầu, hoặc dưới chân, hoặc hai bên hông.

Ngọa cụ là gì ? Trái bằng cỏ bằng lá, cho đến trái ngọa cụ trên đất.

Nghỉ rằng là gì ? Sinh tâm xấu, muốn cho ông kia lánh mình mà đi.

Ông kia nếu chê chật là gì ? Nghĩa là ông kia bị ép bức khổ sở không vui tự phải lánh mình đi.

Nhân duyên như vậy không có chi khác là gì ? Nghĩa là việc ý mạnh không tốt như trên, làm cho người phải tránh, chớ không chi khác.

Không phải oai nghi là gì ? Nghĩa là không phải việc của hàng Sa môn nên làm, nên phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Tùy nơi thân mình lăn trở, hông đụng giường phạm Ba Dật Đề. Bốn chúng kia đều phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không biết ông kia ở trước, hoặc nói rồi mới nghỉ, hoặc rộng rãi không ngăn ngại nhau, hoặc có người bạn cũ bảo trái ở

chính giữa đấy, hoặc có người bệnh ngã xiêu, hoặc người bất nhốt các nạn v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu chỗ ở nhỏ, một Tỳ Kheo phải một căn, trải giường nệm, nếu ông đến sau, ngủ trên giường ông kia, ông đó là bậc Thượng Tọa phải nói rằng : Trưởng lão không biết đức Thế Tôn chế giới ra sao ư ?

Nếu đó là bậc hạ tọa phải quả trách : Ông quấy lắm, ông không biết đức Thế Tôn chế giới ra sao, ông đến sau, sao lại được ngủ trên giường ông khác ?...

Nếu Tỳ Kheo ở chỗ khác kinh hành nhiều tháp Phật, Tỳ Kheo cự trụ đến kinh hành, phải lánh đi, nếu làm nhiều loạn ông thì phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni phạm Thô tội, ba chúng sau phạm Diệt Tỳ Ni, người thế tục phạm Diệt Tỳ Ni tâm hối.

Thập Tụng Luật nói : “Vi làm cho ông kia buồn, nên đóng cửa, mở cửa, hoặc đóng hượng này mở hượng khác, hoặc đốt lửa, tắt lửa, hoặc đốt đèn, tắt đèn...”

Phàm bài văn chú nguyện tụng kinh, hay nói pháp cùng vấn nạn, tùy nói việc cao quá. Ông kia không hiểu không vui đều phạm tội Đọa (*thuyết pháp bất đầu cơ*).

Luật Nhiếp nói : Nhà đi đại tiểu tiện, không tùy lớn nhỏ, người đến trước thì vào trước, chỗ rửa chân phải tùy lớn nhỏ. Đồ đạc của chúng Tăng nhân đến diệm nhuộm đồ, hễ người trước dùng, cũng phải đợi rồi, không nên tùy niên lạ lớn nhỏ,

rồi giật lấy trước mà dùng, cũng không nên trong chậu để còn một chút nước nhuộm làm cho tâm trở ngại ông sau. khi đọc kinh, hay tụng kinh, ông đến trước phải ngồi trước, không nên tùy lớn nhỏ, làm cho ông kia phải dời đi, dao cạo tóc của chúng Tăng cạo rồi phải trả lại chỗ cũ, không nên trễ nãi, những việc này không y đây mà làm, đều phạm Ác tác.

Giới thứ mười bảy CẤM KÉO ÔNG KHÁC RA KHỎI PHÒNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì giận không ưa Tỳ Kheo khác, Tỳ Kheo kia ở trong phòng của chúng Tăng, hoặc mình tự kéo, hoặc bảo người kéo ra, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phái Thập thất quần vào chùa rưới quét phòng nhà, trái ngọạ cụ ngủ nghỉ, phái Lục quần đến sau vì giận không ưa, cưỡng kéo ông kia ra khỏi phòng, Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Kéo ra là gì ? Hoặc lấy tay kéo ra, hoặc đuổi ông tự ra, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc kéo nhiều ông ra nhiều cửa, phạm nhiều tội Đọa, nếu kéo nhiều người ra một cửa, phạm nhiều tội Đọa, nếu kéo một người ra một cửa phạm một tội Đọa, ra nhiều cửa phạm nhiều tội Đọa. Nếu đem vật ông kia quăng ra ngoài cửa hoặc đóng cửa bỏ ông kia ở ngoài, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không có tâm giận hờn, tùy thứ lớp phải ra, nếu đến đêm thứ ba, đuổi ông Sa Di ra, hoặc đuổi ông phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc ông bị tấn, và ông đáng tấn, hoặc do vì đây mà có phạm hạnh mạng nạn những người như vậy đuổi ra không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu đem những người không ưa đến ở chung trong phòng, muốn cho họ tự ra, hoặc ra hay không ra, đều phạm Ác tác”.

Kéo bốn chúng kia ra, phạm Ác tác. Cô Ni kéo hai chúng trước ra phạm tội Đọa. Kéo ba chúng sau ra phạm Ác tác. Nếu kéo ông không biết tâm quý, và muốn hàng phục kẻ đệ tử, mà kéo ra thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc có Tỳ Kheo đó là người đấu tranh, hay làm cho chúng Tăng sinh việc đấu tranh, khi chúng Tăng đấu tranh rồi, thì làm cho chúng Tăng đấu tranh thêm lên, ông đó giới luật, kiến thức, phép tắc phần nhiều hư hỏng, những ông như thế giận kéo ra, nếu ta không có thiện tâm cũng phạm Ác tác”.

Hoặc chỗ đó không phải phòng chúng Tăng, kéo thầy Tỳ Kheo thanh tịnh ra phạm Ác tác. Hoặc người phá giới, đại chúng phải đồng đuổi ra, hoặc sợ ông đánh lộn, phải làm cho ông sợ, cầm y bát phương tiện cho ông ra, hoặc đối trong môn đồ, hoặc đối với người khác, phải có tâm quở trách, và trừng răn cho ông kia dứt, thì kéo ra khỏi phòng, không phạm.

Song không nên đuổi ông ra khỏi chỗ ở, hoặc ông không có tội phá giới, nhưng toàn chúng nói cũng không được thì phải làm phép kéo bường dặng bẻ dẹp đó, phải bảo người có trí, tới ông kia mở lời khuyên can, cho ông kia dứt niệm ác, mà đến sám tạ. Hoặc ông Sa Di không tâm cung kính, không được dạy bảo đó, hãy cho 6 vật rồi đuổi ra khỏi. Nếu ông Sa Di cho ta y cứu và y ngũ, cũng đuổi, không vị.

Nếu Tỳ Kheo ở chỗ rông rảnh đến nhiều và thường, phải khảy móng tay nói rằng : Hiền thủ người phải đi xa đi, chớ làm náo Tỳ Kheo. Nếu bảo rồi mà nó không đi, thì phải lấy vật mềm buộc kéo đi, đừng lấy những thứ dây bằng lông buộc, làm cho nó thương tổn. Đến chỗ lùm cỏ, vũng vàng mở thả, đợi cho nó vào trong hang rồi, vạy sau mới bỏ đi.

Hoặc mình muốn bỏ bò chết, rận, rệp v.v... thì không nên tùy tiện bỏ dưới đất, phải để lên miếng bố trắng cũ, xem chừng lạnh nóng mà yên để đó. Đây nếu không có chỗ như thế, phải để trong kẽ tường, hay là nơi lỗ cột mặc dầu nó tự sống.

Tạp Sự nói : Loài bích sắc (*rận, rệp*) phải để trong cỏ xanh, nếu không chỗ như vậy, phải để chỗ mát mẻ, hoặc có thứ trùng khác, nên yên để chỗ thích hợp nó, phạm loài có mạng sống, không nên treo bỏ cho nó chết ngộp.

Luật bốn nói : Không nên ở chỗ nhiều người bắt rệp dưới đất, xưa có ông Tỳ Kheo già bệnh thường thường trỗi dậy bắt bỏ rận rệp coi bộ mệt

nhọc. Phật cho lấy nanh, sừng, tre, lau, sậy v.v... làm cái ống, bắt rệp bỏ trong ống, rệp có bò ra, cho làm cái nắp đậy lại, lấy dây buộc để dưới chân giường.

Có chỗ rằng : Không nên để trong ống lâu, cũng đừng để cho nó đói lạnh, phải đem ra nhằm chỗ thích hợp mà để. Nói phép kéo bường đó, nghĩa là để tạm bợ, không cho nói chung, làm việc chung, ví như con ngựa dữ khó điều phục, tức là phải khớp cương và cặng nọc mà đuổi bỏ đi.

Giới thứ mười tám

CẤM Ở TRÊN LẦU NGỒI GIƯỜNG SÚT CHÂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ở trên phòng lầu gác, hoặc ngồi nằm trên giường dây, giường cây sút chân, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó Tỳ Kheo ở trên lầu gác, giường sút chân ngồi không vững vàng, ván mỏng chân giường lọt, rớt xuống trúng Tỳ Kheo đương ở dưới lả thân chảy máu, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Phòng là gì ? Hoặc là phòng chúng Tăng, hoặc phòng riêng, tức là phòng trên lầu hai tầng. Xét giới bốn trong bộ Da Xá dịch ra : chữ phòng không nói phòng trên hay phòng dưới.

Tầng gác là gì ? Nghĩa là căn phòng ở trên gác hai tầng, đứng khỏi dụng đầu. Xét ra gác này nhằm căn thứ ván mỏng và mục không chắc, hoặc làm gác bằng tre tấm vòng vậy.

Giường sút chân là gì ? Tức là cái giường chân sút ra, giường sút chân gác mỏng không chắc, lại ngồi không vững vàng, lỗi do đấy sinh ra. Nếu giường đó sút chân, mà gác chắc thì không lỗi, gác không chắc, lấy chân để nhún nhẹ nhẹ, nếu ván có tách, đóng lại cho chắc, hoặc lấy cây chống, ấy cũng không lỗi, dù gác chắc, giường chắc cũng phải tề chỉnh. Song phép Tỳ Kheo đi đứng nằm ngồi, cần phải nhiếp tâm xem xét. Nếu lung lộng giỡn cợt tức thì phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Tùy hông sát giường, tùy có trần trở, phạm tội Đọa. Trừ giường sút chân sẵn, hoặc ngồi giường chiếc, hoặc ngồi giường một tấm ván, hoặc giường tấm, tất cả đều phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội như trước.

Không phạm là gì ? Như ngồi giường chân tiện, giường chân ngay, giường chân cong, giường không chân, giường cây lớn, hoặc trên gác lót bit, hoặc giường để ngửa, hoặc giường đã sút chân v.v...

Giới thứ mười chín

CẤM ĐEM NƯỚC CÓ TRÙNG XỐI HỒ XỐI CỎ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết nước có trùng, hoặc mình đem xối hồ xối cỏ, hoặc bảo người xối, phạm Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự ở nước Câu Thiểm Di, ông Xiển Đà xây nhà lớn, dùng nước có trùng trộn hồ, hoặc dạy người trộn. Phật nhân đó kết giới cấm.

Biết là gì ? Hoặc mình xem biết, hoặc người khác nói mình biết.

Nước là gì ? Là nước sông, nước ao, nước giếng, nhẵn đến các loại nước dấm v.v...

Trùng là gì ? Là loại trùng nước, mắt thấy được, hoặc lược rồi mà còn thấy.

Xối là gì ? Là rưới vậy, khác tên chớ cũng là dùng, dùng có trong ngoài.

Trong là gì ? Nghĩa là thuộc về nước ăn uống; ngoài, nghĩa là dùng để xối rưới rửa ráy, giặt nhuộm, tắm gội. Trong giới đây vì nước dùng ở ngoài nên cấm, còn nước dùng ở trong, như giới sau có cấm.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Biết nước có trùng, dùng xối hồ xối cỏ, hoặc lấy cỏ đất quăng bỏ trong đấy, đều phạm tội Đọa. Nước có trùng, nghi và nước không trùng tưởng có trùng, hoặc nghi, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không biết nước có trùng, tưởng kia không trùng hoặc trùng lớn, lấy tay quậy nước cho nó dang đi, hoặc có lược nước rưới đất v.v...

Phụ văn : Nếu xét trong Ngũ Phần, và trong Thuyết Nhất Thế Hữu Bộ : nước có trùng mà nghi thì mắc Bốn tội (tức là tội Ba Dật Đề), với bộ Căn bản thì không đồng, còn bao nhiêu giới khác, nghi thì mắc tội, sánh theo đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : “Tùy trùng chết mấy con, phạm mấy tội Đọa”.

Căn Bản Luật nói : “Nước sông, nước ao, phần nhiều có trùng, cá, các Tỳ Kheo cố tâm sát, quyết đi trong nước kia đập trùng chết, đều phạm tội Đọa. không chết phạm Ác tác, ở chỗ nào nước có trùng, đắp đưng cho lở, sợ trùng ở dưới bờ chết, phạm tội đồng như trước”.

Luật Nhiếp nói : “Dầu nước không trùng cũng không nên hất bỏ, phạm Ác tác. Phải rải tan ra, hoặc đem tới lỗ đưa cao chừng cánh chỏ, nghiêng mình đổ đó”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu Tỳ Kheo sắm sửa làm phòng nhà thất kín, khi dùng nước, hoặc nước sông, nước ao, nước giếng, lược sẵn vào mái cho đầy, coi kỹ không trùng, vẩy sau mới dùng”.

Nếu để lâu sinh trùng, phải lược lọc lại, xem cho kỹ, nếu cũng sinh trùng thì lược cho đến lần thứ ba, nếu nước đó lược để lâu sinh trùng nữa phải đem đổ lại trong giếng, xem cho chín chắn như trước, nếu nước cũ còn sinh trùng nữa, thì phải bỏ công việc làm phòng nhà đó đi đến chỗ khác ở. Trùng sinh không chừng, hoặc trước không có, sau rồi mới sinh, hoặc trước có trùng sau lại hết, cho nên Tỳ Kheo mỗi ngày phải chín chắn quan sát, không trùng mới nên dùng.

Bà Sa Luật nói : “Muốn ở chỗ đó, trước phải xem nước lấy lụa trắng cho thật nhuyễn may bàn lược một lớp, bảo ông tri giới chín chắn lược nước,

nước lược rồi đổ vào mái, đợi mặt trời soi vào coi cho thật kỹ, nếu nước cũ có trùng, phải làm bàn lược ba lớp, ba lớp lược còn sinh trùng nữa, thì chỗ này không nên ở”.

Phàm sát sinh cũng có nguyên nhân :

- 1.- Vì lòng tham lộng, sừng, da, thịt mà sát.
- 2.- Có tâm oán ghét giận hờn mà sát.
- 3.- Không có tâm vì việc tham lợi và sân hại mà sát. Đó gọi là ngu si sát. (đây dùng nước có trùng chính là người ngu si sát sinh vậy).

Giới thứ hai mươi CẤM LỘP NHÀ QUÁ BA LỚP

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm phòng nhà lớn, cửa sổ, cửa song, và các món trang sức, chỉ dáy lợp nhà chừng hai ba lớp thôi, nếu quá phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Ông kia khởi tâm làm phòng lớn, lợp còn dư tranh, lại lợp chồng thêm quá ba lớp không thôi, nhà ấy bèn sập hư. Các Cư sĩ thấy chê cười, chư Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Làm là gì ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người khác làm.

Phòng nhà lớn là gì ? Nghĩa là làm quá cỡ, và dùng nhiều vật.

Cánh cửa là gì ? Trung Hoa dịch là hộ phiến.

Cửa sổ là gì ? Vách tường khai lỗ cho lọt ánh sáng.

Các món trang sức là gì ? Là chạm khắc vẽ vời các thứ trau dồi tốt đẹp. Xét phong tục bên Tây quốc làm nhà cửa, đài quán gạch cửa cao bằng đầu người, vách tường xây trộn bằng hồ vôi, trên nóc lợp bằng ngói in hoặc bằng tranh, hay là bằng rơm, cửa sổ trên vách tường làm bằng cây có vẽ vời chạm trổ nhiều cách lạ để trau dồi.

Chỉ bảo ? Cũng như dạy bảo.

Che lợp ? Tức lợp nhà, có hai thứ : lợp xuôi và lợp ngang.

Chùng hai, ba là gì ? Nghĩa là lợp chùng hai, ba lớp là vừa rồi.

Nếu quá là gì ? Tức là vượt bỏ hạn lượng, cho nên phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Nếu dạy lợp hai lớp rồi, lợp thứ ba chưa rồi, sẽ bỏ đi cho xa chỗ mắt không thấy tai không nghe, nếu ở trễ lợp lớp thứ ba rồi, phạm tội Đọa. Nếu đi đến chỗ đó không nghe mà còn thấy, hoặc không thấy, mà còn nghe, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Lợp lớp thứ ba chưa rồi, bỏ đi đến chỗ không thấy không nghe, nếu bị nạn trắc trở đi không được thì không phạm.

Phụ văn : Xét trong Bốn bộ, cùng trong Thập Tụng Luật : thì lợp lớp thứ ba rồi bỏ đi không phạm. Bộ khác nói : lợp đến lớp thứ tư rồi mới thành phạm.

Căn Bản Luật nói : “Nếu khi khởi làm nhà gạch, phải trộn hồ nhào, bắt đầu xây nền dưới đất, tức là sáng khởi chân tường phải xây hai ba lớp gạch giáp vòng chân nền, nếu quá ba lớp phạm tội Đọa. Phải xây bằng gạch hãm và đá, cừ. Hoặ như người thí chủ muốn mau thành, tuy xây quá số lớp, cũng đều không phạm”.

Nhân đây nói rõ phép phòng xá. Khi đó có Tỳ Kheo đắp y bày vai hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, chúng con sẽ ở đâu và làm phòng xá ngọa cụ bằng cách nào ?

Phật dạy : Cho ở A Lan Nhã, hoặc dưới gốc cây, hoặc phòng trống, hoặc cốc và hang núi, hoặc ngoài chỗ đất trống, kết cỏ trái bên đám cỏ tranh, bên rừng, bên gò mả, bên nước, hoặc lót cỏ, lót lá cây, hoặc người đàn việt vì chúng Tăng làm nhà đại giảng đường lầu gác và các thứ phòng cho làm.

Tỳ Kheo muốn làm phòng để cần dùng, tất cả đều cho đó, cho đóng giường, cho sắm nệm, may gối tròn, gối vuông, gối ba góc, cho làm cửa, then cửa, cánh cửa, ống khóa, cho làm cửa kéo đóng bằng song nhỏ, cây cài cửa ngang, cây song hồng, ngạch gác ngang, có ông Sa Di còn nhỏ ở trong phòng, cũng phải ngăn riêng, cho đóng giường lớn, giường nhỏ, giường ngồi riêng, dùng ván thì cho ván lót dưới đất, cho làm cái nhà Bố tát lớn, khi Bố tát đông người, phải lót giường dài, kết tòa bằng cỏ, hoặc lót tòa cỏ trên đất, hoặc kết tòa bằng lá cây.

Cho làm cái nhà kinh hành dài, nếu có Tỳ Kheo già yếu bệnh hoạn, cho buộc dây hai đầu, lần dây mà đi kinh hành, lâu ngày có lở tay, cho làm ống bằng giấy, hoặc bằng ống tre, xỏ vô dây mà đi kinh hành. đi kinh hành có mỗi một, cho để hai cái giường hai đầu. Phải làm riêng chỗ rửa chân.

Trong đất chùa cho đào ao, trên cất rạp che, bốn phía làm lan can. Cho làm nhà để nước riêng. Tỳ Kheo có bệnh, không nên ở trên lầu gác và ở trong phòng lớn, phải làm thất nhỏ ở riêng, để cái bô và ống nhỏ, hoặc có trâu dê vào chùa, cho làm rào ngăn, lấy cây thưa ra làm trụ, hai miếng cây đồng óp lại làm lan can. Cho đào mương chung quanh cho nước chảy thông, hoặc đào giếng, nên đóng lan can chung quanh giếng, trên miệng giếng làm nắp đậy. Cho ở chỗ khuất bên nhà làm nhà tắm, phải làm kiếng cửa mở ra, trên phải khai lỗ thông hơi. Nên làm giường tắm phải lấy gạch đá lót đất cho bằng.

Phải làm cái nhà riêng để y khậu, và một cái nhà để nước nóng, một cái để củi, khi vào nhà tắm phải thứ lớp mà ngồi, không nên tắm chung với người bạch y, nếu thiệt người hay khâm khen Tam Bảo thì cho tắm. Cho bốn thứ che ngăn mà tắm, hoặc bằng vách tường, che bằng cây, che bằng cỏ, che bằng nước (*lu nước*).

Khi ta tắm, có bệnh lạnh nên làm nhà hơi lửa riêng, trong để lò lửa, không nên vẽ hình tượng của con trai, con gái trau dồi nhà cửa, cho dùng các thứ

màu, vẽ hình cầm thú (việc vẽ vờn trau dồi nhà cửa ở trong mục Tiêu Thích có nói đủ).

Không nên trọn đời cứ sửa sang ở trong phòng mình, nếu làm nhà lâu tốt cao lớn, cho làm trải đến 12 năm, trong 6 năm đầu phải lợp cho xong, còn lại cửa nẻo v.v... tùy lượng lớn nhỏ mà làm. Tỳ Kheo sửa sang không nên tất cả thời lãnh sửa phòng cho chúng Tăng, cho ba tháng hạ mãn rồi, tùy vị Thượng Tọa phân cắt.

Không nên lãnh sửa phòng mỗi chỗ khác, phải 90 ngày ở một chỗ. Người làm việc không nên ở trong chúng đông người. Nếu ở, không nên làm việc ít mà đòi phòng tri sự.

Khi kiết hạ an cư lãnh phòng làm việc rồi, không được lại lãnh phòng khác nữa. Tức là lấy cái phòng mình ở, làm cái phòng an cư. Nếu phòng chúng Tăng cũ hư, có ông Cư sĩ khác nói : cho tôi đi, tôi sẽ vì chúng Tăng sửa sang lại. Cho chúng Tăng bạch nhị Yết Ma cho Tỳ Kheo làm việc, Tăng chưa chia phòng cho ông, nhưng ông trước khi có việc ra đi, phải dặn người lãnh giùm, phải chia rành rẽ, lãnh giùm cái phòng chỗ nào đó. Không nên chứa đồ của người bạch y, như là lưỡi cày, cào cỏ. Không nên làm cái giường bằng sành, cái dĩa bằng sành, cái thăng bằng sành, cái ô, cái hộp cũng vậy.

Ngũ Phần Luật nói : “Không cho mua ruộng, nhà, phố xá. Có thí chủ cúng, cho chúng Tăng thọ, nhưng bảo tịnh nhân biết v.v...”

Giới thứ hai mươi mốt
CẤM TỰ MÌNH ĐI GIÁO GIỚI CHO CÔ NI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, chúng Tăng không sai, đi giáo giới cho Tỳ Kheo Ni, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Cấp Cô Độc, cô Tỳ Kheo Ni tên Đại Ái Đạo, xin Phật cho các Tỳ Kheo đi thuyết pháp dạy bảo cho các cô Ni. Phật ra lệnh cho ông A Nan tùy theo thứ lớp mà sai các vị Thượng Tọa đi thuyết pháp dạy bảo cô Ni. Khi đó nhằm phiên Tôn giả Bàn Đà đi, song Tôn giả chỉ thuộc có một bài kệ, khi đến chùa các cô Ni ba phen thỉnh, mà ngài ba phen cũng chỉ lập lại một bài kệ. Khi ngài đọc bài kệ lần thứ ba rồi ngài nhập vào đệ tứ thiền, các cô Ni La Hán kia rất vui mừng, chỉ có bọn Lục quần Ni bèn sinh tâm kiêu ngạo và hủy báng. Tôn giả liền thăng lên hư không hiện các thần thông nói pháp rồi bay đi.

Lúc ấy phái Lục quần Tỳ Kheo tự đi giáo giới, bèn nói việc khác, không nói chính pháp, chỉ bàn luận những việc thế tục. Phái Lục quần Ni rất vui vẻ, cô Ni Đại Ái Đạo đến bạch Phật. Phật bảo chư Tỳ Kheo, từ nay sắp về sau, phải bạch nhị Yết Ma, do trong chúng Tăng sai, mới được đi dạy bảo cô Ni.

Khi đó có phái Lục quần ra ngoài giới, thay nhau sai đi, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật dạy : Ông đi giáo giới cho các cô Ni, phải có đủ 10 pháp, rồi nhân đó Phật liền kết giới cấm. (*Mười pháp là gì ? Đồng giải như trước, trong sáu pháp phương tiện đã chép*).

Chúng Tăng là gì ? Là những vị đồng y một giới, đồng làm một phép Yết Ma.

Không sai là gì ? Là chúng Tăng không bạch nhị Yết Ma sai đi vậy.

Giáo giới là gì ? Nghĩa là do 8 pháp này không nên trái, mới hứa dạy bảo đó.

- 1) Cô Ni trăm tuổi, thấy thầy Tỳ Kheo mới thọ giới, phải đứng dậy tiếp rước, hỏi han lễ bái mời ngồi.
- 2) Không được chê mắng thầy Tỳ Kheo.
- 3) Không được cử tội thầy Tỳ Kheo, hay là làm cho ông nhớ, tưởng, tự trị lấy ông, không được ngăn ông tìm tội, ngăn tụng giới, ngăn tự tứ, và chỉ tội lỗi. Tỳ Kheo được chỉ tội lỗi của cô Ni.
- 4) Phải tới chúng Tỳ Kheo Tăng cầu xin thọ đại giới.
- 5) Nếu có phạm tội Tăng tàng, phải ở trong hai bộ Tăng nửa tháng hành pháp ở riêng.
- 6) Nửa tháng phải tới chúng Tỳ Kheo Tăng cầu một vị dạy bảo.
- 7) Không nên ở chỗ không Tỳ Kheo mà kết hạ an cư.
- 8) Khi an cư phải đến trong chúng Tỳ Kheo Tăng, cầu ba việc thấy, nghe, nghi mà tự tứ.

Tám pháp như vậy phải tôn trọng, vâng thờ tán thán, trọn đời không nên trái phạm (cũng gọi là pháp bát kính).

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nếu chúng Tăng không sai, hoặc không phải ngày đi dạy bảo mà đi, nói pháp bát kính phạm Ác tác, nói các pháp khác phạm tội Đọa. Nếu chúng Tăng sai đi, phải hẹn giờ đến, cô Ni cũng hẹn giờ rước, hẹn mà không đến phạm Ác tác, đến mà cô Ni không rước, cũng phạm Ác tác, cô Ni phải ra ngoài nửa do tuần rước, cùng các món cần dùng, không vậy thì phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Như trước chúng Tăng có sai đi, nếu có các nạn ngăn trở, không đúng với thời khắc mà đến.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu không có phép chúng Tăng sai giáo giới cô Ni, mà nói mỗi lời phạm mỗi tội Đọa. Còn giáo giới cho cô Thức Xoa Ma Na, hay cô Sa Di Ni, thì đều phạm Ác tác”.

Nếu chúng Tăng không sai, vì muốn dạy bảo, vào chỗ cô Ni ở, tùy vào nhiều ít, mỗi bước phạm mỗi tội Đọa. Nếu một chân vào cửa, phạm Ác tác. Trừ Tỳ Kheo Ni có bệnh.

Thiện Kiến Luật nói : Có 8 pháp, kham đi giáo giới cho các cô Ni.

- 1) Ông tri giới không phạm.
- 2) Ông giữ gìn tạng luật, và tu pháp tối thượng thừa.

- 3) Ông oai nghi cụ túc, không nuôi sống bằng các tà mạng, không đến năm chỗ.
- 4) Ông đó thấy tội nhỏ sinh lòng sợ.
- 5) Ông đó bèn giữ tâm không lui sụt.
- 6) Ông đa văn
- 7) Ông đa văn kiên cố.
- 8) Ông nói pháp rành rẽ.

Trước giữa và sau đều lành. Ròng một tâm thanh bạch phạm hạnh được hoàn toàn, chính kiến không tà vạy, tụng lâu hai bộ giới, chữ nghĩa rành rẽ, tiếng nói thanh tao, nên cô Ni chánh quý trọng, khéo hậu tùy thuận nói pháp. Nhưng trước không nói pháp bát kính, mà nói pháp khác, phạm Ác tác.

Tăng Kỳ Luật nói : Giáo giới cô Ni, không nên ở đến mặt trời lặn, cũng không nên đi đến khi mặt trời chưa mọc, không nên ở chỗ khuất lấp, không nên ở chỗ trống trải, tức phải ở chỗ không khuất không trống, hoặc nhà giảng đường, hoặc dưới gốc cây.

Không nên ngày 14, ngày rằm và đầu tháng, ngày mùng một, mùng hai, mùng ba; phải bắt đầu từ ngày mùng bốn cho đến ngày 13 nên đi giáo giới, không nên giáo giới mà chúng Ni không hòa hiệp.

Khi đến rồi, phải hỏi chúng Tỳ Kheo Ni hòa hiệp chăng ?...

Nếu đáp : Hòa hiệp, phải sai một cô kêu đến, nếu đến không được, chỉ cho dự dục giáo giới, không nên giáo giới thiên lệch, có ý muốn theo mình,

không nên nói nhiều ông giáo giới, hoặc nói tạng luật, hoặc nói tạng luận.

Căn Bản Luật nói : Giáo giới nghĩa là đem giới, định, huệ, ba pháp học mà dạy bảo đó, **không đến 5 chỗ** : cha, mẹ, thân giáo sư, quý phạm sư và người bệnh, năm chỗ đó thường phải cúng dường vậy.

Giới thứ hai mươi hai

CẤM DẠY BẢO CỒ NI ĐẾN MẶT TRỜI LẶN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vì Tăng sai bảo dạy Tỳ Kheo Ni, trể đến mặt trời lặn, phạm Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi ấy Tôn giả Nan Đà vì Tăng sai dạy bảo chúng Ni, nhưng Tôn giả Nan Đà có tiếng tốt khi nói pháp chúng Ni vui nghe, bèn quên đến mặt trời lặn, các cô Ni ra khỏi rừng Kỳ Hoàn vào thành, thì cửa thành đã đóng, phải nường ngủ bên hào thành, sáng ra mở cửa thì các cô đã vào thành trước hết. Các ông Trưởng giả thấy chê cười, nói mấy cô ngủ chung với các Tỳ Kheo. Phật nhân đây liền kiết giới cấm. (*Ông Nan Đà này chẳng phải là em Phật*).

Vì chúng Tăng sai ? Là trong chúng Tăng, bạch nhị Yết Ma mà sai.

Cho đến mặt trời lặn ? Là mặt trời khuất về hướng Tây, giờ sắp vào đêm, không phải giờ dạy bảo, nếu giáo giới như vậy gọi là phi thời.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Hoặc dạy bảo đến mặt trời lặn, phạm tội Đọa, trừ

dạy bảo như là dạy kinh, dạy tụng kinh, duyên thưa hỏi, hoặc dạy việc khác, cần phải ở đến tối, phạm Ác tác, trừ Tỳ Kheo Ni, nếu vì người phụ nữ khác, dạy kinh cho đến dạy việc khác đến mặt trời lặn cũng phạm Ác tác.

Mặt trời lặn tưởng là mặt trời lặn, phạm tội Đọa, mặt trời lặn mà nghi và tưởng mặt trời chưa lặn, nếu mặt trời chưa lặn tưởng mặt trời lặn và nghi đều phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Khi nói pháp mặt trời chưa lặn bèn thôi hoặc nói pháp ở nơi bến ghe thuyền cô Ni đồng nghe với một người khách buôn, nói pháp ban đêm, hoặc đến chùa cô Ni nói pháp, hoặc ngày tụng giới, mấy cô Ni đến thỉnh thầy dạy bảo, gặp nói pháp, bèn cho quý cô nghe, đến mặt trời lặn không phạm.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Tuy phải thời, song, hoặc các Ni đứng, hoặc lại công việc lằng xằng chưa dứt, hoặc thân có ngăn ngại mà phải nói pháp đó, cũng là phi thời. Hoặc thí chủ có bốn ý thỉnh vị pháp sư nói pháp luôn ban đêm, hoặc chùa cô Ni ngang gần cửa thành, hoặc cửa thành không đóng, hoặc chùa mấy cô Ni ở trong thành, hoặc các cô Ni tạm ở nhà Cư sĩ, như vậy đều không phạm”.

Giới thứ hai mươi ba

CẤM CHÊ NÓI ÔNG KIA ĐI DẠY CÁC CÔ NI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo nói các Tỳ Kheo kia rằng : Các Tỳ Kheo vì cơ ăn uống nên đi dạy bảo Tỳ Kheo Ni, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đông như trước. Bấy giờ chúng Tỳ Kheo Ni nghe vị giáo thọ sư dạy bảo, đi ra nửa do tuần đón rước, sắp đặt phòng xá, sắm sửa cơm nước, sàng tòa và chỗ tắm rửa. Phái Lục quân không được chúng Tăng sai, bèn sinh tâm tạt đổ nói : các Tỳ Kheo đó không chân thật, cũng vì cứ ăn uống mới đi dạy bảo cô Ni, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Dấy lời nói như vậy ? Tức là lời nói chê bai.

Ăn uống là gì ? Nghĩa là ăn chính, hay là không chính, tóm mà nói là, một món ăn trong Tứ thánh chủng⁽¹⁾ vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu nói các Tỳ Kheo vì cứ ăn uống mới đi dạy bảo các cô Ni, vì cứ ăn uống mới dạy mấy cô tụng kinh, dạy truyền giới. Nói mà rõ ràng đều phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Sự kia thật vậy cho đến nói trong giấc chiêm bao, hoặc nói lầm v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu nói vì cứ thuốc men đó, phạm Diệt Tỳ Ni.

Ngũ Phần Luật nói : Nếu vì cứ cúng dường nên đi dạy bảo Tỳ Kheo Ni và ba chúng sau phạm Đột Kiết La. Nếu nói các Tỳ Kheo hành mười hai hạnh đầu đà, ngồi thiền, tụng kinh làm các việc công đức,

⁽¹⁾ 1. Âm thực. 2. Y phục. 3. Ngọa cụ. 4. Y dược, cũng gọi là đoạn ác tu thiện.

cũng đều vì có lợi cúng dường, nếu nói mỗi lời, phạm mỗi tội Đột Kiết La.

Giới thứ hai mươi bốn CẤM CHO Y CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cho y cô Tỳ Kheo Ni không phải bà con, phạm Ba Dật Đề. Trừ đối chác nhau.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong thành có một thầy Tỳ Kheo đi khát thực oai nghi cụ túc, cô Ni xem thấy, mời ngài mỗi bữa đến dùng cơm, ngài không dám thọ. Tỳ Kheo ấy sau được một cái y chia, muốn đáp lại ơn người mời trước, nhưng ý tưởng có lẽ chắc cô kia không thọ, bèn đem cho, nào ngờ đâu cô Ni kia thọ đó, Tỳ Kheo ấy thường thường đến người trách móc cô Ni kia, các Tỳ Kheo nghe bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Không phải bà con là gì ? Là người không phải trong thân họ hàng ruột thịt, nên không để tâm nghĩ tưởng, coi Tỳ Kheo đó, có y hay không rồi mới thọ.

Y là gì ? Là 10 món như đã kể trước.

Trừ đối chác nhau là sao ? Nghĩa là hai bên đồng đối qua lại không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Cho y cô Ni không bà con, phạm tội Đọa. Bốn chúng kia cho người không bà con, phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cho cô Ni bà con, và đối nhau.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Nếu cho y cô Ni bà con tà kiến phá giới, phạm Ác tác. Cho y hai người nữ kia, không bà con, phạm Ác tác. Nếu vì người làm việc sửa sang có công nghiệp hoặc vì người hay nói kinh pháp, hoặc vì người hay tụng giới kinh, cho y đều không phạm.

Căn Bản Luật nói : Nếu thấy người bị nạn mất hết y phục đem cho, hoặc nhân người nói pháp, hoặc người thọ giới cho đó thì không phạm.

Giới thứ hai mươi lăm

CẤM MAY Y CHO CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo may y cô Tỳ Kheo Ni không bà con, phạm Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó có cô Ni muốn may đại y, đem đến chùa Tăng mượn, ông Ca Lưu Đà Di bèn lãnh may giùm, ông bèn thêu hai cái hình nam nữ ôm nhau. Cô Ni đó đến, ông xếp y lại trao cho cô Ni, dặn rằng : Cái y này không nên quấy mở ra xem, cũng đừng bày cho ai thấy, hoặc đến khi bạch chúng, phải mặc đứng sau Ni chúng. Cô Ni kia y lời dạy, đến thời mặc y đó đi sau hết. Khi ấy, các Cư sĩ thấy vỗ tay cười lớn, các cô Ni xét biết bạch chư Tỳ Kheo, chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Không bà con là gì ? Là do người không bà con, thì không có tâm ái hộ, mới có tổn giảm làm việc không lợi ích.

May ? Có nghĩa là may cắt giặt nhuộm vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
May y cho cô Ni không bà con, tùy cắt ra nhiều ít, tùy may chùng một mũi kim, cũng phạm tội Đọa. Hoặc mặc vô xem, nắm, chằng, hong sửa, rờ rẫm nắm góc, kéo ngay, kết một miếng vải, hoặc viên, hoặc kết chỉ, hoặc nối chỉ, tất cả đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Vì chúng Tăng, vì tháp may, mượn đắp giặt nhuộm ủi sửa trả lại cho người chủ.

Ngũ Phần Luật nói : “Khi lãnh vải thì phạm Ác tác”.

BỘ TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN BẢY).

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN TÁM

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoằng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ hai mươi sáu CẤM CÙNG CÔ NI NGỒI CHỖ KHUẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng cô Ni ngồi chung chỗ khuất, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đông như trước, khi đó ông Ca Lưu Đà Di đến chỗ cô Tỳ Kheo Ni Thâu Lan Nan Đà, ngồi chung một chỗ ngoài cửa. Cư sĩ thấy chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Ngồi chung là gì ? Nghĩa là một ông thầy và một cô Ni ngồi chung vậy.

Chỗ khuất là sao ? Là chỗ có che khuất, đã giải trong giới “Bất định” trước.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Hoặc ngồi chung với cô Ni chỗ khuất, phạm tội Dọa, đứng ngay đó, phạm Ác tác. Nếu đi mà không điếc, hoặc điếc mà không đi, phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Có bạn hữu ở gần, hoặc con đường phải đi qua, hoặc bệnh xỉu nằm dưới đất v.v...

Phụ văn : Xét Căn Bản bộ : “Dầu oai nghi cụ túc đi nữa, cũng phạm tội Đọa”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Đứng dậy rồi lại ngồi nữa, tùy ngồi bao nhiêu lần, phạm bấy nhiêu tội Đọa”. Hoặc ngồi chung với hai người nữ kia (Sa Di Ni Thức Xoa) ở chỗ khuất cũng phạm tội Đọa.

Giới thứ hai mươi bảy CẤM ĐI CHUNG VỚI CÔ NI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo Ni hẹn nhau đi chung một đường, từ làng này đến làng khác, phạm Ba Dật Đề. Trừ khi khác, khi khác đó là : khi đi chung với người hành khách hoặc đi chỗ có nghi sợ, đó gọi là khi khác.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần Tỳ Kheo cùng phái Lục quần Ni, đi du lịch trong nhân gian, các ông Cư sĩ thấy chê trách, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Sau các Tỳ Kheo đi giữa đường xảy gặp nhau sợ phạm không dám đi chung. Phật nói : “Không hẹn trước không phạm”. Khi đó Tăng Ni hai chúng đều muốn đến nước Tỳ Xá Ly, sợ không dám đi chung, các cô Ni đi sau xa, bị giặc cướp bắt, do đó mà Phật mở cho câu : “Trừ khi khác” là đây vậy.

Hẹn là gì ? Là kết bạn hẹn đi đến chỗ nào vậy.

Đi chung một đường là sao ? Rõ chẳng phải đi đường khác.

Đường là gì ? Nghĩa là trọng làng, thành, ấp, có chia ra từng ngả đi rộng rãi nên gọi là đường.

Đi là chi ? Là đồng bước chân đi.

Từ làng này đến làng khác ? Là đi từ tụ lạc này qua tụ lạc khác, đường này qua đường nọ vậy.

Trừ khi khác là gì ? Nghĩa là ở trong nạn duyên, có người khách buôn đi chung không phạm.

Chỗ có nghi sợ là gì ? Như trong giới ba mươi việc đã giải thích.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc hẹn với cô Ni đi, cho đến ranh giới trong làng, tùy chúng nhiều ít, và giới hạn bao nhiêu mỗi chỗ phạm tội Đạo, hoặc đi chỗ vắng không làng, cho đến 10 dặm, phạm tội Đạo. Hoặc thiếu một làng, hay thiếu 10 dặm, hoặc trong đó làng nhiều, đường đi trong một giới, hoặc phương tiện muốn đi, hẹn nhau sửa soạn, tất cả phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Vì thế lực bắt buộc hay nạn duyên...

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu không hẹn mà tình cờ đi chung một đường, phải dạy đi cách nhau xa một tiếng kêu không nghe, nếu đi chung nói tiếng nghe được, phạm Ác tác”. Nếu đi chung với hai người nữ kia, tình đi chung đường cũng đồng phạm tội như đi với cô Tỳ Kheo Ni vậy.

Cô Ni kia đi chung với Tỳ Kheo phạm tội Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Phạm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni khi sắp đi, dự trước một ngày, phải bạch hai thầy (*nhị sư*). Tôi nay có việc đi đến làng xóm kia cho hay không, tùy thầy, con không dám trái nghịch.

Nếu không có hai thầy phải bạch với vị Thượng Tọa, các món và ngọ cụ dặn người giữ giùm. Có ông thù nghịch không nên đi chung, nếu có nhân duyên đi chung với nhau, phải sám hối nhau rồi cho đi chung.

Phàm khi đi đường, phải nói lời pháp ngữ, đừng buông ra lời quái lạ, hoặc tín niệm Phật, đừng cho tâm tán loạn, hoặc đến miếu thờ Thiên thần tụng bài kệ kinh Phật, đờn chỉ mà đi, nếu có đi giữa đường khi tạm nghỉ, hoặc đến nơi ao giếng, những chỗ mức nước, cũng phải tụng bài kệ Đà Đà, tới chỗ nghỉ ngơi cũng tụng kinh Tam khải (*kinh Vô thường*).

Đồ ăn của cô Ni, thầy Tỳ Kheo mang giùm, nếu đến khi ăn, cô Ni cũng đem cho đồ, rủ Tỳ Kheo bệnh nặng, phải đồng khiêng, nếu thiếu người khiêng, cô Ni khiêng giúp cũng được.

Nếu đến làng xóm, tùy bệnh muốn dùng vật chi, hoặc tìm xin thuốc thang, hoặc thời khát thực, mượn người coi chừng đồ đạc, đem cơm về chia cho. Nếu cô Ni có bệnh, lệ theo đây nên biết. Kệ Đà đà : như chỗ khác đã giải.

Thập Tụng Luật nói : Nếu có chỗ nghỉ sợ, y và cơm của cô Ni, thầy Tỳ Kheo nên lấy đem đi đến

chỗ yên ổn, nên trả lại nói rằng : Chị em, các chị tùy ý không nên đi chung nữa, nếu còn đi chung, đến một làng xóm, thì phạm tội Đọa”.

Giới thứ hai mươi tám
CẨM ĐI CHUNG VỚI CÔ NI MỘT THUYỀN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo Ni hẹn đi chung một thuyền hoặc xuôi nước, ngược nước, phạm Ba Dật Đề. Trừ đi dò ngang qua sông.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phật chế giới không nên đi chung một thuyền. Khi ấy hai chúng Tăng Ni đều muốn đi dò ngang qua sông Hằng do vì không được đi chung một thuyền, các cô Ni bèn ở lại sau, gặp trời mưa lớn, nước sông tràn lên, ghe chèo qua không kịp, các cô Ni phải ngủ trên bờ, đêm đó bị giặc cướp bắt, cho nên Phật mở cho câu : “Trừ đi ngang qua sông vậy”.

Hẹn đi chung một thuyền là gì ? Là ước hẹn với nhau chở chung một thuyền.

Ngược nước là sao ? Là nghịch dòng nước chảy.

Xuôi nước là chi ? Là thuận dòng nước chảy.

Trừ đi ngang qua sông là gì ? Là từ bờ bên này, thẳng qua bờ bên kia, không phạm.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Cùng cô Ni hẹn đi một thuyền, xuôi nước hay ngược nước, nếu khi bước vào thuyền rồi, thì phạm tội Đọa, hoặc bước một chân trên thuyền, hoặc phương

tiện muốn bước vào thuyền mà không vào, hoặc hẹn nhau sửa soạn đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Không hẹn nhau, hoặc khi đi ngang qua sông, tài công không đưa ngược nước, hoặc bị các nạn v.v...

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Cùng hai người nữ kia hẹn nhau chở chung một thuyền, cũng đồng phạm như cô Ni vậy”. Tỳ Kheo Ni tinh chở chung với một thuyền Tỳ Kheo Tăng phạm Đột Kiết La.

Căn Bản Luật nói : “Hoặc chèo và bánh lái gậy, tùy theo dòng nước trôi đi, hoặc tránh bãi cồn, hoặc tài công không chịu đưa qua như thế không phạm”.

Giới thứ hai mươi chín CẤM NHỜ CÔ NI KHEN ĐƯỢC ĂN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo Ni vì nhân duyên giáo hóa khen ngợi, được đồ ăn uống, phạm Ba Dật Đề. Trừ thí chủ có để ý trước.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong thành có một vị Cư sĩ, thỉnh ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên đến nhà cúng dường cơm nước, có Tỳ Kheo Ni Thâu Lan Nan Đà trước đến nhà Cư sĩ kia hủy báng hai Tôn giả đó là người hạ tiện, khen ông Điều Đạt và năm ông kia (phái Lục quân) là rỗng trong các loài rỗng.

Trong khi nói chuyện thì hai Tôn giả kia đến, cô liền trở lời rằng : “Rồng trong các rồng đã đến”. Đoạn hai vị Tôn giả ăn xong, trở về bạch Phật, Phật bèn quở trách ông Điều Đạt và bè đảng của ông, vì sai cô Ni đi khuyến hóa được được ăn, nhân đó Phật liền kiết giới cấm.

Sau các Tỳ Kheo, không biết có người đi khuyến hóa hay không khuyến hóa mới được ăn. Phật nói : “Không biết thì không phạm”. Khi ấy trong thành Vương Xá có ông đại Trưởng giả, là người quen biết của ông Lê Sư Đạt Tôn giả nghĩ rằng : Nếu các Tôn giả đi đến thành này, tôi sẽ vì cơ quý Tôn giả mới đến lần đầu mà cúng dường cho chúng Tăng.

Sau khi ông Tôn giả đến thành, cô Ni ở trong nhà Trưởng giả nghe Tôn giả đến, bèn đi báo tin cho Trưởng giả hay, nhân đó liền thiết trai cúng dường, thỉnh ông Tôn giả và chúng Tăng.

Khi đó ông Lê Sư Đạt hỏi ra mới biết nhân duyên, cô Ni báo tin, bèn không dám thọ thực. Phật nói : Người thí chủ trước có để ý, thì không phạm. Do đây Phật ghi thêm câu : “Trừ đàn việt trước có để ý”.

Khâm khen dạy bảo : Nghĩa là khen cái đức tốt quá phần, nói Tỳ Kheo này tu 12 hạnh đầu đà, cũng là vị pháp sư đa văn tri luật, ngồi thiền, nếu cúng dường cho ngài, thì được phước báo thù thắng do đây mà tán dương khuyến hóa người đàn việt cho họ sinh lòng tín kính, mà làm việc huệ thí vậy.

Nhân duyên ? Chính là do việc giáo hóa, bày biểu đó mà được ăn, không phải việc chi khác.

Được ăn mỗi miếng ? Ăn : Nghĩa là thí chủ cúng cho các món ăn như cơm, bún, bánh, trái, sữa đặc, sữa tươi, canh rau v.v...

Hạ thực ? Nghĩa là ăn ngón nghiêng nhai nuốt (ăn cách hà tiện).

Trừ người thí chủ có ý trước : Là thí chủ trước có nghĩ, thỉnh Tỳ Kheo ấy, cô Ni kia sau tuy có khâm khen được ăn cũng không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Tỳ Kheo kia biết nhờ cô Ni dạy bảo mà được ăn, nuốt mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa, được các thứ cúng như y, đèn, dầu v.v... đều phạm Ác tác.

Giáo hóa, tưởng giáo hóa phạm tội Đọa, giáo hóa nghi và không giáo hóa, tưởng giáo hóa và nghi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Cô Ni là người thí chủ, hoặc thí chủ mượn cô Ni sắm sửa giùm v.v...

Phụ vấn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu vì nhân duyên bốn chúng kia khâm khen mà được ăn, phạm Ác tác”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu không tâm tà vạy tán thán công đức, chỉ nói công đức bố thí hàng Sa môn, bố thí thì được phước báo rất lớn, ăn đó không phạm”.

Luật Nhiếp nói : “Cứ như thật mà tán thán công đức, không có tâm bợ nịnh dối giả, hoặc nhả

chính tín hoặc nhà bà con, dù biết tán thán ăn đó cũng không phạm”.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu có tán thán như thế mà được ăn, phải triển chuyển đổi đồ ăn cho ông khác, không nên bỏ đồ ăn mà đi, nếu ông ngồi ngang không sạch, không thích đổi đó, phải tâm tưởng như vậy :

Cơm trong bát này, chính của Tỳ Kheo (mỗ giáp) cho, tôi sẽ ăn không tội.

Giới thứ ba mươi

CẤM CÙNG NGƯỜI PHỤ NỮ ĐI CHUNG MỘT ĐƯỜNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cùng người phụ nữ hẹn nhau đồng đi một đường, cho đến trong làng, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi ấy, ông Tôn giả A Na Luật đi đường, gặp nàng dâu cùng mẹ chồng kinh cãi nhau, nàng dâu muốn về nhà cha mẹ ruột, bèn đi theo ông Tôn giả, lúc ấy người chồng theo kịp, tưởng Tôn giả dụ vợ nó trốn đi, bèn đánh Tôn giả gần chết. Tôn giả liền trụ xuống bên đường ngồi kiết già, nhập vào định Hỏa quang tam muội, người chồng kia bèn phát thiện tâm, chờ Tôn giả xả định rồi đánh lễ xin sám hối. Tôn giả vì người ấy nói pháp mầu, rồi đi, về chùa thuật lại cho các Tỳ Kheo nghe. Các Tỳ Kheo đem vụ này bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Thể thức phạm tội nặng nhẹ trong đây, có phạm không phạm đồng giải như giới “cùng cô Ni đi chung”, đây chỉ khác là người nữ thế gian, nên không giải thêm, bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Căn Bản Luật nói : “Nếu người kia mượn người nữ dẫn đường giùm, hoặc quên đường người nữ dắt chỉ không phạm”. Trong Căn Bản bộ nói : “Đó là không có người nam đồng bạn nên phạm”.

Giới thứ ba mươi mốt **CẤM THỌ QUÁ MỘT BỮA ĂN**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo có chỗ thí một bữa ăn, Tỳ Kheo không bệnh nên thọ một bữa ăn, nếu thọ quá phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó tại nước Câu Tát La có một làng không chúng Tăng ở, có ông Cư sĩ vì chúng Tăng làm chỗ ở và thường cung cấp cơm nước, những vị ở trong đây chỉ cho ăn một bữa. Phái Lục quần đến ở đó được bữa cơm rất ngon, vì cơ tham nhiễm, ở đến đêm thứ hai không chịu đi ý muốn được bữa cơm ăn thường thường. Cư sĩ biết nên chê cười, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Khi đó ông Xá Lợi Phất đi đến chỗ kia bị bệnh, sợ ở nán lại phạm giới, phải dỡ đem đi, bệnh phát thêm nhiều, do đây mà Phật ghi thêm câu : “Nếu không bệnh”.

Cúng là gì ? Nghĩa là cung cấp các món cần dùng.

Chỗ cúng một bữa ăn là sao ? Là chỗ kia chỉ cúng có một bữa ăn, hay một đêm ngủ nhờ thôi, chớ không được thường bữa vậy.

Nói ăn đó là gì ? Là thời ăn chính vậy.

Không bệnh là chi ? Tức là thân tứ đại điều hòa không các chứng đau khổ, nếu thân có bệnh, không thể đi đứng, đau đớn khó chịu, không được an ổn, đó là bệnh vậy.

Phải ăn một bữa là gì ? Là chính phải thọ bữa ăn mà người đã định cúng, không được mong thêm bữa nữa.

Nếu thọ quá là sao ? Nghĩa là thọ bữa ăn thứ hai tức là quá, phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Nếu không bệnh, ở chỗ kia một đêm thọ đồ ăn quá nhiều, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Còn thọ thêm các vật cúng như là y, đèn dầu v.v... phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Nếu Cư sĩ ân cần thỉnh ở lại cúng nhiều ngày hoặc thí chủ thứ lớp thỉnh ăn. Ngày nay ăn của ông này, ngày mai thọ của ông khác, hoặc bị nạn ngăn trở.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu quá một đêm không ăn phạm Ác tác. Nếu ngủ chỗ khác, ăn trong chỗ này cũng phạm tội Đọa. Ông bệnh cho đến từ một làng trở lại đi cũng không nổi, thân có lở lói ít lắm, như tre quào cũng gọi là bệnh."

Giới thứ ba mươi hai CẤM LẦN LƯỢT ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lần lượt ăn, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác, tức là thời bệnh, thời thí y, đó gọi là thời khác.*

CHÚ GIẢI : Bấy giờ Phật cầu chư Tỳ Kheo đi dạo trong nhân gian. Có ông Sa Nâu đồng Bà La Môn, chở theo 500 cỗ xe đồ ăn uống trải qua từ mùa Đông cho đến mùa Hạ, đi theo đức Thế Tôn, ông chờ ngày nào họ không cúng dường Phật thì ngày đó ông thiết cúng mà lại không có ngày nào hở được.

Ông đến thưa với ông A Nan bạch giùm với Phật rằng : Tôi muốn đem đồ ăn uống đây rải ra khắp mặt đất cho Phật và chúng Tăng đi qua, tức là Phật và đại chúng đã thí sự cúng dường của tôi rồi vậy.

Đức A Nan nghe thế đến bạch Phật, Phật nói : dạy ông nấu cháo, và làm bánh, cúng dường cho chúng Tăng.

Khi ấy nước Tần Đầu, các ông Cư sĩ nghe Phật cho chúng Tăng ăn cháo và bánh, đều rất vui mừng, các ông làm bánh ngon, cháo đặc dặng cúng, có một ông quan Đại thần thiếu đức tin thấy Phật và chúng Tăng được cúng dường nhiều, biết ắt có phước điền bèn sắm cơm ngon thỉnh chúng Tăng, song chúng Tăng trước ăn cháo đặc hãy còn no, nên không ăn được nhiều, quan Đại thần trách, vì thế Phật cấm không cho ăn cháo đặc, do vì chưa kiệt

giới. Cháo đặc : Tức là lấy cỏ, rẽ nó ra không nhiếp lại.

Khi ấy trong thành Vương Xá, có ông Nhạc sư thiếu đức tin sấm món ngon thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường, mà chúng Tăng trước đã ăn cơm, bánh, bún v.v... còn no, nên không ăn nhiều được, ông Nhạc sư chê trách. Phật nhân đó ghi vào Giới bốn : “Không cho ăn lất nhất”

Khi đó các Tỳ Kheo bệnh họ thỉnh cho ăn, mà không nói dự lời tùy bệnh ăn và uống thuốc. Hoặc có dự lời tùy bệnh ăn và uống thuốc, sợ né không dám ăn e phạm tội ăn lất nhất.

Phật mở cho Tỳ Kheo bệnh được ăn lất nhất, khi đó có ông Cư sĩ thỉnh Phật và chúng Tăng, lại có ông Cư sĩ khác cũng muốn thỉnh Phật và chúng Tăng dâng cơm và y. Các Tỳ Kheo sợ tránh không dám thọ thỉnh, sau đến bạch Phật, Phật lại mở thêm cho thời dâng y, cho ăn lất nhất. Phật ghi thêm vào Giới bốn câu : “Trừ thời khác” là đây vậy.

Ăn lất nhất là gì ? Cũng gọi là ăn hoài hoài, nghĩa là thọ nhà này thỉnh ăn rồi, lại thọ ăn ở nhà khác nữa. Thỉnh có hai cách : 1.- Thỉnh chúng Tăng thứ lớp. 2.- Thỉnh riêng.

Đồ ăn là gì ? Là cơm, bánh, bún, trái v.v...

Trừ thời khác là gì ? Là thời Phật hứa cho.

Thời bệnh là chi ? Là thân có bệnh, không thể ngồi ăn một lần mà no được.

Thời dâng y là sao ? Là thời Tự tứ họ dâng y thường, được 5 điều lợi một tháng, hay là dâng y công đức, được hưởng 5 điều lợi trong 5 tháng, hay thời khác là thời dâng cơm mà có dâng y nữa.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Nếu thí chủ cúng cái chăn tấm, các cái áo cánh, hoặc tiền v.v... đem cho, lấy tiền đó vừa đủ sắm y thôi”. Căn Bản Luật nói : “Cho đến khi khăn lau mặt, quần dài, thọ đó đều không phạm”.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc ngày nay có nhiều người thỉnh ăn, mình phải thọ thỉnh một người, còn bao nhiêu phải nhường lại cho chúng Tăng. Nói lời như vậy : “Trưởng lão, tôi mắc đến chứng chỗ kia, nay xin cúng dường cho ngài”. Nếu không xả cái thỉnh của ông trước, mà thọ thỉnh của ông sau, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Trái lại không xả người thỉnh sau mà thọ ông thỉnh trước ăn mỗi miếng phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

(Nếu cô Tỳ Kheo Ni, trước thọ thỉnh ăn no rồi, người sau mời ăn nữa, tuy còn giờ thọ cũng phạm tội Đọa).

Không phạm là gì ? Nếu thỉnh dâng món ăn phi thời, hoặc ăn chưa no hoặc không người thỉnh ăn, hoặc ăn rồi được cơm nữa, hoặc thọ một chỗ có ăn trước ăn sau (*nửa thọ trước nửa thọ sau*)

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Nếu chúng Tăng sai hoặc ăn ở phòng riêng, hoặc người Cư sĩ

đến ngày thọ Bát quan trai thiết cúng dường, hoặc bữa ăn thường không phạm”.

Ma Đắc Lạc Già Luận nói : “Hoặc trước thọ dâng cơm, sau thọ có dâng cơm và y, không phạm”. Thí chủ nói với Tỳ Kheo rằng : “Mời ngài đến nhà tôi sẽ dâng cơm và y, ăn không phạm”. Thí chủ nói : Đây là bữa cơm giữa, các chỗ ăn tùy ý ăn, ăn cũng không phạm”. Trừ bốn món ăn chính thức: 1.- Cơm. 2.- Đậu bắp mè. 3.- Bún. 4.- Bánh, tùy ăn bao nhiêu không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Nếu ở một nhà, hoặc ở trong chùa hay ở A Lan Nhã, muốn tìm món ăn mập béo, hoặc ưa ăn ngon mà thường ăn, phạm Ác tác. Hoặc có tâm khinh lờn, hoặc ôm lòng kiêu dối không ăn cũng phạm Ác tác”.

Thập Tụng Luật nói : “Phật cho phép Tỳ Kheo ngày lễ được ăn lất nhất”. Tỳ Kheo bệnh không được thọ hai lần thỉnh, hoặc một chỗ thỉnh ăn không no, thì nên thọ hai chỗ, không nên thọ chỗ thứ ba, nếu thọ hai chỗ không no, được thọ ba chỗ, không nên thọ bốn chỗ, nếu thọ ba chỗ cũng không no, cho thọ bốn chỗ lần lần đi ăn cho đến dùng ngộ.

Trong Thập Tụng Luật lời tựa nói : Ông A Nan trước thọ ông kia thỉnh, đến thời lại quên, đi theo Phật thọ vua thỉnh, khi để đồ ăn vào miệng nhớ biết có hai chỗ thỉnh, mà quên cho ông khác một chỗ, nên không dám nhả cơm ra vì cung kính Phật, mà cũng không dám nuốt vì giữ giới. Phật biết ông A Nan có tâm hối hận, nên bảo ông A Nan tâm tưởng

cho ông kia rồi ăn. Có 5 hạng người tâm tưởng dự ăn : 1.- Người ngồi thiền. 2.- Người ở riêng. 3.- Người đi xa. 4.- Người đau lâu. 5.- Gặp mùa đói khát, nương ở nhà bà con. Ngoài ra đều không cho ăn riêng.

Xét trong Căn Bản bộ : thời làm việc, thời đi đường, cũng cho ăn thường thường.

Giới thứ ba mươi ba CẤM ĂN RIÊNG CHÚNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo ăn riêng chúng, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác là : thời bệnh, thời may y, thời dăng y, thời đi đường, thời đi ghe, thời đại chúng nhóm, thời Sa môn dăng cơm, đó là thời khác.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Điều Đạt, xúi người hại Phật, lại xúi vua A Xà Thế giết cha, danh ác đồn khắp, phần lợi dưỡng bật dứt, ông cùng năm người đi mỗi nhà khát thực, Phật lại chế giới cấm “không cho ăn riêng chúng”.

Khi đó có Tỳ Kheo bệnh, sợ không dám ăn riêng chúng. Phật dạy : “Cho Tỳ Kheo bệnh được ăn riêng chúng”. Lúc Tự tứ rồi trong tháng Ca Đề (từ 16 tháng 7 đến 15 tháng 8), Tỳ Kheo sắm y, các ông Cư sĩ nghĩ chúng Tăng mệt nhọc, đến thỉnh dăng cơm, Tỳ Kheo không dám thọ. Phật dạy : “Cho thời sắm y được thọ ăn riêng chúng”. Lại khi đó có ông Cư sĩ muốn dăng cơm và y đến thỉnh, các Tỳ Kheo không dám thọ. Phật dạy : “Cho thọ thời dăng y được ăn riêng chúng”.

Khi đó có các Tỳ Kheo cùng nhiều ông Cư sĩ đồng đi đường hiểm. Cư sĩ dâng cơm. Tỳ Kheo không dám thọ bèn vào trong làng khát thực, đi sau không kịp bạn, nên bị giặc cướp giật. Phật dạy : “Nếu đi đường hiểm, cho thọ ăn riêng chúng, cho ông Cư sĩ đi chung thuyền cũng vậy”.

Lúc ấy đông nhiều Tỳ Kheo đi đến một làng nhỏ, các ông Cư sĩ nghĩ rằng : Chúng Tỳ Kheo đông nhiều mà làng thì hẹp, nay chúng Tăng đồng nấu ăn, thì rất mệt nhọc, vậy mình phải cúng dường, các Tỳ Kheo không dám thọ, Phật dạy : “Cho khi đại chúng nhóm, được ăn riêng chúng”.

Khi ấy người chị của vua Bình Sa Vương muốn đi xuất gia làm Sa môn trong phái ngoại đạo. Nhân vì các vị Sa môn thiết đãi cơm thỉnh luôn các vị Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo đều không dám thọ. Phật dạy : “Cho thời Sa môn thí thực được ăn riêng chúng”. Vì các duyên như thế, nên Phật chế thêm câu : “Trừ thời khác vậy”.

Ăn riêng chúng là gì ? Nghĩa là từ bốn Tỳ Kheo trở lên, ăn riêng một chỗ khác.

Ăn là món chính như là : cơm, bún, bánh v.v...

Bệnh là nhấn đến gót chân trặc trẹo, cũng gọi là bệnh.

Thời may y ? Là ngày Tự tứ rồi một tháng hay là năm tháng, may y cho đến một mũi kim sắp lên.

Thời thí y : Đồng giải như trước.

Đi đường : Cho đến nửa do tuần, hoặc đi hay về, đi đường cũng thế.

Đại chúng nhóm là gì ? Đông nhiều Tỳ Kheo nhóm họp, nhần đến đồ ăn đủ 4 người, thêm một người nữa phải lo, đó cũng gọi đông người ăn không đủ, nên tùy người đàn việt chia thỉnh, ăn riêng không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : “Hoặc vì pháp sự, hoặc vì duyên khác, chúng Tăng nhóm hội rất ít lắm là 4 ông Tỳ Kheo cự trụ và 4 ông khách Tỳ Kheo gọi là đại chúng, mặc dù chúng nhóm những món ăn dễ được, nên không cho ăn riêng chúng”.

Sa môn thí thực là gì ? Sa môn : đây gọi là cần lao, cũng nói : Cần hành, trong văn đây nói Sa môn đó là không phải hàng Sa môn Thích tử của Phật.

Nguyên bên nước Tây quốc, những kẻ ngoại đạo đi xuất gia có 96 phái cũng kêu là Sa môn, họ lấy sự nhọc thân cầu đạo. Các phái ngoại đạo như trên thiết cúng dường, hoặc do người xuất gia trong phái ngoại đạo kia thỉnh ăn, cũng gọi là Sa môn thí thực.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
 Nếu Tỳ Kheo không nhân duyên chi mà ăn riêng chúng, thì phải bạch rằng : “Tôi ở trong giới ăn riêng chúng đây”, không nhân duyên chi muốn xin đi, mà tôi muốn xin đi. Hoặc hai, ba người tùy ý ăn hoặc bốn người hay quá bốn người thì nên chia ra làm hai bộ thay nhau mà vào ăn.

Hoặc Tỳ Kheo có nhân duyên ăn riêng chúng, muốn vào thì liền phải đứng dậy bạch rằng : - Tôi có nhân duyên ăn riêng chúng muốn xin vào, cho tùy vị Thượng Tọa thứ lớp vào ăn - Nếu không nhân duyên ăn riêng chúng ăn mỗi miếng phạm tội Đọa. Nếu có nhân duyên mà không xin, ăn đó phạm Ác tác. - Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Không đủ 4 người, hoặc 4 người thay nhau ăn thì không phạm.

Phụ vấn : Thiện Kiến Luật nói : Ăn riêng chúng có hai hạng :

1.- Có thỉnh. 2.- Đi khát thực : Như một ông Cư sĩ tới chỗ 4 thầy Tỳ Kheo, do chính giờ ăn thỉnh rằng : Xin Đại đức thọ món này, đó gọi là thỉnh, nếu thọ một thời, ăn một chỗ 4 thầy đồng phạm tội, hoặc thọ thỉnh một lần rồi đi riêng, hoặc mỗi người thọ, mỗi người ăn không tội. Hoặc thỉnh riêng, đi riêng đến nhà Cư sĩ thọ ăn một thời phạm tội. Đó gọi là thọ thỉnh phạm tội. Và tới người xin phạm tội là gì ?

Như bốn thầy Tỳ Kheo khát thực, gặp ông Cư sĩ nói rằng : Cho chúng tôi 4 người ăn, hoặc đi chung hoặc đi riêng mà thọ ăn một thời, thì phạm tội, đó là tới xin người phạm tội. Hoặc thỉnh 4 thầy có một thầy hiểu pháp muốn ăn chung sợ phạm, liền dùng phương tiện khi dâng cơm che bát không thọ. Cư sĩ hỏi rằng : Vì sao không thọ ?... Đáp : Chỉ cho ba vị kia ăn đi, vì tôi muốn chú nguyện. Ba

người kia ăn rồi sau ông thọ ăn thì không phạm. Nếu thỉnh dâng cơm, đến nhà dâng cháo thì không phạm.

Thập. Tụng Luật nói : Do có hai việc lợi, nên ngăn ăn riêng chúng :

1.- Vì lòng thương xót người thí chủ theo hộ.

2.- Muốn phá các việc ác của thầy Tỳ Kheo dùng thế lực (như Điều Đạt nương A Xà Thế).

Nếu 3 thầy Tỳ Kheo ăn riêng một chỗ, thầy thứ tư lấy phần ăn thì không phạm. Hoặc đi bộ hay đi ghe, ngày mai tới, ngày nay ăn, hoặc ngày mai đi, ngày nay ăn đều phạm tội Đọa.

Căn Bản Luật nói : “Nếu ba người ăn, một người không ăn, hoặc ba người ăn no, một người không no, ăn đều không phạm”. Hoặc lấy cơm trao cho ông kia, cho đến một thìa muối. Hoặc một đĩa rau cho chỗ chúng kia ăn đều không phạm.

Hoặc thí chủ nói : Những vị vào đây tôi đều cho ăn, hoặc thí chủ làm phòng riêng để cúng dường và những vị ở trong phòng tôi, tôi đều dâng cho ăn, đó cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Nếu 4 thầy Tỳ Kheo ở trong một giới, một ông ăn riêng, cũng gọi là ăn riêng chúng”. Nếu trong bốn thầy, có một thầy khai duyên có, hoặc rồi ăn chung với chúng, hoặc ăn riêng một mình cũng đều không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : Nếu khi ăn vật của thường trụ Tăng thì phải làm 4 món tướng :

1.- Đánh kiền chùy. 2.- Thổi ốc. 3.- Đánh trống. 4.- Lớn tiếng kêu, cho người trong giới nghe biết.

Là 4 món tướng ấy, tùy làm một món, đừng cho tán loạn, không thành pháp Tăng. Nếu không làm tướng, mà ăn gọi là ăn trộm vật của thường trụ chớ không gọi là tội ăn riêng chúng.

Nếu làm 4 tướng rồi ăn, dầu cho trong giới có các Tỳ Kheo hay không Tỳ Kheo, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc biết có Tỳ Kheo hay không Tỳ Kheo, hoặc tới hay không tới, theo lệ thường công khai đừng giấu, tất cả đều không lỗi.

Nếu có người ngăn cản, tuy đánh kiền chùy, ăn cũng không thanh tịnh gọi là ăn trộm vật của thường trụ Tăng.

Hoặc trong đại giới có hai, ba chỗ đều có thì và chung hai Tăng kỳ (*chùa*) đồng nhóm lại một chỗ Bố tát (*nghĩa là trong một đại giới có hai chùa phải nhóm lại một chùa để làm phép Bố tát*). Nếu khi ăn cũng đánh kiền chùy, tất cả đều không giấu, thanh tịnh không lỗi.

Nếu thí chủ thỉnh 4 thầy sắp lên, ở trong giới Bố tát ăn, chính chỗ Bố tát, thỉnh mỗi thầy trong hàng Tăng thứ hoặc dâng mỗi phần ăn, nếu không vậy, thì phạm tội Đọa. Hoặc hai ba chỗ cũng như vậy. Hoặc mỗi chỗ đến ngày Bố tát, trong chúng thỉnh một vị hoặc đưa một phần ăn thì thanh tịnh. Tùy chỗ nào không thỉnh một người trong chúng Tăng và không đưa một phần ăn thì phạm tội Đọa.

Dầu thỉnh dầu đũa, ngoài có Tỳ Kheo chỗ khác đến hoặc giấu không cho ăn phạm tội Đọa.

Hoặc trong giới ở làng xóm, tuy không có giới chúng Tăng, dầu hai người thí chủ thỉnh 4 thầy sắp lên trong hai chỗ ăn phải đánh kiền chùy, hay chỗ thỉnh lẫn một người, hoặc đũa một phần ăn, hoặc có Tỳ Kheo khác, phải như pháp vào cho đến một người cũng phải dâng cho ăn, không như vậy thì phạm tội Đọa.

Hoặc khi chúng Tăng ăn, ý mình làm Duy Na lấy vật của thường trụ, riêng làm đồ ngon béo, 4 người ăn, 4 người tuy ở hai chỗ, không phạm tội riêng chúng, nhưng chỉ ăn vật không thanh tịnh.

Phàm như ăn riêng chúng, đều là ăn cơm của người đàn việt, hoặc ăn của thường trụ, tất cả đều không phạm tội riêng chúng, nhưng ăn vật của thường trụ bất hợp pháp, ăn không thanh tịnh, phạm nhiều tội ăn trộm.

Nếu trong nhà người thí chủ, thỉnh 4 ông sắp lên ăn, tuy có đánh kiền chùy, nếu thí chủ ngăn đó, biết một thầy Tỳ Kheo không được ăn đó đều phạm tội Đọa.

Giới Nhân Duyên kinh nói : Bà Tỳ Xá Khư riêng thỉnh Phật và 500 vị La hán đãi cơm. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi ông A Nan : Vả như trong chúng đây có một thầy Tỳ Kheo hỏi, cho đi không ?...

Ông A Nan đáp rằng : “Bạch không”.

Phật nói : Thương thay cho bà Tỳ Xá Khu, không được chút phước, vì sao ?... Một thầy Tỳ Kheo không được ăn, một chúng có được ăn phước báo rất to, mà mắc quả báo cũng to. Nếu trong chúng Tỳ Kheo không nói, thì riêng trong chúng hội đi đây cũng phạm tội Đọa.

Có chỗ giải rằng : Xét ý trong kinh luận, nếu có thí chủ muốn riêng thỉnh hàng Đại đức, Tỳ Kheo trí thức, phải dạy thỉnh hết chúng Tăng, nếu không thỉnh hết được, cho đến thỉnh một ông trong chúng, tùy chúng Tăng thứ lớp sai đi thọ thỉnh tức là không có cái lỗi ăn riêng chúng vậy.

Giới thứ ba mươi bốn CẤM THỌ QUÁ BA BÁT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đến nhà Cư sĩ thỉnh cúng dường cơm, bánh, ló, nếu Tỳ Kheo muốn dùng, nên thọ chừng hai ba bát, đem về chùa chia cho chúng Tăng, nếu Tỳ Kheo không bệnh thọ quá ba bát đem về chùa không chia cho chúng Tăng ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Cấp Cô Độc, khi đó có vợ ông Cư sĩ đi về nhà cha mẹ ruột, chồng cô sai người qua kêu về, đã sắm sửa cơm áo lên đường ngặt vì có các Tỳ Kheo đến nhà, nên cô bèn lấy đồ ăn đó dâng cho các Tỳ Kheo, rồi lại đi sắm cơm áo khác, trong khi chậm trễ cô chưa về, thì người chồng ở nhà đã cưới vợ khác. Lại có các Tỳ Kheo khát thực nữa, khát lần đến nhà ông lái buôn, ông này tin kính Phật pháp, ông bèn đem lương ăn để đi đường, cúng hết cho chúng Tăng, ông vào

trông thành để sắm cơm lương khác, thì các người bạn ông đã đi xa, ông ở lại đi sau không kịp, giữa đường bị ăn cướp giết. Phật nhân hai việc đây liền kết giới cấm.

Khi đó có Tỳ Kheo bệnh, không dám thọ cơm quá, Phật bèn kết thêm giới mở cho ông có bệnh được thọ quá (*ba bát*) mà không phạm.

Đến : Nghĩa là nhà Cư sĩ, hay nói chỗ người thỉnh.

Nhà Cư sĩ : Hoặc nhà 5 chúng xuất gia, tùy chỗ được y, nhuộm cho hoại sắc thọ dùng. Hoặc kẻ nam nữ tại gia, không luận tùy được thời mặc. Lại nữa, tâm người đời phân nhiều ưa mặc đồ trắng nên gọi là bạch y.

Thỉnh : Là mở lời kính thỉnh.

Cho : Thí cho.

Bánh : Là gạo nếp làm ra.

Bún : Là gạo nếp ngâm ủ v.v... xay làm bún. Bún có hai thứ : 1.- Bún rời. 2.- Lấy đường mật vắt cho dính lại.

Cơm : Là nấu gạo bấp v.v... thành cơm.

Muốn dùng : Là ý ưa muốn thì lãnh thọ lấy. Sẽ thọ chừng hai ba bát. Đây là cái hạn lượng.

Bát : Có bát lớn, bát nhỏ đồng giải như trước.

Đem vào chùa : Là về đến chỗ ở, hoặc chùa, am thất.

Nên chia cho các Tỳ Kheo ăn. Nghĩa là đồng tu phạm hạnh chia đồng mà ăn chỗ gọi là lợi hòa đồng quân...

Không bệnh : Đồng giảng như trước.

Quá : Là ngoài hạn lượng, phạm tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Tỳ Kheo đến nhà Cư sĩ thỉnh cho cơm, phải hỏi người chủ, nếu thí chủ nói : đây là cơm vợ về nhà chồng, đây là lương đi đường của khách buôn, tức phải ăn rồi đi ra.

Về đến chùa bạch với các Tỳ Kheo : Nhà chi... đây là cơm chi... hoặc cơm vợ về nhà chồng, hoặc lương của khách buôn nếu muốn ăn thì ăn rồi đi. Nếu muốn đem về, thì chừng hai ba bát thôi. Nếu đã đem về một bát, thì đồng chia ăn, phải nói với các Tỳ Kheo : nên đến đó ăn, nếu muốn đem về thì chừng hai bát thôi. Nếu đã đem về hai bát đồng chia ăn, thì phải nói các Tỳ Kheo rằng : nên đến đó ở ăn rồi đi, muốn đem về, thì nên lãnh một bát. Nếu đem về đủ ba bát rồi, về chùa phải chia nhau ăn, nói lại các Tỳ Kheo đến nhà kia nên ở đó ăn chớ đừng đem về nữa (vì tôi đã đem về ba bát rồi).

Nếu không bệnh, đến nhà kia thọ quá hai ba bát, khi ra khỏi cửa phạm tội Đọa. Hoặc một chân ở ngoài cửa phương tiện muốn đi mà không đi, tất cả đều phạm Ác tác.

Nếu không hỏi : hoặc cơm chi, cơm vợ về nhà chồng, lương khách buôn đi đường, hay là cơm chi chi, mà thọ ăn, hoặc đem về chùa mà không chia

các Tỳ Kheo ăn, và không nói cho các Tỳ Kheo kia hay biết. đã thọ mấy bát rồi, thì đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Không trái lời dạy trước, nếu thí chủ tự đem đến chùa thì được thọ, hoặc đem đến chùa Ni cũng được thọ.

Phụ văn : Thập tụng Luật nói : Nếu như bát bậc thượng thì nên thọ một bát thôi, không nên thọ hai bát. Còn bát bậc trung nhiều lắm cũng hai bát thôi, không nên thọ ba bát, bậc hạ nhiều lắm ba bát thôi, không nên thọ tới bốn bát. Nếu thọ quá đều phạm tội Đọa.

Căn Bản Luật nói : “Nói tóm lại nếu Tỳ Kheo khi thọ cơm của thí chủ, quá 4 tháng rưỡi phần lượng sắp lên, đều phạm tội Đọa”. Nếu thí chủ thỉnh tự ý, thọ nhiều ít cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Nếu đối phi nhân và nhà ngoại đạo thọ quá ba bát phạm Ác tác”. Hoặc ngồi ở đó ăn quá ba bát, chỉ trừ bánh bún, đem các vật khác, hoặc thí chủ hoan hỷ tùy ý, thì đem đi cũng đều không phạm.

Giới thứ ba mươi lăm CẤM KHÔNG LÀM PHÉP ĂN DƯ

CHÍNH VĂN : *Tỳ Kheo ăn no rồi, hoặc thời thọ thỉnh không làm phép ăn dư mà ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, cùng các Tỳ Kheo nói pháp ăn một bữa, các Tỳ Kheo bèn theo chỗ ăn các món, cơm, bánh, bún và

cọng, lá, bông, trái, cho đến đồ ăn uống, thuốc thang, cũng phải ăn một bữa. Như vậy, lần lần thể khô sắc héo. Phật mới dạy ở trên một chỗ ngồi ăn cơm, bún v.v... cho no đủ. Tỳ Kheo có bệnh không thể ngồi một lần mà ăn no được, Phật cho thường thường được ăn, lại cho ông nuôi bệnh, ăn no rồi được ăn cơm dư của người bệnh.

Khi đó Tỳ Kheo sáng sớm thọ cơm, cất rồi, vào làng khát thực, đi ăn no rồi lại lấy cơm cất kia cho các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo không dám ăn, Phật dạy : lấy cơm bị thọ kia làm phép ăn dư mà ăn.

Lại có Tỳ Kheo vào làng khát thực, được nhiều đồ ăn, đều dọn ra ăn chung, còn dư đem về cho các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo cũng không dám ăn. Phật nói : Cho theo ông đem cơm về đó, làm phép ăn dư rồi ăn. Phải làm phép ăn dư như vậy :

- Thừa Đại đức, tôi ăn no rồi, biết đó xem đó. Thế là làm phép ăn dư. Tỳ Kheo kia phải lấy một chút ăn rồi nói rằng : Tôi thôi ngài lấy ăn đi, đó cũng gọi là phép ăn dư.

Khi đó có một Tỳ Kheo tham ăn, ăn không biết no, ăn còn đói mà không biết làm phép ăn dư, hay là không dư, bèn lấy ăn đại. Phật nhân đấy liền kiết giới cấm.

Ăn no rồi là gì ? Nghĩa là ăn bữa cơm chính no rồi, tâm không nghĩ xả và nói xin thôi, rồi đứng dậy đi khỏi chỗ ngồi vậy. Đây có 5 món nhân duyên ăn no : 1. Biết ăn phải, nghĩa là cơm, bánh, bún v.v.. là món ăn chính vậy. 2. Biết người đem đến,

nghĩa là có người kia, trao cho rồi theo họ thọ được vậy. 3. Biết thời cấm, nghĩa là tám nghi ăn rồi, miệng nói không dùng nữa vậy. 4. Biết oai nghi, nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm trong bốn oai nghi đều được thọ ăn vậy. 5. Biết xả oai nghi, nghĩa oai nghi cũ hư, như đi đó rồi dừng lại, hoặc ngồi hoặc nằm.

Đúng : tức có đi, ngồi, nằm... **Ngồi** : tức là có nằm, đứng, đi. **Nằm** : tức là ngồi, đi, đứng. Khác năm duyên này, thì không gọi ăn no.

Hoặc thời thọ thỉnh ? Nghĩa là ăn no rồi, ăn thêm, ăn dư, hoặc thọ thí chủ thỉnh ăn thêm vậy.

Không làm phép ăn dư mà ăn ? Là không đem vật đó, đối với ông khác làm phép mà ăn thời phạm tội vậy - (*cách làm phép ăn dư, đồng như trước*).

Thê thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Ăn no rồi xả oai nghi rồi không làm phép ăn dư, mà lại ăn món ăn chính, cùng món ăn không chính nữa, nếu ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa.

Hoặc mình ăn no rồi, vì người mà làm phép ăn dư, hoặc biết ông kia ăn no rồi, đối với ông kia làm phép, hoặc tay mình cầm đồ ăn làm phép, hoặc để đồ ăn dưới đất làm phép, hoặc sai người tịnh nhân bưng đồ ăn làm phép, hoặc đối trước tịnh nhân làm phép, hoặc lấy đồ ăn không ngon phủ trên đồ ăn ngon làm phép, hoặc thọ phép ăn dư của ông kia mang đi hết. Như vậy đều không thành phép ăn dư, cũng phạm tội Ác tác, hoặc ăn no tưởng không no, phạm tội Đọa.

Ăn no và nghi. Lại nữa, ăn không no tưởng no và nghi đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La (*Ngũ Phần Luật : Ni cũng đồng phạm*).

Không phạm là gì ? Hoặc bệnh, hoặc ăn cơm dư của người bệnh.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Do vì hai món lợi, cho phép thọ cơm dư. Một là : Vì nhân duyên nuôi Tỳ Kheo bệnh. Hai là : Vì có làm công việc cho nên Tỳ Kheo ăn không no.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc trước ăn rễ, cọng, lá, bông, trái, 5 món ăn nhai và sữa lạc, rau v.v... sau ăn cơm, bún, bánh v.v... 5 món ăn nuốt không phạm”.

Nếu trước ăn 5 món nuốt, ăn thêm 5 món nhai, và ăn sữa lạc, rau v.v... gọi là phải ngăn việc ăn no. Phải biết có 5 lời nói trên ăn chưa no. Nghĩa là : Khi thấy thí chủ trao đồ ăn chưa dùng liền được, nên phải trả lời với thí chủ rằng:

Hãy đợi để lui lại đó, như có, hãy đợi tôi ăn, hay đợi tôi ăn hết, hoặc gồm tiếng hãy, có ý là chưa no, như không nói tiếng hãy, tức là ngăn sự ăn no, hoặc ý chưa phải no, dẫu có nói no, cũng không thành no phạm Ác tác, do vì nói không đúng pháp. Hoặc được cơm dư, làm phép ăn đó, thân mình vui ở, thí chủ cũng được phước.

Khi muốn làm phép, trước phải rửa tay cho sạch, thọ được cơm rồi, phải bưng tới Tỳ Kheo ăn chưa no, hay no rồi mà chưa rời bồn tòa, đối trước ông làm phép, ông chưa ngăn, được lấy hai ba hột

cơm bỏ vào miệng, còn bao nhiêu trả lại, nói rằng : Đây là vật của ngài, tùy ý nên ăn. Hoặc mình ăn no rồi, thì không nên ăn, phải lấy tay vịn bát và nói với ông rằng : – Đây là vật của ngài tùy ý ăn đi.

Có 5 cách làm phép ăn dư không thành :

1.- Thân ở trong giới mà đối với người ngoài giới làm phép. 2.- Chỗ không gặp nhau. 3.- Ở một bên. 4.- Ở sau lưng. 5.- Ông kia lia tòa. Trái lại đây thì thành. Nếu một người làm phép, mà ăn hai người cũng không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : “Cho một người làm phép ăn cơm dư, nhiều người ăn được, nếu Tỳ Kheo đem cơm dư đến, khi muốn làm phép cơm dư tức trong chén để trên bát, làm phép cơm dư đó, thì cơm trong chén được gọi là cơm dư, còn cơm trong bát không gọi làm phép”.

Nếu nước cơm trong chén, chảy vào trong bát đều gọi là cơm dư, hoặc chung hai bát, xin làm phép cơm dư, người trước thôi ăn, cơm trong bát ông ăn đó, với một bát cơm nguyên, được chung làm phép cơm dư. Hoặc hai bát lớn, hoặc bánh hoặc rau, chung sắp ngăn trên đó, cả hai đều gọi làm phép cơm dư, các món khác cũng làm như vậy.

Nếu Tỳ Kheo ăn no rồi, có đại thí chủ đem đồ ăn uống đến, phải hỏi ông Trị nguyệt, ông Duy Na và ông Tri Sự, ăn chưa no tới ông kia làm phép ăn dư. Nếu ông Duy Na ăn no rồi, phải tới ông Thượng Tọa ăn chưa no mà làm phép. Nếu ông Thượng Tọa hổ thẹn, thọ người làm phép không được, phải hiệp

lại nói với ông Thượng Tọa đến chỗ khuất mà làm phép.

Nếu ông Thượng Tọa ăn no rồi, có ông khách Tỳ Kheo đến thì ta phải hỏi ông khách, nếu chưa no, thì đối với ông làm phép, nếu ông khách no rồi, chúng Tăng phải làm phép phương tiện, không nên làm hư thiện tâm của thí chủ.

Hoặc trong chúng có ông Sa Di lớn, sắp lên giới đàn thọ cụ túc, dạy ông làm phép ăn dư rồi, vậy sau sẽ ăn.

Có chỗ dịch rằng : Xét trong Ngũ Phần Luật nói : Khi làm phép, đem cơm để trong bát, bày vai áo bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, tay bưng bát đối với ông kia mà nói...

Tát Bà Đa Luận : “Nếu ở bên vị Thượng Tọa, nên bày vai áo bên hữu, quỳ gối mỗi việc phải đúng như pháp, còn nếu ở bên vị hạ tọa, chỉ trừ quỳ gối”.

Căn Bản Luật : “Phải đứng ngay trước”.

Luật Nhiếp dạy : “Ngồi chồm hóm”. Căn cứ theo đây thì quỳ đứng gì tùy ý, hoặc nên nương theo ông Thượng Tọa hay ông hạ tọa, cho đủ oai nghi mà làm.

Giới thứ ba mươi sáu CẤM SAI NGƯỜI PHẠM ĂN DƯ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo kia ăn no rồi, hoặc thọ thỉnh nữa không làm phép ăn dư, lại ăn cần thỉnh cho ăn thêm. Trưởng lão, lấy cái này ăn,

vì nhân duyên như thế, không khác chi muốn cho ông kia phạm chơi, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, Tỳ Kheo tham ăn bị Tỳ Kheo kia quở trách, ông đem lòng giận dữ, sau khi khác ăn cần thỉnh cho ăn, muốn cho ông kia phạm giới, trở lại cật lỗi ông kia chơi. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Ăn cần thỉnh cho ăn là gì ? Là nài nỉ thỉnh đôi ba phen gắng khuyến bảo ăn.

Muốn cho ông kia phạm : Là muốn làm cho ông kia phạm tội để trả hờn, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu Tỳ Kheo kia thọ đó, mỗi miếng đều phạm mỗi tội Đọa. Hoặc cho mà ông kia không ăn, ông cho phạm Ác tác (*Cảnh tượng và nghi v.v... cũng đồng giải như giới trước*).

Không phạm là gì ? Trước không biết ông kia ăn no rồi, hay là không có tâm làm cho ông kia phạm v.v...

Giới thứ ba mươi bảy CẤM ĂN PHI THỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phi thời thọ cơm ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó ông Nan Đà, ông Bạt Nan Đà đi đến thành

Vương Xá, nhằm ngày hội hè, nghe nhạc đánh hay, các người đem dâng đồ ăn uống, ăn rồi còn cố nghe nữa cho đến tối mới về. Lại nữa ông Ca Lưu Đà Di mặt trời lặn rồi mà còn đi khát thực.

Khi đó trời tối, có người đàn bà (có mang) bụng cơn ra cửa lúc đó trời chớp, thoạt thấy mặt ông tưởng là con quỷ, sợ quá té xỉu dưới đất, nổi giận nói rằng : Phạm hàng Sa môn Thích tử tà tự mổ bụng mà chết, chớ không nên đi khát thực ban đêm. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật nói : “Nghe nhạc hay phạm Đột Kiết La”. Phật bèn nhóm chúng Tăng mà kiết giới cấm này.

Phải thời : Nghĩa là mặt trời đã mọc cho đến giờ ngọ.

Phi thời : Nghĩa là từ giờ ngọ bữa nay, cho đến hừng đông ngày mai khi mặt trời chưa mọc, ấy không phải là thời của thầy Tỳ Kheo thọ ăn. Thầy Tỳ Kheo trước giờ ngọ phải đi khát thực, sau giờ ngọ phải nên vững mình ngồi thiền tụng kinh tu các nghiệp chính, nếu ăn vô độ, tức là phi đệ tử Phật.

Lại nữa, Phật muốn cấm dứt cái nhân trong sáu thú nên dạy đồng ăn theo ba đời chư Phật. Nghĩa là thời sớm mai chư thiên ăn. Thời ngọ chư Phật ăn, mặt trời xế về hướng Tây súc sinh ăn, mặt trời lặn quỷ thần ăn.

Tỳ Kheo học Phật ăn thời ngọ. Vì sao mà Phật ăn thời ngọ ?

Bà Sa Luận nói : “Đức Thế Tôn tính lia ăn phi thời, nên đức Như Lai từ khi giáng sinh trong cung

vua, cho đến khi nhập Niết bàn, trong chặng giữa, chưa từng có ăn phi thời". Nghĩa là tính của chư Phật, hằng ở chỗ trung đạo, không chấp hai bên, nên lia cách ăn phi thời là tiêu biểu lý trung đạo, nên Phật dạy ăn thời ngộ.

Còn trước giờ ngộ cho ăn, là tiêu biểu phép phương tiện đi trước, được có cái nghĩa chứng, cũng khiến thân tâm hiện tiền được lợi vậy. – Sau giờ ngộ không ăn thì ít ngủ mê, không ăn đêm thì ít bệnh hoạn, thân được nhẹ nhàng an ổn, tâm dễ được định, có nghĩa như thế, cho nên Phật dạy ăn giờ ngộ.

Nói ăn : có hai nghĩa : a/ ăn chính. b/ ăn không chính.

Ăn sau giờ ngộ ? Đã giải nghĩa như giới trước.⁽¹⁾

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Phi thời thọ cơm mà ăn, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Hoặc thuốc phi thời, hoặc quá phi thời, thuốc 7 ngày hay quá 7 ngày, đều phạm tội Đọa. Thuốc trọn đời không nhân duyên, uống đó phạm Ác tác.

Phi thời tưởng phi thời phạm tội Đọa, phi thời tưởng thời và nghi, thời tưởng phi thời và nghi phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

⁽¹⁾ Giới trước : 5 món ăn nuốt, 5 món ăn nhai, quá ngộ ăn mỗi miếng mỗi tội Đọa.

Không phạm là gì ? Ăn đường đen, hoặc có bệnh uống thuốc rồi ói ra, cho nấu nếp nguyên vỏ, lọc lấy nước uống, nếu có ói ra thì phải ráng nuốt vô.

Phụ văn : Nội Pháp truyện nói : “Răng còn nhét cơm, trên lưỡi còn bợn cơm, khi chưa lấy nước súc cho sạch, đến khi mặt trời xế mà nuốt đó, thì phạm phi thời”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Bóng mặt trời xế qua một sợi tóc, một nháy mắt tức là phi thời”.

Trong tựa Tỳ Ni Luật nói : Tỳ Kheo bệnh uống thuốc hạ, sau giờ ngộ xót ruột, Phật dạy cho nấu bông lúa lấy nước uống, uống rồi mà còn xót ruột, Phật dạy nấu măng tre lọc nước uống, uống rồi mà không hết, Phật dạy cho lấy dây đựng gạo nấu cháo, vắt lấy nước cho uống, bệnh cũng không hết. Phật dạy đem đến chỗ khuất cho ăn cháo.

Căn bản Ni Đà Na nói : “Tỳ Kheo có bệnh, thầy thuốc dạy lấy nước khuấy với bột, phi thời được ăn”. Phật nói : “Trâu không có răng, ăn lúa mạch nó ỉa ra hột mạch còn nguyên, dùng đó làm bột, phi thời nên uống, tùy uống không hết, thầy thuốc dạy uống bột mì sống, Phật nói : “Ông thầy thuốc tùy theo phương xử dạy uống bột hoặc khuấy đặc, hoặc vò viên tùy theo nên uống”.

Phàm như có việc ta vì người bệnh, phi thời mở đó, sau khi hết bệnh, đều không nên uống.

Có chỗ giải rằng : Các việc này, Phật vì lòng đại bi thương các đệ tử bệnh nặng, tùy theo bệnh

nên cho thuốc, mở cho uống đó, nếu chẳng phải nhân duyên táng mạng, quyết không nên uống, có bệnh chút ít, quấy hiệp ý thánh, lại phạm lỗi phi thời, và thêm trái lời Phật dạy.

Trong kinh ông Xá Lợi Phất hỏi Phật : Bạch đức Thế Tôn, giả sử như có người thí chủ tạo chùa, cấp để nhiều của cải, cúng cho chúng Tăng, đời sau có ông Tăng giống như người xuất gia, phi thời tới ông Điển thực (*Trụ trì*) xin cơm ăn, người cho và người ăn phạm những tội gì ? Và người thí chủ có những phước gì ?

Phật nói : “Người ăn phi thời là người phá giới, là người phạm tội ăn trộm, còn người cho phi thời cũng là người phá giới, cũng là người phạm tội ăn trộm, vì trộm vật của người thí chủ, nên đừng cho lấy, vì không phải bổn ý của thí chủ, thí chủ không có phước vì mất của vậy, chỉ có thiện tâm để lập công bồi đức”.

Ông Xá Lợi Phất hỏi rằng : Phải thời thọ, phải thời ăn, ăn không hết, phi thời ăn nữa, hoặc phải thời thọ, phi thời ăn, lại có phước gì không ? Phật nói : Phải thời ăn tịnh, đó là phước điền, đó là người xuất gia, đó tức là Tăng già, đó tức là bạn lành cõi trời, cõi người, cũng tức là ông đạo sư cõi nhân thiên. Còn ăn bất tịnh, cũng tức là người phá giới, tức là người đàng ăn cướp, tức là ngựa quý, cũng tức là hang ổ tội lỗi.

Phi thời xin, lấy thời làm phi thời, phi thời lần lần lấy cho, thì ông Điển thực đó, gọi là người thói đạo, đó gọi là ma vương, đó gọi là ba đường ác, đó

gọi là đồ bể, đó gọi là người bệnh lác, phá hư quả lành vậy.

Trộm xin để nuôi sống. Cho nên các hàng Bà La Môn, không ăn phi thời, kẻ ngoại đạo Phạm chí cũng không tà thực. Hướng chi đệ tử của ta biết pháp học, biết pháp hành, mà đi làm như vậy ư?... Phạm lâm như thế đó, chẳng phải đệ tử của ta, đó là người trộm của lợi trong chính pháp ta. Rõ ràng người vô pháp trộm danh, trộm đồ ăn, còn người phi pháp trộm cho, trộm thọ một năm, một nhóm, chút muối, chút giấm, sau khi chết rồi đọa vào địa ngục, đốt cháy ruột gan hoặc nuốt hoàn sắt nóng. Từ trong địa ngục sinh ra làm loài heo chó, ăn các đồ bất tịnh, kể đó rồi sinh lên làm loài chim heo, chim cú, người nghe ghét tiếng kêu. Sau rồi sinh trong nga quý ở nhà tiểu đất chùa ăn đồ phần ược, trải trăm ngàn vạn kiếp mới sinh được làm người, mà lại sinh ở trong nhà bản cùng hạ tiện, người đời ghét bỏ, có nói năng lời gì, người không tin dụng.

Chẳng bằng ăn trộm vật của một người tội kia còn nhẹ, do vì cướp lấy ruộng phước tốt của nhiều người vậy, cũng là đoạn dứt con đường xuất thế.

Ngài Văn Thủ Sư Lợi bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, đức Như Lai thường nói, ông Xá Lợi Phất ở trong hàng Thanh Văn trí tuệ bậc nhất không vì tiểu tâm, hay hỏi những nghĩa bí yếu.

Phật nói : “Ông Xá Lợi Phất, nhiều kiếp có gieo trồng trí huệ, mới bày giải được pháp của ta, và biết khắp cả vi trần cõi nước, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh”.

Giới thứ ba mươi tám
CẤM ĂN CƠM DƯ CÁCH ĐÊM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ăn cơm dư cách đêm, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Bấy giờ ông Tôn giả Ca La thường hay ngồi thiền suy nghĩ như vậy : Ta mỗi ngày vào thành khát thực chi cho mệt nhọc, thà mình trước ăn cơm dư đây sau khi đi khát thực có được cơm nữa sẽ đem cất, ông thật hành theo lời nói. Các Tỳ Kheo trong hai thời ăn trước sau, không thấy ông Ca La, nghi tưởng ông chết, hay tưởng ông đi xa, hoặc thôi tu, sau thấy ông Ca La, hỏi ra mới biết duyên cớ, nên bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Ăn cơm dư cách đêm : Là ngày nay mình thọ cơm để qua ngày mai ăn. Đó gọi là cơm dư, cũng gọi là cơm nhớ, đối với tất cả hàng Sa môn Thích tử thọ đại giới, đều không thanh tịnh.

Ăn : Là món ăn chính thực và món không chính thực vậy.

Mà ăn đó : Là ăn nhai hay là nuốt vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc cất cơm để cách đêm mà ăn, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa, không nên cố nhớ cơm tịnh kia⁽²⁾ làm cho thành bất tịnh, nhớ đó thì phạm Ác tác, kia (Tỳ Kheo) không làm nhớ không phạm. Không nên ở ngoài giới cùng nhau ăn cơm cách đêm, hoặc nấu

⁽²⁾ Không nên để cơm thiu cách đêm.

cơm ăn, phải ở trong phòng vắng kiết làm cái nhà tịnh trụ. Tỳ Kheo bệnh cần dùng cháo sai tịnh nhân để nước vo gạo, nấu cho sôi, rồi ta mới rửa tay mà lành. Vậy sau mình nấu cho chín, hoặc hâm cháo lại, cho mình tự hâm; gặp thời lúa dất cho tự nấu, cho ở trong giới đồng nhau ăn cơm cách đêm, và cho tự nhúm lửa nấu cơm ăn (vì thời lúa dất).

Sớm mai thức dậy cho thọ cơm, ăn no rồi không làm phép ăn dư, cũng được ăn. Dem cơm dư lại ngồi một chỗ ăn, và được các món trái cây cũng vậy.

Hoặc lúa rẻ lại, không nên ăn như trên. Cơm cách đêm, tưởng cơm cách đêm phạm tội Đọa, cơm cách đêm tưởng không cách đêm và nghi, cơm không cách đêm, tưởng cách đêm, và nghi đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội như giới trước.

Không phạm là gì ? Cơm cách đêm, thọ ăn còn dư đem cho cha mẹ, và tính giá tiền để dành làm tháp, làm phòng chúng ở, thời sau đến ông kia xin mà ăn. Hoặc bát mồn có lủng lỗ, cơm nhét trong lỗ, sợ mỗi lần rửa cạy móc hư, phải như phép rửa hai ba lần mới sạch. Nếu cơm nhét cứng, không súc ra không phạm. Cơm cách đêm của cô Ni cho thầy Tỳ Kheo tức là tịnh, cơm cách đêm của thầy Tỳ Kheo cho cô Ni tức là tịnh.

Khi đó có ông Cư sĩ, chở các món vật thực đi đường theo Phật và chúng Tăng để cúng dường, qua khoảng đồng nội, vì có cơm dư cách đêm, sai người đem dâng hết cho các Tỳ Kheo, chứ Tỳ Kheo bạch

Phật, Phật cho thọ cơm dư của thí chủ, rồi bảo tịnh nhân dâng, không nên tự mình lấy, nếu có muốn dùng tùy ý xin lãnh.

Kế đó có ông Cư sĩ nữa, đem cơm dâng, Tỳ Kheo lấy cất sau rồi ông ăn, hoặc đem về, hoặc cho Tỳ Kheo khác, Tỳ Kheo bị cho đó lại nên thọ. Hoặc ông Sa Di nhỏ bưng cơm tịnh ấy lội qua sông, ông bưng không nổi, cho Tỳ Kheo bưng giùm lội qua, lên bờ rồi, nếu có bình sữa, bình dầu, nên sai tịnh nhân đẩy nắp lại, nếu không có tịnh nhân cho tự đẩy, và treo lên, rồi không nên đựng tới nữa.

Bấy giờ Phật muốn uống ba thứ thuốc, ông A Nan tự sắc thuốc rồi dâng lên Phật. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi : ai sắc thuốc này ?... Đáp rằng : Bạch con tự sắc. Phật nói : Hàng đại Tỳ Kheo không nên nấu ăn, nếu tự nấu, phải đúng như pháp trị.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : “Đại Tỳ Kheo chưa lấy tay thọ cơm đó thì cơm đó cũng đồng như cơm cách đêm, gọi là cơm trong đêm, nếu ăn thì phạm Ác tác”. Tay thọ rồi mà lại đem cất, cũng đồng như cơm cách đêm, nên gọi là cơm dư cách đêm, ăn thì phạm tội Đọa.

Nếu trước mình hái trái cây, sau đem đến tịnh nhân làm phép tịnh, thọ mà ăn đó, thì phạm Ác tác, đựng đồ ăn có hai cách : 1.- Thấy Tỳ Kheo tri giới thanh tịnh lẩm đựng. 2.- Thấy Tỳ Kheo phá giới không biết tâm quý mà đựng.

Ni Đà Na nói : “Bánh, trái còn dư đem cho ông Sa Di, sáng mai xin lại ăn không phạm, nếu có tâm

hy vọng khi cho ông Sa Di phạm Ác tác, khi ăn phạm tội Đọa, nếu tất cả không có tâm hy vọng thì không phạm”.

Mục Đắc Ca nói : “Tỳ Kheo đi đường, bảo các ông Sa Di đem theo lương thực đi đường đến, cũng nên bảo ông quỳ dâng, thọ rồi để xuống”. Lại nữa, các Tỳ Kheo, nếu khi đi đường phải đem lương thực theo, đã không người Cư sĩ mà cũng không Sa Di, nên khuyên người thí chủ, hoặc cũng không có người thí chủ ở đó, thì nên tự mình cầm đi sau gặp người Cư sĩ, mời lại ăn chung, nếu mời mà họ không dám ăn chung, thì nên chia làm hai phần, bảo người Cư sĩ rằng : Ông lấy một phần đi, ông kia đã lấy vào tay rồi, Tỳ Kheo nên bảo ông kia rằng : Ông đổi tôi ăn, tôi lấy phần của ông, ông lấy phần của tôi, kêu là đổi mà ăn vậy.

Hoặc ở chỗ đó khó xin, trong ngày thứ nhất, phải nghỉ ăn, ngày thứ hai nếu có người dâng, thì thọ lãnh mà ăn. Nếu không ai dâng cho, thì mình nên lấy chững một năm (*cở năm cạp con*), mà ăn, đến ngày thứ ba cũng không ai dâng cho thì ăn hai năm, đến ngày thứ tư cũng không ai dâng cho nữa tùy ý mình tự lấy ăn no, không phạm.

Sau khi lương thực đi đường hết, gặp trái cây chín rụng xuống đất, nên lấy làm phép tịnh thọ rồi ăn, nếu không gặp người tịnh nhân để làm phép thọ rồi ăn, người dâng cũng không, phải nên tự lấy, làm phép tưởng theo Bắc châu (*Bắc cu lô châu không Phật pháp*), kèm tâm mà ăn. Trái chín trên cây chưa rụng xuống phải trèo lên cây rung cho rụng xuống,

lượng lấy mà ăn. Như trên khai cho đều là bị nạn duyên. nếu không nạn duyên, thấy đều cấm dứt (*không cho phương tiện như thế này*).

Thiện Kiến Luật chúng Tỳ Kheo đồng đi, mà chỉ có một ông Sa Di, thì mỗi vị Tỳ Kheo phải tự mang lương phạn của mình, đến khi ăn, mỗi ông chia mỗi phần. Ông Sa Di được phần rồi, thưa với Tỳ Kheo rằng : Nay phần của tôi đổi cho Đại đức, đổi rồi đem đổi cho ông đệ nhị Thượng Tọa, như vậy cho đến hết chúng, ăn như thế thì không tội.

Nếu ông Sa Di không biết phép, Tỳ Kheo phải tự đổi phần cơm của mình cho ông Sa Di, ông Thượng Tọa đem đổi rồi, thì ông đệ nhị Thượng Tọa đem đổi lấy phần cơm Sa Di, như vậy lần lượt đổi cho ông Sa Di đổi qua lại, rồi ăn không phạm.

Nếu Tỳ Kheo mang gạo đi theo, ông Sa Di còn nhỏ không nấu được, thầy Tỳ Kheo được nấu chỉ trừ không được nhúm lửa, cơm chín rồi, chia ra từng phần, cho ông Sa Di phần rồi, nên đổi lấy phần ông Sa Di, lần lượt đổi nhau với ông Sa Di rồi ăn. Nếu cơm sôi trào ra Tỳ Kheo không nên dùng miệng thổi và cầm đũa bếp sơ, đều phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu không có tịnh nhân, cho vị Tỳ Kheo bệnh, nhúm lửa nấu cháo, rửa nồi cho sạch, đổ nước vô bảo tịnh nhân để gạo đậu, cháo chín rồi, lại bảo tịnh nhân thọ dâng cho Tỳ Kheo bệnh”.

Thập Tụng Luật nói : “Cơm còn sống cho nấu lại, hoặc cơm sống đó, cho lấy lửa làm tịnh rồi được

nấu". Vì sao gọi là lửa tịnh ?... Là nhấn đến một đốm lửa để làm phép tịnh.

Luật nhiếp nói : "Tỳ Kheo và cô Ni mỗi người đều có cơm cách đêm, cho đối nhau ăn, cô Ni có đồ ăn uống, thầy Tỳ Kheo cất giùm, tâm tưởng của kia (Ni), khi cô Ni đem cho, được ăn". Song, trong miệng thường có nước nhớ, muốn cho được sạch, không có duyên cớ chi khác, chỉ nên lấy nước thảo đậu (du : xà bông) với vị cù ma (du: riếp đánh răng) v.v... hòa với nước lấy ngón tay chà môi trong, và khắp chung quanh cho sạch, đôi ba lần súc miệng, khi uống không phạm.

Phàm muốn uống nước, ăn cơm, thời hay phi thời, đều phải lấy nước súc miệng hai ba lần, mới nên uống, nếu không vậy phạm Ác tác.

Giới thứ ba mươi chín CẤM KHÔNG THỌ MÀ ĂN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cơm chưa thọ mà ăn, hoặc thuốc để vào miệng, phạm Ba Dật Đề. Trừ nước và nhành dương.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi đó trong thành có các ông Cư sĩ, vì cha mẹ, anh em, chị em v.v... qua đời, ở đầu đường ngã tư, hoặc ở mé sông, ở dưới gốc cây, ở trong miếu, thiết lễ cơm chay cúng tế quỷ thần. Có một thầy Tỳ Kheo đi khất thực ông tự lấy cơm đó ăn, các ông Cư sĩ chê cười, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Khi ấy các Tỳ Kheo sinh lòng nghi, không dám lấy nhành dương và nước tịnh, Phật mới ghi thêm câu : trừ nước và nhành dương, không thọ cũng không phạm.

Không thọ là gì ? Nghĩa là không theo Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni. nam nữ tại gia mà thọ được vậy.

Thọ có 5 cách : 1/ Tay họ trao, tay mình rờ thọ. 2/ Hoặc tay họ trao, tay mình cầm thọ. 3/ Hoặc họ cầm vật cho, mình thọ vật. 4/ Hoặc họ cầm vật cho, tay mình rờ vật thọ. 5/ Hoặc vật cách xa vói cho, mình hứa thọ. Thế là kẻ cho người thọ đều biết chặng giữa không có đụng chạm, được rờ trong tay.

Lại có 5 cách thọ nữa : 1/ Hoặc thân cho thân thọ. 2/ Hoặc y cho y thọ/ 3/ Co cánh tay cho co cánh tay thọ. 4/ Hoặc đựng cho đựng thọ. 5/ Hoặc có nhân duyên để dưới đất cho v.v...

Như có người đi đường đem cơm theo, rủi gặp nạn sự xảy ra, không kịp trao cho, họ để dưới đất rồi đi, tức là do nhân duyên đó bèn thành trao cơm (cũng tức là thọ).

Lại nữa, có quốc độ, nhằm ghét người đi khát thực họ làm cái tiểu đàn, thầy đi khát thực để bát lên đó, họ vói tay để cơm trong bát, thì cũng thành nghĩa thọ cơm.

Ăn : Nghĩa là : món ăn chính và món ăn phụ.

Thuốc để trong miệng ? Nghĩa là : thuốc phi thời, thuốc 7 ngày, thuốc trọn đời, cho đến thuốc hoàn thuốc tán, phải từ tịnh nhân kia trao cho mà thọ, không nên tự lấy bỏ vào miệng nhai nuốt.

Nước : Là tất cả thứ nước trong sạch, như : nước sông, nước ao, nước suối, nước giếng v.v... cũng phải từ tịnh nhân kia trao cho.

Nhành dương : Là nhánh cây dương liễu và các thứ cây không chất độc chẻ ra để xỉa răng, làm tăm xỉa răng dài chừng một gang tay, ngắn chừng bốn ngón, có chỗ nói dài một thước hai tấc, ngắn sáu tấc. Thứ lớn bằng ngón tay út, nhỏ bằng chiếc đũa, nhẵn tủa một đầu cho nhuyễn, nhẹ để trong chân răng, chà rồi lấy nước súc đôi ba lần, nhỏ nước đó dừng nuốt.

Không nhổ vỏ ngoài và lột bỏ vỏ, không nên nhổ nhiều thứ lá lộn xộn, và nhổ thứ cây có chảng hai. - Không nhổ cành dương có 5 điều lỗi : 1/ Hơi trong miệng hôi. 2/ Không phân biệt được mùi vị. 3/ Càng thêm bệnh nóng. 4/ Ăn không tiêu. 5/ Con mắt lờ. Nhổ cành dương cũng có 5 điều lợi ích, trái lại trên.

Không nên ở trước nhiều người mà nhổ, phải ở chỗ khuất. Nhổ rồi, lấy nước rửa sạch, khi nhỏ cũng phải khảy móng tay hay tăng hăng, đem nhỏ chỗ khuất. Hoặc nhánh dương khó kiếm, thì cắt bỏ chỗ nhổ, rồi để dành, hoặc không có cây xỉa răng, nên dùng tro, đất, cỏ, cây, nước thảo đậu v.v... rửa súc.

Hoặc trên lưỡi bợn như đóng nhiều, cho làm cái dao cạo lưỡi, không nên làm bằng vật báu, nên làm bằng xương, ngà, sừng, đồng, thiếc, tre, lau v.v... các thứ đó khó kiếm, nên lấy nhanh đương xé làm hai miếng mà cạo lưỡi, cho làm cây xỉ răng bằng xương, nanh, tre cho đến cây, cho làm móc tai bằng xương, nanh, phàm các vật này dùng rồi lấy nước rửa, đem phơi khô cất, đừng để dơ hôi.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Không thọ mà ăn, tự lấy để trong miệng, mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Không thọ tưởng không thọ, phạm tội Đọa, không thọ, nghi tưởng thọ, và thọ tưởng không thọ, và nghi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm, tội đồng như trên.

Không phạm là gì ? Cô Ni được cơm trao cho thầy Tỳ Kheo, hoặc thầy Tỳ Kheo được cơm trao cho cô Ni, hoặc khi khát thực chim tha rớt trong bát, hoặc gió thổi rớt trong bát, muốn trừ bỏ cơm này, nhả đến chừng một móng tay, còn bao nhiêu ăn không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Cho nếm đồ ăn để biết mặn nhạt, nhưng không nuốt, cho tới loài thiên long và loài nhĩ hầu thọ cơm, nhờ thí chủ nói mà thọ cơm ăn, không nên thọ cơm họ quăng bỏ mà ăn”.

Mục Đắc Ca nói : “Thời thọ bữa cơm chính họ chưa gặp được mình, bèn để dưới đất, mình nên thọ lại mà ăn, không có người dâng mình nên lấy bỏ nhiều phần (*hơn phân nửa*) vậy sau mới ăn”.

Nội Pháp truyện nói : “Mỗi ngày, sớm mai phải chà răng, cạo lưỡi các việc làm cho đúng pháp, nước tro, nước tháo đậu chà súc cho sạch sẽ, rồi mới đi kính lễ, hoặc không như vậy, thọ người kính lễ, hay mình lễ người, thấy đều phạm lỗi, song chân răng bợn nhơ lâu ngày thành cứng cạo đó cho hết, hoặc lấy nước nóng súc cho sạch, thì không mục hư, cho đến trọn đời”. Người bên Tây quốc hẳn không răng đau, ăn rồi phải nhổ nhành dương, chà răng và xỉa răng cho sạch. Phép bên ngũ thiên Ấn Độ, người thế tục hay nhổ cây xỉa răng vẫn là sự thường. Đồng tử 3 tuổi đều phải dạy làm. Phật dạy theo phong tục mỗi nước, đều lợi ích chung.

Xóm gần núi thì đốn cây Tật, dây Sắn làm trước. Còn chỗ ruộng bằng, thì đốn cây Chử, cây Đào, cây Hòe, cây Liễu tùy ý tính cắt thu cho đủ, đừng cho thiếu hụt. Nếu còn tươi thì cần phải có người trao cho, còn khô thì tự mình cầm lấy. Người nhỏ sức mạnh nhổ, còn người yếu thì phải dẫn đầu cho nát. Nhành cây đó đắng, chát, cay, nồng, đều là thứ cây tốt, nhổ đầu cho thành bông (tua xơ) đó là tốt nhất. Nhành cây Thô hồ rất trắng tinh. Có chỗ nói rằng : “Tức là cây Thương nhĩ, cắt rễ nó ăn sâu dưới đất hai tấc”.

Ba Ly Luận nói : Tăng Ni hai chúng xuất gia và người bạch y v.v... khi ngộ trai xong, không dùng nước tháo đậu và hột cự ma v.v... mà súc miệng thì không thành trai (*chay*).

Phật nói : “Thuở đời quá khứ, có ông Tỳ Kheo hiệu là Liên Đề, trì trai giữ giới 60 năm, không bao

giờ khuyết điểm, chỉ một ngày ăn có một bữa, thường dùng cữ ma đậu tiết v.v... súc miệng thì thành trai, nếu không vậy thì đều không thành”.

Có chỗ dịch rằng : “Độ quá giờ ngộ không ăn, gọi là trai”, cây xĩa răng hoặc thứ nhánh tươi, phải dùng lửa làm tịnh rồi mới thọ mà nhận.

Giới thứ bốn mươi **CẤM KHÔNG BỆNH XIN CƠM CANH**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo được đồ ăn ngon, như là sữa, sữa tươi, cá, thịt, nếu Tỳ Kheo không bệnh mà tự xin cho mình, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó có ông Bạt Nan Đà đến nhà người lái buôn xin các món ăn. Lái buôn hỏi rằng : “Nay Đại đức có bệnh gì ?”... Ông trả lời : “Không đau bệnh chi, nhưng ý tôi muốn được các món ăn như vậy”. Ông lái buôn chê cười. Phật vì đó liền kiết giới cấm. Khi đó các Tỳ Kheo có bệnh không dám xin và cũng không dám xin giùm cho các ông có bệnh, dầu được cũng chẳng dám ăn. Nên đức Phật lại kiết giới mở thêm cho câu : “Trừ ông có bệnh và xin giùm cho ông có bệnh, không phạm”.

Đồ ăn ngon : Tức là sữa, lạc (bơ), cá, thịt, sữa để uống, cá thịt để ăn.

Bệnh là gì ? Cho đến quá nặng ngồi ăn không được trọn bữa.

Minh tự xin : Là mình vì thân mình mà xin, chẳng phải vì người khác.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Không bệnh mà mình vì thân mình mà xin đồ ăn ngon, mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Bốn chúng kia đều phạm Đột Kiết La.

(Xét trong Luật của Tỳ Kheo Ni : thì cô Ni phạm phép Hối quá).

Không phạm là gì ? Nếu mình vì người, hay người vì mình mà xin, hay không xin mà được.

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : “Không bệnh mà xin, không bệnh mà ăn, khi xin phạm Ác tác, khi ăn phạm tội Đọa. Khi không bệnh xin, khi có bệnh ăn, khi xin phạm Ác tác, khi ăn không phạm. Khi có bệnh xin, khi không bệnh ăn, khi xin không phạm, khi ăn phạm tội Đọa. Có bệnh xin, có bệnh ăn, không phạm”.

Khi đi khát thực, thí chủ đem cơm ra, mình muốn dùng vật khác, thì đừng thọ cơm kia, đứng im một chỗ. Nếu thí chủ hỏi : Đại đức muốn dùng vật chi ?... Thì nên trả lời rằng : “Vật đó”, là tiêu biểu họ theo ý muốn của mình, dùng được, thì tùy ý xin không phạm. Lại nữa, khi thí chủ thấy Tỳ Kheo đứng im không thọ cơm, nên nói : “Đại đức còn cần dùng chi cứ tự do nói”, bấy giờ Tỳ Kheo tùy ý muốn xin vật chi, đều không phạm.

Giới thứ bốn mươi mốt**CẤM TỰ TAY TRAO ĐỒ ĂN CHO NGOẠI ĐẠO**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo tự tay mình trao đồ ăn cho nam nữ ngoại đạo, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật cùng các hàng đệ tử đi du lịch trong chốn nhân gian từ nước Câu Tát La đi đến thành Xá Vệ, các nhà dân việt cúng dường Phật và chúng Tăng rất nhiều cơm bánh. Phật dạy ông A Nan chia cho chúng Tăng, chia rồi còn dư, dạy chia cho người ăn xin, trong đám người ăn xin, có con gái ngoại đạo lỏa hình, mà diện mạo đoan chính, ông A Nan đưa bánh cho cô ta, bánh dính nhau lại tưởng là một bánh, cô ta được bánh rồi, bọn kia lại hỏi : “Chị được bánh này ở đâu ?”. Những người đi xin đều được có một cái, họ bèn sinh nghi kỵ.

Lại có người Phạm chí, ở đó ăn rồi mới đi ra đường, gặp một người Binh sĩ đốc tín, hỏi từ đâu đến đây vậy ?... Phạm chí nói : tôi ở bên tịnh xá của ông Cư sĩ đầu trục đó, ăn no rồi mới tới đây. Binh sĩ ấy liền bạch chư Tỳ Kheo. Phật do hai việc đó, nên chế giới cấm : “Không cho kẻ ngoại đạo ăn”.

Khi đó các kẻ ngoại đạo oán trách rằng : “Chẳng phải chúng tôi có lỗi hết”. Phật mới dạy : “Để dưới đất cho hoặc sai người đem cho, không được tự tay Tỳ Kheo đem cho”. Phật bèn ghi thêm câu : “Chẳng được tự tay mình trao cho”.

Ngoại đạo : Là kẻ lỏa hình học đạo khác, đây cũng căn cứ theo lời duyên khởi trên, nhân vì có người, nên Phật mới chế giới, có nói việc lỏa hình, hoặc chuẩn theo ý chỉ luật, không luận lỏa hình hay không lỏa hình, chỉ tất cả người ngoại đạo, thì đều không được chính tay Tỳ Kheo trao cho đồ ăn vậy.

Tay mình trao cho : Là chính tay Tỳ Kheo trao cho, nên khiến kia sinh tâm kiêu mạn, mà không biết hổ thẹn vậy.

Đồ ăn : Là món ăn “chính” và “phụ” vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc tay mình trao đồ ăn cho nam nữ ngoại đạo, thì phạm tội Đọa. Cho mà họ không lấy phạm Ác tác, phương tiện muốn cho mà ăn năn rồi không cho, tất cả đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau, phạm tội đồng như trên. Xét trong Luật Tỳ Kheo Ni : “Cô Ni cũng đồng phạm”.

Không phạm là gì ? Hoặc mình để dưới đất, hoặc sai người đem cho, hoặc mình cho cha mẹ, hay người làm công ăn tiền, hoặc họ dùng sức mạnh giết.

Phụ vấn : Căn Bản Luật nói : “Hoặc vì nhân duyên họ muốn ăn, trừ người ác kiến, cho cũng không phạm”.

Thập Tụng Luật nói : “Hoặc ngoại đạo có bệnh, hoặc người ngoại đạo có bà con, hoặc đi tìm mình xuất gia, có cho cũng không phạm”.

Nếu cơm mình chưa thọ, không nên lấy cho người, trước làm phép thọ rồi sau sẽ cho, hoặc cho cha mẹ, hoặc cho người bị trời giam, cho người cần ăn gấp, hay người mang bào thai, phải chính quan sát nhiều ít mà cho, loài súc sinh thì cho chừng một miếng.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu người ngoại đạo đến xin, thì nên lấy phần cơm của mình chừng một vắt, riêng để một chỗ, bảo họ tự lấy, không nên lấy cơm của chúng Tăng mà cho”.

Hoặc có trẻ em xin, chó xin, chim xin, nên lượng phần cơm của mình nhiều ít truat ra một phần, vậy sau lấy phần bột mà cho kẻ xin kia. Không nên lấy ngoài phần mà cho.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : “Tỳ Kheo là người thọ thí, mà lại đem cho người khác, thì không đúng pháp, vì bị của đó mà phải sa đọa”. Đọa cũng có hai món : 1/ Cơm của người thí, tu hành không đúng pháp, phóng tâm buông lung, không nhớ một việc lành. 2/ Người cúng cho mình, mình cho lại người khác, cho không đúng pháp. Nhân hai việc này sẽ đọa trong ba đường”.

Nên cho là : hoặc là cha mẹ nghèo khổ, trước phải dạy cha mẹ thọ Tam quy ngũ giới, tu Thập thiện, vậy sau mới cho. Nếu cha mẹ không nghèo, đâu có thọ Tam quy ngũ giới cho cũng không trúng. Lại có chỗ được cho : hoặc người sửa tháp, hay người sửa phòng chúng Tăng, tính công nhọc nhằn của người kia, mà trả giá làm.

Nếu cho quá phần bị của đó mà sa đọa, cho người bệnh ăn phải dấy lòng từ, tùy người cần chi nên cho. Hoặc lầm lạc cho ăn, bị của cho đó mà sa đọa. Con nít, người bị tù rạc, người bị hư thai, phải dấy lòng từ mà cho, đừng có trông người trở lại trả ơn, phải vì Phật pháp, đừng làm trở ngại, tâm bình

đăng cho như vậy mới đúng phép. Nếu không vậy thì bị của đó sẽ sa đọa.

Đến chùa xin, nếu họ có lương, không nên cho, nếu không lương thực, cho đó không tội. Nếu Tỳ Kheo **không ngồi thiền, không tụng kinh, không làm việc Tam Bảo**, mà thọ người thí thì bị của thí đó mà phải sa đọa. Hoặc biết ông kia không ba nghiệp này, mà vẫn thí lại cho ông, thì người thọ thí và người nãi thí, cả hai đều bị đọa.

Kinh Hiền Ngu nói : “Ngài Mục Liên và Tỳ Kheo hiệu Phước Tăng dắt nhau đi biển, thấy một cây đại thọ có nhiều trùng vây quanh thân cây, cho đến nhánh lá không có một chỗ nào là không cắn, và có tiếng kêu to rền rĩ, như tiếng ở dưới địa ngục”.

Ông Phước Tăng hỏi ngài Mục Liên : “Tiếng gì mà kêu vang rền trong cây vậy ?”... Ngài Mục Liên thuật lại rằng : “Đây là một vị Tỳ Kheo làm việc cho chúng Tăng, lấy vật và bông trái của thường trụ mà ăn dùng, lớp thì đưa cho người bạch y, chịu quả báo này, sau đọa trong địa ngục làm thân cây, còn các loài trùng cắn, tức là người lãnh được vật đó”.

Bà Sa Luận nói : “Nếu có người con hiếu, vai công cha mẹ trải qua trăm năm, tứ sự cúng dường, cũng chẳng phải chân thật trả ơn !”. Nếu có người hay khuyên cha mẹ đối với Phật, Pháp, Tăng và nhận rõ nhân quả các pháp, nếu cha mẹ chưa tin, làm cho cha mẹ phải tin, cha mẹ tin rồi, làm cho cha mẹ lòng tin thêm lên.

Nếu cha mẹ chưa thọ tịnh giới, phải khuyên cha mẹ thọ trì tịnh giới, nếu cha mẹ có tham, sên, phải khuyên cha mẹ bố thí, và cha mẹ không tu thắng huệ, phải khuyên cha mẹ tu thắng huệ, được an trụ nơi pháp lành, để cha mẹ tự được điều hòa nơi thân tâm, đó mới gọi là chân thật trả ơn cha mẹ vậy.

Giới thứ bốn mươi hai

CẤM ĐẾN NHÀ NGƯỜI KHÁC KHÔNG DẶN CHO HAY

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo thọ thỉnh trước rồi, giờ ăn trước, giờ ăn sau, đến nhà khác, không dẶn các Tỳ Kheo hay, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác, thời khác đó là : thời bệnh, thời thí y, thời may y, đó gọi là thời khác.

CHÚ GIẢI : Phạt nự tại nước Xá Vệ, bấy giờ trong thành có ông Trưởng giả là người thân hữu của ông Bạt Nan Đà. vì cố ông Bạt Nan Đà nên thiết cơm trai đãi chúng Tăng, đợi ông Bạt Nan Đà đến mới dọn cơm cho chúng Tăng ăn mà ông Bạt Nan Đà khi ăn buổi mai rồi, bèn đi nhà khác, khi đợi chờ, muốn gần quá ngộ, ông mới trở lại, nên các Tỳ Kheo ăn không được no.

Lại có một ông quan Đại thần nữa, cũng vì ông Bạt Nan Đà dâng quả cam tươi đến chùa, nhưng còn đợi ông Bạt Nan Đà đến chia cho chúng Tăng, mà ông Bạt Nan Đà sau khi thọ trai rồi, đi đến nhà khác quá giờ ngộ mới về, làm chúng Tăng không ăn được trái tươi, Phạt nhân hai việc này bèn kiết giới cấm.

Bấy giờ các Tỷ Kheo đều sợ không dám vào thành thọ thỉnh, Phật dạy : “Căn dặn nhau rồi sẽ vào thành”; khi đó có Tỷ Kheo mang bệnh, sợ không dám vào thành, vì sợ phạm tội ăn sau, bèn đến nhà khác, Phật mở cho : “Tỷ Kheo có bệnh khi đi khỏi dặn trước, cũng được vào thành”. Khi đó các Tỷ Kheo đến thời may y, phải làm cho đủ và kịp đến thời dâng y, đều không dám vào thành, Phật mới ghi thêm câu : “Trừ thời khác không dặn trước cũng không phạm”.

Thỉnh : Là thí chủ mời.

Ăn trước : Là thời ăn lót lòng buổi sáng cho đến giờ ngọ.

Ăn sau : Là thời ngọ thực cho đến nửa ngọ sau.

Đi đến : Nguyên chữ Hán : “Nghệ”.

Nhà khác : Tức chẳng phải nhà thỉnh ăn trước.

Không căn dặn : Là không nói lại, không dặn trước, không thưa với Tỷ Kheo đồng chung một giới, đồng được thọ thỉnh.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc dặn : Tôi đi đến làng, mà nửa đường trở về, tức là mất lời dặn trước, sau muốn đi nữa, phải dặn lại, hoặc đi không trúng chỗ dặn, lại đến nhà khác, cũng mất lời dặn trước. Muốn đi nữa, cũng phải dặn lại. Hoặc dặn tôi đến nhà bạch y, mà lại đến nhà kho lẫm, hoặc làng xóm, hoặc biên phòng, hoặc

chùa cô Ni, hoặc đến nhà bạch y thừa rồi về liền, cũng mất lời dặn trước, phải dặn lại rồi đi, nếu không dặn, đi vào nhà khác, phạm tội Đọa. Nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, phương tiện muốn đi, mà không đi đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc dặn : tôi đi đến kho lẫm, làng, xóm, biên phòng, chùa cô Ni, hoặc xóm nhiều nhà thỉnh, hoặc họ vì thế lực nắm kéo, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, mà không kịp thưa gửi.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Hoặc thưa nói : “Tôi đi đến nhà phía Đông, lại đi đến nhà phía Tây, như vậy không thành thưa. Hoặc thưa đi đến một nhà, nhân đó đi đến nhà khác không phạm”. Nếu không có Tỳ Kheo thưa được, cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : Hoặc dặn thí chủ : “Tôi đâu không đến, tôi cũng phái chúng Tăng đi, đừng cho bỏ phế, hoặc thí chủ không tin ông này làm đầu đọc trong chúng, bỏ ông cũng không tội”.

Giới thứ bốn mươi ba

CẤM CƯỖNG NGỒI YÊN TRONG NHÀ ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ở trong nhà ăn có bấu, cưỡng ngồi yên, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có tên Trai Ưu bà di, diện mạo đoan chính, ông chồng rất yêu kính, chưa từng rời được nhau. Khi đó ông Ca Lưu Đà Di, đến ngôi tại nhà kia, người chồng hỏi rằng : “Ngài muốn cần những gì ?”. Đáp rằng :

“Muốn ăn”. Ông kia liền sai vợ dâng cơm cho ăn. Ca Lưu Đà Di ăn rồi cũng cố không đi, người chồng nổi giận nói : “Thôi tôi đi, tùy ý ngài ở đó muốn làm gì thì làm”. Các Tỳ Kheo hay được đem việc này đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Nhà ăn : Nam lấy nữ làm ăn, nữ lấy nam làm ăn. Nghĩa là : khi nam nữ giao hội lẫn nhau thọ dùng, nên gọi là ăn.

Nhà : Là nhà Cư sĩ vậy.

Báu : Có 7 món báu, xét ý trong đây, cũng lấy tâm nam nữ có muốn nhau gọi là báu vậy.

Cưỡng ngòi yên : Nghĩa là : Người không cho mà tính mình buông lung nên gọi là cưỡng hay cưỡng. – Thả thân tới ngòi li gọi là ngòi yên. Nghĩa là : Tỳ Kheo biết nam nữ kia có ý muốn hành dâm, giờ đó phải giao hội, cố cưỡng ngòi yên, để ngăn việc làm của người kia, cho họ hành dâm không được tự ý, nên làm cho họ sán hận vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Biết nhà ăn đó có báu cưỡng ngòi yên, phạm tội Đọa. Hoặc đui mà không điếc, hoặc điếc mà không đui, đứng chớ không ngòi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm tội đồng như trước.

Không phạm là sao ? Hoặc ngòi ngoài cửa, hoặc có ông bạn, hoặc có người khách, hoặc bị thế lực cầm lại v.v...

Phụ vấn : Tát Bà Đa Luận nói : “Hoặc đó là nhà đoạn dâm, hoặc nhà có thọ Bát quan trai giới,

hoặc có người ngồi trên tòa họ tôn trọng, tức như vị Hòa Thượng, hay là thầy A Xà Lê, cha mẹ, hoặc nhà đó có nhiều người ở. mình vào chỗ đó thì không phạm”.

Giới thứ bốn mươi bốn

CẤM TRONG NHÀ ĂN NGỒI CHỖ KHUẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trong nhà ăn có sáu ngòì chỗ khuất phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Khi đó ông Ca Lưu Đà Di nghĩ rằng : Đức Thế Tôn chế giới cấm, trong nhà ăn có sáu không nên ngòì. Lúc đó ông liền vói tay khép cánh cửa lại, ngòì sau cánh cửa, cùng người Ưu bà di nói chuyện. Phật hay biết liền kết giới cấm.

Chỗ khuất : Nghĩa là dưới gốc cây, vách tường, hàng rào, và các vật che ngăn. Giới trước nói người nữ có chồng, Tỳ Kheo ở chỗ trống cương ngòì. Giới này nói riêng cùng người nữ ngòì chỗ khuất. Đây là khác tướng, còn bao nhiêu thầy đồng như giới trước.

Giới thứ bốn mươi lăm

CẤM NGỒI RIÊNG VỚI NGƯỜI NỮ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ngòì riêng với người nữ nơi đất trống, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Riêng : Là một người nữ, và một thầy Tỳ Kheo vậy.

Người nữ : Tức là người đàn bà mạng căn còn sống.

Chỗ đất trống : Chẳng phải chỗ che kín vậy.

Ngồi : Đồng ngồi một chỗ. Trong giới đây có phạm không phạm, cũng đồng như giới trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu ngồi cách nhau một tầm, phạm tội Đọa, ngồi cách nhau một tầm rưỡi phạm Ác tác. Hoặc ngồi cách nhau hai tầm tay hay hơn hai tầm, thì không phạm”.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc ngồi chung với người nữ phi nhân, hoặc người nữ Bán trạch ca (*tức là người huyện môn*), chưa phải cảnh hành dâm được, hoặc người nữ mà điếc, câm và điên v.v... ngồi chỗ khuất, đều phạm Ác tác”.

Có chỗ giải rằng : Một tầm là tám thước (8m00)

Giới thứ bốn mươi sáu

CẤM CỐ TRÁC CHO ÔNG KIA KHÔNG ĐƯỢC ĂN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo nói với Tỳ Kheo khác rằng : “Đại đức ! Đi với tôi đến xóm kia, tôi sẽ bảo cho Đại đức ăn”. Rồi cuộc Tỳ Kheo kia không bảo cho Tỳ Kheo này ăn, lại nói rằng : “Đại đức hãy đi đi, tôi với ngài ở một chỗ, ngồi chung, nói chung không vui, tôi ngồi riêng nói riêng vui hơn”, vì nhân duyên như vậy không phải chi khác. Phương tiện đuổi đi cho đối chơi, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà cùng với một Tỳ Kheo khác gây kinh với

nhau, rồi kết thù hận trong tâm, sau khi đi đến chỗ không thấy có ai cúng, rảo bước khắp cùng, còn chút nữa là đến giờ ngọ bèn nghĩ rằng : Bây giờ ra khỏi thành kia, đi đến chùa chắc quá giờ ngọ, ông Bạt Nan Đà nói với ông kia rằng : “Nay cũng tại nơi ông mà làm cho tôi không được ăn, ông phải mau mau đi đi, cho đến tôi ngồi riêng nói riêng vui hơn”, rồi ông bèn đi đến nhà có ăn mà ăn.

Tỳ Kheo kia trở về chùa, thì giờ ngọ đã quá, ăn không được nữa, ông rất khổ sở, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Sẽ cho ông ăn : Nghĩa là : Cố ý muốn làm ngạt ông kia nên nói gạt như thế.

Ăn : Là thời ăn ngọ.

Ông đi đi : Là lời xua đuổi. Hoặc ngồi hoặc nói không vui. Nghĩa là : Đôi lần xua đuổi, cho ông kia sinh tâm buồn khổ.

Ngồi : Là ngồi thiền, ngồi suy nghĩ.

Nói : Là đọc tụng.

Nhân duyên như thế, chẳng phải chi khác ?

Nghĩa là : Cũng chính do sự phiền trách, và làm cho ông kia tuyệt ăn, đặng ông sinh rồi nã chơi, chớ không phải về việc lợi ích chi khác, mà đuổi ông kia.

Phương tiện đuổi đi ? Nghĩa là : Mượn cơ ngồi chung nói chung không vui v.v... Tìm cách để đuổi ông kia đi chỗ khác.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc phương tiện đuổi đi khỏi chỗ thấy nghe, đều phạm tội Đọa. Hoặc ông kia hay mình, đi khỏi chỗ thấy mà còn nghe, hoặc khỏi chỗ nghe mà còn thấy, đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cho ăn rồi bảo đi, hoặc bệnh, hoặc không có oai nghi, người thấy không ưa đó, nói rằng : Ông đi đi, tôi sẽ đưa cơm đến trong chùa cho ông, hoặc ông đó phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc bị trong chúng cử tội, hoặc bị tấn, hoặc đáng tấn, hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, phương tiện bảo đi, chớ không phải do vì cố ghét giận mà đuổi đi vậy.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu làm nào bốn chúng kia phạm Ác tác. Cô Ni làm nào hai chúng trước phạm tội Đọa. Làm nào ba chúng sau phạm Ác tác”.

Giới thứ bốn mươi bảy
CẤM THỌ THUỐC QUÁ THỜI HẠN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo thọ thỉnh cho thuốc 4 tháng, Tỳ Kheo không bệnh nên thọ, nếu thọ quá, phạm Ba Dật Đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh nữa, thỉnh chia, thỉnh trọn đời.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, vườn Ni Câu Luật. Khi ấy có ông Cư sĩ tên Ma Ha Nam, thuộc về dòng họ Thích, cúng thuốc cho chúng Tăng. Phái Lục quần Tỳ Kheo cùng nhau nói rằng : “Ông Ma Ha Nam cúng thuốc cho chúng Tăng, nhưng chỉ cung kính hàng Thượng Tọa, nên thí cho các ngài

thuốc tốt còn đối với bọn tôi, tâm không cung kính, nên cho thuốc xấu, chúng tôi sẽ đến nhà ông xin thuốc quý nhất”. Nghĩ như vậy rồi, liền đi đến xin.

Ông Cư sĩ trả lời rằng : Nếu trong nhà tôi có, sẽ đem cho, nhưng bằng không có thì sẽ ra chợ mua hộ quý ngài. Bọn Lục quần bèn trách thí chủ kia có tâm ái, và dùng lời nói dối gạt làm cho thí chủ kia nhân đó không còn hộ thuốc cho chúng Tăng, Phật vì thế liền cấm. Sau vì có duyên cố nhiều người thỉnh, nên Phật mở thêm câu : “Trừ thường thỉnh v.v...”.

Bốn tháng : Nghĩa là : 4 tháng mùa hạ, đây là Phật căn cứ duyên thỉnh phải thời mà kết giới. Xét đúng lý phải tùy theo nhà thí chủ thỉnh, hoặc mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, hoặc ba tháng hai tháng không nhất định, nhưng không được quá kỳ hạn mà còn xin.

Bệnh : Là thầy thuốc dạy phải uống thuốc vậy.

Phải thọ : Phật đã hứa cho đó vậy.

Thọ quá : Là quá thời hạn mà còn xin nữa.

Thường thỉnh : Nghĩa là : nhà thí chủ kia nói như vậy : Tôi xin hộ thuốc cho ngài luôn luôn, hễ có bệnh thì đến tôi.

Thỉnh nữa : Là thời hạn đã hết, sau tiếp thỉnh cho nữa.

Thỉnh chia : Là thí chủ đem thuốc đến chùa, chia cho chúng Tăng.

Thỉnh trọn đời : Là thí chủ nói : Tôi xin hộ thuốc cho ngài trọn đời.

Thỉnh có 4 cách : 1.- Hoặc có chỗ thỉnh, có thời hạn đêm, không thời hạn thuốc. 2.- Hoặc có thời hạn đêm, có thời hạn thuốc, nhằm thọ 4 tháng hạ. 3.- Hoặc có chỗ thỉnh, không thời hạn đêm, mà có thời hạn thuốc. 4.- Hoặc không thời hạn đêm, mà thuốc cũng không thời hạn. Nên tùy theo thời mà thọ.

Chỗ nói đêm đó, do ngày gồm đêm, nếu phần đêm kia chưa quá cũng chưa phải vượt thời hạn vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu thọ quá hạn lượng ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là như thế nào ? Thọ trong thời hạn đó mà thôi, nếu ông có bệnh thọ quá thì không phạm.

Phụ vấn : Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc kỳ hạn mãn rồi, không được xin nữa”, hoặc thí chủ nói : “Tôn giả thọ tôi cúng thời trước, thì mình không nên xin đồ ăn thời sau, hoặc thí chủ thỉnh ăn thời sau, không nên xin ăn thời trước, thuốc và các vật cũng vậy, hoặc thí chủ nói : “Tôn giả trọn đời thọ tôi thỉnh dâng y, cơm, ngọa cụ và thuốc thang, thế thì mình được tự ý xin”.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu người thí thuốc cho chúng Tăng, nên bạch nhị Yết Ma sai một Tỷ Kheo đầy đủ 5 đức, làm người giữ thuốc cho chúng Tăng : 1.- Không thương, 2.- Không giận. 3.- Không sợ.

4.- Không si. 5.- Biết món nào là thuốc, món nào không phải là thuốc”.

Ông kia nên lấy đồ mới đựng hột Hạ tử, hột Cam tử, hột Ti hê lặc, hột Tất bạc, thữ cang cương, đường và đường phèn, chai không chảy nên đựng sữa, dầu, mật nên lấy da bịt miệng, trên miệng chai đề tên thuốc. Hoặc Tỳ Kheo có bệnh cần dùng thì hoan hỷ cho uống, hoặc ông bệnh đó biết dùng thuốc này phải tự lấy mà uống. Nếu ông không biết, phải hỏi thầy thuốc, nếu không thầy thuốc thì phải hỏi hai thầy (*bạc nhị sư*) : Bạch Đại đức tôi bệnh như vậy, nên uống thuốc gì ?...

Hoặc hai thầy không biết, nên lấy một thữ uống thữ hai ba lần như vậy không hết bệnh thì lấy thữ thuốc khác mà uống.

Giới thứ bốn mươi tám **CẤM XEM COI QUÂN TRẬN**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đến xem coi quân trận, phạm Ba Dật Đề, trừ khi có nhân duyên.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Khi ấy vua Ba Tư Nặc, lãnh 6 đội binh đi đánh kẻ phản tặc, phái Lục quân đến xem, vua thấy vậy không vui, vua bèn lập kế, gói gửi đường phèn và bảo quý thầy về dâng đức Thế Tôn. Phật nhân đó quở trách rồi liền kiết giới cấm.

Sau ông Tiên Thọ và ông Túc Cự hai quan đại thần ở trong đám binh trông mong muốn thấy Tỳ Kheo, nên phái người về thỉnh, các thầy Tỳ Kheo

đều sợ vào trong quân trận mà phạm lỗi, nên không dám đi. Phật bèn ghi thêm câu : “Trừ khi có nhân duyên đi không phạm”.

Quân : Có 4 thứ : tượng quân, mã quân, xa quân và lục quân.

Trận : Hoặc diễn binh, hoặc đánh giặc.

Khi có nhân duyên : Hoặc khi có người bạch, hoặc có người thỉnh mời cho đi.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình đi xem quân trận, từ đường này đến đường khác. Từ đường ngay đến đường queo, từ đường queo đến đường ngay, từ chỗ xuống dốc đến chỗ lên dốc, từ chỗ trên cao đến chỗ dưới thấp đi thấy đó, phạm tội Đọa. Không thấy phạm Ác tác. Muốn xem mà không đi hoặc đi đường gập mà không tránh, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng sau phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Nếu người dùng thế lực dắt đi hoặc các đường hiểm trở, không thể lánh đi đường khác được.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc quân lính đi đến chùa, không để tâm xem thì không tội”. Hoặc mình để tâm xem, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nhấn đến người ta cãi lẫn nhau xem coi phạm Diệt Tỳ Ni.

Căn Bản Luật nói : “Nếu thấy người đánh lộn, không nên đứng bên xem, hoặc thấy người tranh luận phải mau bỏ đi hoặc khi thấy quân lính, không nên nói tốt xấu”.

Giới thứ bốn mươi chín
CẤM Ở TRONG QUÂN TRẬN QUÁ BA ĐÊM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo có nhân duyên, cho đến trong quân trận ngủ hai ba đêm, nếu quá phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngủ chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần có nhân duyên, đến ngủ trong quân trận, các Cư sĩ chê cười. Phật vì thế mà kết giới cấm.

Có nhân duyên ? Là có vua, quan, hàng thứ dân mời thỉnh, hoặc vì việc Tam Bảo phải đến thưa.

Trong quân trận ? Là chỗ quân lính đóng, để ra trận.

Ngủ hai ba đêm ? Tức là hạn định ngủ nghỉ.

Quá : Là vượt quá hạn định thời mắc tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Hoặc có nhân duyên trong quân trận, được ngủ hai đêm thôi, hễ ngủ đến đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc, phải đi xa chỗ thấy, nghe, nếu không đi để cho mặt trời mọc, thì phạm tội Đọa. Nếu đi đến chỗ không nghe còn thấy, hoặc đến chỗ không thấy mà còn nghe, phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Có các nạn ngăn trở.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : “Tuy có nhân duyên, hoặc còn phái người đem thư cho họ được thì cứ sai người đem thư, hay cần yếu mình phải đi, vậy

sau mình mới được đi, sự rồi phải trở về liền, không được trái cách đêm, hoặc công việc chưa xong, mà phải ngủ một đêm nữa. Một đêm nữa mà cũng chưa xong, phải hai đêm cũng chưa xong, phải ba đêm, ba đêm rồi, hoặc xong hay chưa xong, quá đêm thứ ba, phạm tội Đọa. Hoặc đến mà công việc xong liền, thì cũng không nên ngủ, nếu ở lại mà ngủ, thì phạm Ác tác.

Giới thứ năm mươi **CẤM XEM SỨC LỰC QUÂN TRẬN**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ngủ hai ba đêm trong quân trận hoặc xem quân trận đấu chiến, hoặc xem thế lực voi, ngựa, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Ông kia có nhân duyên ngủ trong quân trận, xem thế lực quân trận đấu chiến rủi bị tên xạ nhằm. Phật vì đó liền kết giới cấm.

Quân ? Có 4 thứ như trước đã giải. Hoặc có binh của vua, binh của giặc, binh cư sĩ v.v...

Trận ? Đứng sắp hàng rập trận, hoặc trận vuông, hoặc trận tròn, hoặc trận hình bán nguyệt, hoặc trận của ông Trương Chân, hoặc trận quan Thừa tướng.

Đấu chiến : Hoặc hai bên đánh nhau đá nhau, hoặc chém hoặc chơi hay thật.

Du quân : Là quân sắp hàng năm, chỉnh tề tiến bước rập ràng.

Thế lực : Là sức mạnh cỡi voi, sức mạnh cỡi ngựa, sức mạnh của xe cộ, sức mạnh của quân lính đi bộ.

Trong đó có phạm không phạm, đều đồng như giới trước. Ngũ Phần Luật nói : Nếu coi chim và thú cắn lộn, phạm Đột Kiết La.

BỘ TỬ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH (HẾT QUYỂN TÁM)

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN CHÍN

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tân,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ năm mươi một CẤM UỐNG RƯỢU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo uống rượu phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Chi Đà, khi đó ông Tôn giả Ta Đà Đà, đến ngủ nhờ nhà ông Biện Phát thuộc về dòng Phạm chí, ông hiện thân thông biến hóa để hàng phục con độc long. Vua nước Câu Thiểm Di thấy đó sinh tâm tín kính. Ngài lại vì vua nói pháp cho vua nghe, vua bèn hoan hỷ. Ân cần đôi ba phen thưa : “Ngài muốn cần dùng món chi tôi xin dâng cúng ?”.

Tôn giả suy nghĩ, thì bọn Lục quân hươt nói rằng: “Tỳ Kheo có 6 món dễ tìm, chỉ có một món khó tìm, Bệ hạ cúng đó. Vua hỏi : “Món chi lại khó tìm ?...”

Bọn Lục quân trả lời : “Có món Hắc tửu khó tìm”. Kế đó ngày sau vua sắm đủ các thứ đồ ăn ngon ngọt được cúng dường, có cả món Hắc tửu.

Khi đó Tôn giả ăn uống no say rồi, đi đến giữa đường bị rượu thấm say nằm dưới đất, ói mửa đầy

đường. Ông A Nan bạch Phật, Phật nói : “Ông nay đến hàng phục con rắn nhỏ còn không được thấy, huống chi hàng phục con rồng lớn !”.

Phàm người uống rượu có 10 tội lỗi :

1/ Nhan sắc xấu xa. 2/ Sức lực yếu ớt. 3/ Mắt xem không rõ. 4/ Hiện tướng sân hận. 5/ Phế bỏ ruộng nương việc sinh sống . 6/ Sinh nhiều tật bệnh. 7/ Hay gây gỗ đánh lộn. 8/ Danh tốt mất hết, ác danh đồn khắp. 9/ Trí tuệ lần lần giảm bớt. 10/ Thân hoại mạng chung, đọa trong ba đường ác.

Từ này sắp về sau, các ông muốn nương theo ta làm thầy nhần đến không nên lấy cọng cỏ nhúng rượu để vào môi, nói như vậy rồi Phật liền kiết giới cấm.

Uống : Là nuốt vào cuống họng.

Rượu : Là dùng gạo hay nếp v.v... rải men vô ủ, đặt thành rượu. Hoặc có thứ rượu đặt nhiều món, như là bông trái, ngô sen, mía, đường, mật v.v... gia thêm chút ít gạo nếp đặt thành rượu, khi uống nó làm say con người, nên gọi là rượu vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc rượu, rượu nấu rồi, rượu mới chan, mấy thứ rượu này, hoặc ăn uống phạm tội Đọa. Hoặc rượu có để chất ngọt, rượu có để chất chua, ăn men và ăn hèm rượu, đều phải tội Ác tác. Rượu, tửng rượu và nghi, và tửng không phải rượu và nghi, đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Hoặc có bệnh, mà các thứ thuốc trị không lành, phải dùng rượu để trợ thuốc, hoặc xúc ghê.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Phàm làm rượu màu, hoặc rượu thơm, rượu vị, hoặc thiếu một, hoặc thiếu hai, có thể làm say người, đều phạm tội Đọa”. Còn không say người, phạm Ác tác. Hoặc uống nước cơm rượu bằng bông trái, hay làm say người cũng phạm Ác tác.

Nếu rượu bị sắc nấu uống không say người không phạm.

Hoặc rượu biến thành giấm, uống không say người, lóng trong thấy mặt, nhỏ vô chút nước làm tỉnh, lấy bàn lược, lược đó đồng với thứ nước phi thời, tùy ý nên uống.

Phật nói : “Các ông muốn nương theo ta làm thầy và đi xuất gia thì không nên uống rượu, cũng không nên trao cho người khác uống, không chứa trữ, cho đến không lấy đọt tranh, chấm rượu để vào miệng”.

Thiện Kiến Luật nói : “Hoặc lấy rượu nấu cơm, nấu thuốc, cố làm chất rượu thơm, phạm Ác tác. Rượu không chất thơm và không say người được ăn”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Ăn men phạm tội, lấy men rải trên cỏ, lấy rượu rưới lên nệm nằm sau khô rồi đem đi hòa với nước uống, làm cho người say vậy, ăn các thứ men khác không say không phạm

Giới thứ năm mươi hai CẤM GIỖN TRONG NƯỚC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo giỗn chơi trong nước, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Thập thất quần Tỷ Kheo giỡn trong nước ở dưới sông. Vua Ba Tư Nặc cùng Hoàng hậu phu nhân, ở trên lầu nhìn thấy, phu nhân sai người đến thưa hỏi đức Thế Tôn. Phật do vì nhân duyên đó liền kết giới cấm.

Giỡn trong nước : Là buông lòng tự do làm việc trửng giỡn phi pháp.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Từ bờ bên này, đến bờ bên kia chơi giỡn, hoặc lội ngược hay bơi xuôi, hoặc lặn ở đây trôi lên đằng kia, hoặc lấy tay rẽ nước, hoặc tát nước lẫn nhau, cho đến lấy bát múc nước dổi bóng lên trời, đều phạm tội Đọa.

Nếu nước lạt tương, hay nước rượu bấp, lấy bát múc dổi lên chơi, đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc lội ngang qua sông, hoặc lội kéo tre cây dưới nước, hoặc lội lượm cát đá, hoặc mất đồ đạc lội dưới nước mà kiếm, hoặc muốn học lội để cho biết phòng có sự bất trắc.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Nếu lấy nước tát bóng qua người kia tùy tạt ít nhiều, đều phạm tội Đọa”.

Thập Tụng nói : “Lấy nước vễ trên bàn, hay là trên giường ngồi, phải Ác tác”.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu lay thuyền giỡn nước phạm Ác tác”.

Ngũ Phần Luật nói : “Đánh tuyết, hay là đánh mù sương trên ngọn cỏ đều phạm Ác tác”.

Giới thứ năm mươi ba
CẤM LẤY TAY THỌT LÉC NHAU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy tay thọt lét nhau, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, lúc đó có một ông trong phái Lục quần thọt lét một ông trong phái Thập thất quần, cười đến mất thở chết luôn, chư Tỳ Kheo bạch Phật, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Lấy tay thọt lét nhau ? Đây thuộc về thân nghiệp, nghĩa là : lấy ngón tay moi quấu ông kia, cho ê nhột khó chịu, mà tức cười.

Ngón ? Là một trong mười ngón của hai bàn.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc lấy đủ mười ngón tay thọt lét nhau, đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy gậy, hoặc lấy cây gài cửa, lấy cán phủ phất và lấy tất cả vật khác, thọt lét nhau, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc ngủ gục đụng cho thức, và tất cả lỡ đụng nhau.

Ngũ Phần Luật nói : “Thọt lét ông Sa Di, nhấn đến loài súc sinh đều phạm tội Ác tác”.

Giới thứ năm mươi bốn
CẤM KHÔNG NGHE LỜI CAN GIÁN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo không nghe lời can gián, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự ở nước Câu Thiểm Tỳ, bọn ông Xiển Đà muốn phạm giới. Các Tỳ Kheo can gián mà không nghe theo, vì thế mà Phật liền kiết giới cấm.

Không nghe lời can gián ? Nghĩa là các Tỳ Kheo đem lời chân chính khuyên can, dạy bảo, mà ông không nhận lãnh.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc ông kia ngăn rằng : đừng làm như vậy, không nên như vậy, song ông vẫn cố làm, thì phạm Đột Kiết La. Hoặc ông tự biết chỗ làm là quấy, song cứ làm, thì phạm tội Đọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc người vô trí đến can, hoặc nói lời giỡn cợt, hay nói lầm v.v...

Giới thứ năm mươi lăm CẤM DỌA NHÁT NGƯỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dọa nhất Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Ba La Lê Tỳ, đi kinh hành ban đêm, ông Long Hộ Tỳ Kheo làm người thị giả; phép thường của chư Phật khi đi kinh hành, người cúng dường đứng đầu đường đi kinh hành, khi đó đầu đêm đã qua rồi, ông bèn thỉnh Phật về phòng, đức Thế Tôn làm thỉnh, giữa đêm và sau đêm đã qua, mà cũng còn đi như vậy.

Ông thị giả kia tự tâm nghĩ rằng : Ta bây giờ dọa nhất đức Thế Tôn, cho ngài về phòng, nghĩ như

thế rồi, ông lấy áo da thú mặc vào, giả làm thú, tiếng kêu nghe sợ sệt. Đức Thế Tôn sáng ngày nhóm chúng, quở trách ông kia rồi liền kết giới cấm.

Đọa nhất : Nghĩa là : làm đủ cách hình trạng đáng ghê sợ, dộng dọa nhất người, là ý nói : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sắc : Nghĩa là : làm hình voi, ngựa, chim, thú, yêu quái v.v...

Thanh : Là tiếng ốc, tiếng trống, tiếng voi, tiếng ngựa v.v...

Hương : Là mùi, nghĩa là : mùi rễ thơm, da thơm, bông, lá, trái, các thứ hơi thơm và những hơi hôi v.v...

Vị : Là : chất chua, cay, ngọt, đắng, chát, mặn v.v...

Xúc : Là : đụng vật lạnh, nóng, mềm, cứng, trơn, rít v.v...

Pháp : Nghĩa là : nói với ông kia rằng : Tôi nằm chiêm bao thấy ông chết, thấy ông mất y bát, thấy ông thôi tu, Thầy của ông cũng thế, thấy cha mẹ ông bệnh nặng, hoặc chết, đem những chuyện như vậy mà dọa nhất.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc lấy sắc v.v... mà dọa nhất người khác, người kia thấy, nghe, biết, sợ hay không sợ đều phạm tội Đọa. Người kia không thấy, nghe, biết, phạm Ác tác. Nếu nói rõ ràng, phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là như thế nào ? Hoặc lấy hình sắc v.v...; chỉ vẽ người hiểu không cố ý dọa nhát, hoặc có sự thật như vậy, hoặc thấy tướng như vậy, hoặc thấy trong chiêm bao, hoặc thấy sẽ chết, hoặc thấy thôi tu, hoặc thấy mất y bát, cho đến thấy cha mẹ đau nặng sẽ chết nên nói với ông kia rằng : Tôi thấy ông có sự biến tướng như thế, cho đến nói lầm v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Làm những hình dạng và tiếng kêu đáng ghét v.v... cho người sinh tâm sợ rầu, thì phạm tội Đọa”. Hay làm hình dạng và tiếng nói thương yêu v.v... cho người sinh tâm lo buồn, phạm Ác tác. Hoặc đối với người thọ học và những người khác làm cho họ kinh hoảng, phạm Ác tác. Hoặc nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tâm tưởng giáo hóa để dắt dẫn họ tuy có sợ mà không phạm.

Giới thứ năm mươi sáu CẤM TẮM RỬA QUÁ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo nửa tháng tắm một lần, Tỳ Kheo không bệnh phải giữ, không được quá, phạm Ba Dật Đề. Trừ khi khác, khi khác là : khi nóng nực, khi bệnh, khi làm việc, khi gió mưa, khi đi đường, đó gọi là khi khác.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá trong vườn Trúc Lâm, vua Bình Sa Vương cho các Tỳ Kheo tắm trong ao vua. Phái Lục quần thời sau đêm vào ao tắm rửa, vua và cung phi thế nữ muốn đến ao tắm, nghe tiếng bọn Lục quần, vua bèn lặng yên đợi. Bọn Lục quần lấy bột thuốc thoa cho nhau, tắm

rửa lẫn nhau, cho đến trời sáng, vua tắm không được bèn trở về, quan đại thần chê trách. Phật nghe thế liền kiết giới cấm.

Sau đó vì nhân duyên nóng nực v.v... nên Phật mở thêm câu : trừ khi khác...

Nửa tháng tắm rửa : Nghĩa là : cho thời hạn 15 ngày, tắm một lần. Tỳ Kheo không bệnh nên giữ.

Không được quá : Nghĩa là : Y giáo phụng hành không được trái bỏ.

Trừ khi khác : Là khi nóng nực v.v... tắm thì không phạm.

Khi nóng : Tức là mùa xuân 45 ngày và tháng đầu mùa hạ, chính là khi nóng nực. Mùa xuân 45 ngày, nghĩa là : mùa xuân còn một tháng rưỡi nữa, nên làm an cư, tức là ngày mùng 1 tháng 3 đến ngày rằm tháng 4. Một tháng đầu mùa hạ, nghĩa là nhập hạ một tháng tức là ngày 16 tháng 4 đến ngày rằm tháng 5. Trong hai tháng rưỡi này gọi là thời rất nóng nực.

Thời bệnh : Là cho đến thân thể ốm gầy.

Khi làm : Cho đến quét nhà, hay quét đất.

Khi mưa gió : Nhấn đến một luồng gió phát qua, một giọt mưa rơi ướt mình.

Khi đi đường : Cho đến nửa do tuần, hoặc đi hoặc về.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Trừ khi khác, nếu xối một lần hết cả chân, hay là

xối nửa thân, đều phạm tội Đọa. Hoặc phương tiện muốn tắm mà chưa đi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Hoặc bị thế lực lôi kéo bắt tắm.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu không gặp các khi như trên, thì phải làm phép tắm như lò gốm tắm. Nghĩa là : trước lấy nước rửa hai bắp vế rửa lần đến hai gót chân, sau gội đầu, rửa mặt, rửa sau lưng, rửa hai cánh chỏ, hai bên hông và nách”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Bên nước Thiên Trúc sớm mai trời nóng nên gọi Thiên Trúc nhiệt thời. Như thế tùy theo xứ khi nóng sớm mai, khi nóng chiều, lấy hạn trong hai tháng rưỡi mà tắm thì không phạm”.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc có phương xứ, đất phân nhiều nắng nóng cũng tùy ý cho tắm. Hoặc khi tắm rửa, không nên mượn người bất tín, hay người mới tín, vào trong nhà tắm. Hoặc khi tắm rửa, cần phải tâm tưởng chân chính”.

Tôi nay muốn rửa sạch bụi trần cấu nhơ ở trong đời này, tưởng như thế vậy sau mới tắm, không nên cởi trần mà tắm, nên sắm chần tắm, dài 4 cánh chỏ, bề rộng một cánh chỏ rưỡi. Khi sắp muốn tắm, phải xem nước kia không có loài trùng mới tắm. Nếu không có chần tắm, phải lấy lá cây kết lại che thân, ở chỗ khuất mà tắm.

Hoặc khi tắm dưới sông hay là trong ao rồi, phải phương tiện lấy hai tay căng cái chần ra đứng

cho dính lại, lần lần lên khỏi nước, đừng cho dính trùng, có khi phải mang thứ trùng nhỏ đi lên, khi lên rồi lấy khăn lau cho hết nước, vậy sau mới đắp y phục vô. Như lời dạy trên đây, không làm theo lời đó, đều phạm Ác tác.

Giới thứ năm mươi bảy CẤM NHÚM LỬA GIỮA ĐẤT TRỐNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo không bệnh, tự nhúm lửa giữa đất trống mà hơ mình, hoặc dạy người nhúm, phạm Ba Dật Đề. Trừ có nhân duyên.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng dã, phái Lục quần ở trong hàng Thượng Tọa, không được tự do nói năng, bèn ra ngoài phòng đến chỗ đất trống, hốt cỏ khô đến gốc cây đại thọ nhúm lửa, khi đó trong bông cây có con rắn độc, bị khói lửa bức ngạt, từ trong bông cây bò ra. Bọn Lục quần sợ hoảng hốt, ôm lửa củi tung vãi văng lửa cháy nhà giảng đường của Phật, nhân vì đó mà Phật liền kết giới cấm.

Sau đó có Tỳ Kheo lâm bệnh, ông nuôi bệnh nấu đồ ăn, hoặc nấu tại nhà trừ, hay nấu trong thất ẩm, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y, hoặc đốt đèn, hoặc đốt nhang v.v... cho nên Phật mở thêm câu : “Trừ có nhân duyên thì không phạm”.

Không bệnh : Là thân không có bệnh chi mà phải hơ lửa.

Tự mình hơ lửa : Chẳng phải hơ cho người khác.

Đất trống : Là ngoài phòng, một chỗ đất không che kín thấy. Phạt căn cứ đương lúc phạm duyên đó mà chế giới cấm.

Nếu không có nhân duyên, thì không cho nhúm lửa, vì đốt lửa hơ có 5 việc lỗi : 1/ Làm cho mất nhan sắc của người. 2/ Mất sức lực. 3/ Làm cho mắt mờ vì chảy nước mắt. 4/ Nhiều người xúm nhau làm ồn. 5/ Hay nói việc thế tục.

Nhúm lửa : Là lấy cỏ khô, cây và củi v.v... mà đốt cho cháy.

Dạy người nhúm : Chẳng phải mình nhúm mà dạy cho người khác nhúm cũng phạm Bốn tội.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc lấy cỏ, cây, nhánh, lá, phân trâu, rác rến, tấm cám v.v... cả thấy đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy lửa để trên cỏ, cây nhằm đến tấm cám, cũng phạm tội Đọa. Hoặc lấy mấy thứ đó, đã cháy phân nửa quãng trong lửa, hay là quãng trong tro than, cũng phạm Ác tác. Hoặc không nói với tịnh nhân rằng : Ông biết đó xem đó, thì phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Khi có nhân duyên.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu cầm được đi đường, muốn giụi tàn nó, không nên giụi chỗ đất chưa hầm, phải giụi ở trong tro hoặc trên đất chín, hoặc tàn được tự rơi xuống đất, liền đập giũ trên đó không tội. Hoặc đốt tóc hay lông ngựa v.v... hoặc đốt da, bánh và thuốc độc, cũng phạm tội Diệt Tỳ Ni”.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc tóc, lông, móng tay, xương, đàm dãi, máu mủ v.v... để trong lửa, cũng phạm Ác tác”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu đi đường lạnh nhiều, đốt lửa hơi không phạm”.

Giới thứ năm mươi tám **CẤM GIẤU ĐỒ CỦA NGƯỜI KHÁC**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo giấu y, bát, tọa cụ, ống kim của Tỳ Kheo khác, mình giấu hoặc dạy người giấu, cho đến giỡn chơi, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ thiết cơm trai thỉnh chúng Tăng. Phái Thập thất quân Tỳ Kheo, đem y bát tọa cụ v.v.. để một bên đi kinh hành chậm rãi đợi đến giờ cơm. Bọn Lục quân rình ông kia đi kinh hành xoay mặt tới trước, lên lấy y bát ông kia giấu cất.

Đến giờ ngộ trai, tìm kiếm mà không được. Bọn Lục quân tới trước giấu cột, các Tỳ Kheo xét biết bọn Lục quân giấu mới đến bạch Phật. Phật nhân đó kiết giới cấm.

Giấu ? Tức là cất kín.

Y ? Là ba y và các y khác nữa.

Bát ? Có hai thứ : bát bằng sắt và sành để lường thức ăn vậy.

Tọa cụ ? Là cái đồ để lót khi ngồi nằm vậy.

Ống kim ? Là vật để đựng kim chỉ, trong sáu vật này để giúp Tỳ Kheo hộ thân vậy.

Nhẫn đến giỡn cợt : Hoặc cố giấu cho ông kia buồn tức chơi hoặc giấu cho ông thất công tìm kiếm cười chơi, đều phạm tội.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Cố làm cho ông kia buồn hoặc vì giỡn cợt mà giấu cũng đều phạm tội Đọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là như thế nào ? Tương thể đồng nhau mà lấy cất giùm, sợ mưa gió lọt màu, hoặc tính ông kia lơ đãng, để sáu món tràn lan, nên lấy giấu để răn dạy ông, hoặc ông kia mượn y ông khác đắp, rồi không khâu cất, sợ mất nên lấy cất, hoặc do vật này mà có mạng nạn phạm hạnh nạn, nên lấy cất:

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Chính các vật đó, hàng Sa môn nên chứa, nếu giấu thì phạm tội Đọa. Còn vật không nên chứa mà giấu phạm Ác tác. hoặc vật phạm Xả đọa, và ba y bất tịnh thí, hoặc y thiếu cỡ (*lượng*) hay là vật của người thọ học, vật của ngoại đạo Bà La Môn v.v... đem giấu cất phạm Ác tác”.

Ngũ Phần Luật nói : “Giấu vật của bốn chúng kia, cho đến vật của súc sinh, phạm Ác tác. Cô Ni giấu vật của hai chúng trước, phạm tội Đọa, giấu vật ba chúng sau, phạm Ác tác”.

Giới thứ năm mươi chín CẤM LẤY Y TỊNH THÍ ĐẮP

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo đã cho y cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, sau không hỏi chủ lấy lại đắp phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, bọn Lục quần chân thật thí y cho Tỳ Kheo khác rồi, sau không nói cho chủ hay, lấy lại đắp, các Tỳ Kheo thấy thế chê trách, nên đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Cho ? Là thí cho người kia rồi.

Thức Xoa Ma Na ? Trung Hoa dịch là : Học pháp nữ : nghĩa là ở trong hai năm học sáu pháp và các oai nghi của các Tỳ Kheo Ni. Con gái có chồng rồi được nhân duyên xuất gia, trong 10 năm, cho hai năm học sáu pháp, đủ 12 năm truyền cho thọ cụ túc giới, nếu con gái đồng nữ 18 tuổi cho học sáu pháp, đủ 20 tuổi truyền cho thọ giới cụ túc.

Sao gọi là sáu pháp ? 1/ Nhiễm tâm dụng chạm. 2/ Trộm của người bốn tiền. 3/ Đoạn mạng súc sinh. 4/ Tiểu vọng ngữ. 5/ Ăn phi thời. 6/ Uống rượu. Nếu phạm sáu pháp này, phải thọ giới lại, nếu phạm tội Căn bản, thì phải đuổi ra.

Sa Di ? Trung Hoa dịch là : Cầu tịch, nghĩa là: cùng được chứng quả Niết bàn tới chỗ viên tịch vậy.

Ni ? Là nữ

Y ? Là mười món y đồng giải như trước.

Không cho chủ hay lấy đắp ? Nghĩa là : đem thí cho ông kia rồi, sau lại không hỏi mượn, mà lấy đại mặc đắp.

Chỗ nói cho đó ? Là y đã làm phép tịnh thí rồi vậy.

Tịnh thí có hai cách : Một là : chân thật tịnh thí nghĩa là : chân thật thí cho ông kia, phải nói : Thưa Đại đức, một lòng thương tưởng, tôi có cái y dư đây, chưa làm phép tịnh, nay làm tịnh vậy, xá cho Đại đức là chân thật tịnh thí. Hai là: triển chuyển tịnh thí, nghĩa là : đối với ông kia làm phép, vậy sau chưa dùng, phải cầm y đối trước một vị Tỳ Kheo thưa rằng : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, đây là cái y dư của tôi, chưa làm phép tịnh, nay vì làm phép tịnh, thí cho Đại đức để lần lượt tịnh vậy.

Ông bị thọ phép tịnh kia nói : Trưởng lão lóng nghe, ngài có y dư như vậy, chưa làm phép tịnh, nay làm phép tịnh cho tôi, tôi nay thọ lãnh.

Thọ rồi phải hỏi : Ngài muốn cho ai ?...

Ông kia đáp : Cho Tỳ Kheo pháp danh... Ông thọ tịnh nói : Trưởng lão ngài có cái y dư đây, chưa làm phép tịnh, nay làm tịnh, thí cho tôi, nay tôi thọ lãnh cho lại Tỳ Kheo... Như vậy y này là vật sở hữu của Tỳ Kheo... ông Tỳ Kheo... lãnh để giữ gìn tùy ý dùng (bát dư và thuốc dư, cũng đồng làm phép tịnh như văn này).

Nếu chân thật thí rồi, thí phải hỏi lại chủ, vậy sau mới được lấy đắp mặc. Còn triển chuyển tịnh thí, thì hỏi hay không hỏi, tùy ý lấy đắp mặc.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu y vật rất nhiều, phải nói tên mỗi thứ, hoặc muốn nói chung, phải buộc chùm dính lại, vậy sau mới thưa”.

Thế thức phạm tội trong đây là thế nào ?
Nếu thật chân thí y cho ông kia rồi, không thưa cho

chủ hay, mà lấy đáp, phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chung sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cứ theo như trên, nên biết.

Phụ văn : Triển chuyển thí : tức là cầm y đối với ông kia làm phép tịnh. Bản Tân dịch, tên mỗi mỗi thứ, khi làm phép tịnh rồi, lâu mau tùy ý chữa đó, tức là không phải thật thí cho ông kia vậy. Nói thí cho ông (*mô giáp*) tức là tùy ý lấy tay chỉ nói tên ông thân hữu Tỳ Kheo, song không cần phải nói cho ông biết.

Căn bản Yết Ma nói : “Phải đối trước hai thầy, tức là vị Hòa Thượng và A Xà Lê, và các bậc tôn túc mà nói gửi, phải cầm vật đó đối trước các Tỳ Kheo nói như vậy : Cự thọ nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo... có cái y dư đây, chưa làm đúng như pháp, tôi nay đối trước Cự thọ, mà làm phép cho rành rẽ, phải cầu ông thân giáo sư làm phép nói gửi : tôi nay giữ cái y này (*nói ba lần*).

Lời chú giải : Trong đây chỉ nói, đối với hai thầy mà làm phép nói gửi, ý nói cái y đó của hai thầy, tiêu biểu xa lia được sự nhiễm đấm, khỏi tội lỗi thuộc về mình. Song cũng không cần thỉnh làm ông thí chủ. Trong Luật dạy lấy tay chỉ với mà thôi, không cần phải nói cho ông kia biết, ông kia dầu ở ngoài biển đi nữa, miễn thân ông còn sống, lấy tay xa chỉ nói gửi, cũng không lỗi. Ông kia nếu chết, tay xa chỉ chỗ khác, cũng được. Phạm nói rằng : Nói gửi, là chỉ rõ ông kia là người được giao phó vậy.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu Tỳ Kheo ở riêng có y dư, phải làm phép tịnh thí xa tay chỉ. Hoặc trong ba y cần dùng, có thay đổi, phải đắp y bìa vai bên hữu, bỏ guốc quỳ gối, hai tay cầm y, tâm tưởng miệng nói : Cái y của tôi (*mấy điều*) nay xin xả (*nói ba lần*)”.

Vậy sau mới được thọ y dư, cũng làm đúng như oai nghi trước, tâm tưởng miệng nói : Cái y của tôi (*mấy điều*) nay tôi xin thọ (*nói ba lần*)”.

Cái y xả đây cũng phải làm phép tịnh thí, đủ oai nghi như trước, tâm tưởng miệng nói : Y dư tôi đây, nay tịnh thí cho ông (*mỗ giáp...*) Rồi theo ông kia lấy dùng, nếu không cần đổi, thọ đó, cái y dư đây phải liền làm phép như trước mà tịnh thí.

Phép tịnh thí riêng, đến ngày thứ hai, cũng phải đủ oai nghi như trước, tâm tưởng miệng nói: Y dư tôi đây, theo ông mỗ giáp... xin lại, được đến ngày thứ 10, cũng làm phép tịnh thí như trước. Nếu đối với người tịnh thí, nên làm phép triển chuyển tịnh thí.

Tát Bà Đa Luận nói : “96 phái ngoại đạo, không có phép tịnh thí, Phật vì lòng đại từ bi phương tiện gắng sức dạy cho phép tịnh thí. Khiến các đệ tử được chứa y và của dư mà không phạm giới. Hỏi rằng : Vì sao đức Phật không cho ngay các đệ tử được chứa của dư, mà cương kiết giới nói làm phương tiện như vậy ? Đáp rằng : Phật pháp lấy thiếu dục tri túc làm căn bản, cho nên kiết giới, không cho chứa của cải dư nhiều, nhưng vì chúng sinh căn tính không đồng, hoặc có chúng sinh chất

chứa dành để, đặt sau khi hành đạo mới chứng được quả thánh cho nên đức Như Lai trước vì kiết giới cấm, nhưng rồi sau đấy mới phương tiện mở cho. Đặt đối với Phật pháp khỏi ngăn ngại và chúng sinh cũng được lợi ích. Pháp tịnh thí : Như tiền bạc hay tất cả vật báu, phải trước tìm một ông tịnh nhân biết pháp nói ý cho hiểu : Nói cái phép của Tỳ Kheo tôi không được chứa tiền bạc và vật báu, nay đây do người đàn việt đưa đến, ông nên vì tôi làm ông chủ tịnh thí, sau tôi có được tiền bạc vật báu thì gửi hết cho người đàn việt, vì được ông chủ tịnh rồi, sau được tiền bạc vật báu, đem đến một vị Tỳ Kheo nói tức là tịnh, không cần nói tên ông chủ tịnh, vì có nói ông chủ tịnh rồi, thì tùy chứa bao nhiêu lâu cũng được.

Nếu ông chủ tịnh chết, hoặc đi đến nước khác, phải cầu ông chủ tịnh khác nữa, trừ tiền và vật báu ra, còn bao nhiêu tất cả đồ dư, đều phải đối với năm chúng mà làm phép tịnh.

Phải cầu ông trì giới đa văn có đức, làm ông chủ tịnh, sau đầu được vật, đối một thầy Tỳ Kheo, nói tên ông chủ tịnh, mà làm phép thuyết tịnh.

Nếu ông chủ tịnh chết, hoặc ông đi đến nước khác, phải cầu ông chủ tịnh nữa. Trừ tất cả người có tội, người đui, người điếc, người câm, người bệnh lãng tâm v.v...

Phàm có ông chủ tịnh thí, muốn cho món thanh tịnh, nên ông làm phép chứng minh vậy, khỏi sinh tâm đấu tranh. Những người không làm như thế, thì không đúng pháp.

Giới thứ sáu mươi một
CẤM Y MỚI KHÔNG NHUỘM CHO HOẠI SẮC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo được y mới, phải nhuộm ba màu cho hoại sắc, trong mỗi màu tùy ý làm cho hoại sắc : hoặc xanh, đen, mộc lan. Nếu không nhuộm cho hoại sắc, mặc bao nhiêu y mới phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần mặc y sắc trắng đi, các ông Cư sĩ thấy chê cười, nhân đó Phật liền kết giới cấm.

Y mới : Là y mới may, hoặc y cũ mà họ mới cho, cũng gọi là y mới (*hay họ cho cái y nhuộm rồi đúng như pháp, xét đúng lý thì không phạm, song phải điểm tịnh rồi mới mặc*).

Phải nhuộm ba màu cho hoại sắc : Là nhuộm màu xanh, đen, mộc lan.

Trong mỗi màu tùy ý nhuộm cho hoại sắc : Nghĩa là trong ba màu tùy ý nhuộm một màu cho hoại sắc.

Xanh : tức là không phải xanh đậm, hay rờng một thứ xanh.

Đen : Nghĩa nhuộm bùn, song cũng không phải cho nhuộm rờng đen hay là nhuộm bùn đen đậm giống y kẻ ngoại đạo mặc. Phải trộn với đất đỏ, đá đỏ và vỏ cây.

Mộc lan : Tức là tên cây cũng gọi là rừng lan, vỏ cây kia nhuộm y có màu đỏ.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Được cái y mới, không nhuộm ba màu đó mà mặc, thì phạm

tội Đọa. Hoặc được cái y dày, y mỏng và túi đựng bát, túi đựng giày dép, túi đựng chỉ kim, dây đai buộc lưng, mũ đội, bí tất, khăn v.v... không làm phép tịnh mà chữa, đều phạm Ác tác. Nếu đem y chưa nhuộm mà gửi nhà bạch y, cũng phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Không trái lời cấm trước. Nếu được y phai màu thì phải nhuộm lại.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : “Nếu được cái y màu xanh, phải thêm hai màu làm tịnh, một là : bùn đen, hai là : đỏ dợt. Hoặc được có y màu đen, cũng phải thêm hai món cho tịnh, một là màu xanh, hai là màu vàng đỏ. Nếu được cái y màu vàng, y đỏ, y trắng, phải lấy ba món như trên mà làm cho tịnh”.

Luật Nhiếp nói : “Cho đến cái khăn lau bát, khăn lau chân, dây đựng bát, dây buộc lưng v.v... đều phải nhuộm cho hoại sắc, và điểm tịnh xong rồi mới chữa”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Trừ ba y ra, còn bao nhiêu y khác chỉ điểm ba dấu cho tịnh rồi mặc không tội. Hoặc các thứ đồ không thật xanh, hoặc xanh lợt, hay là trắng hầy điểm tịnh, như cái quần lót và áo lá, không lộ ra ngoài thì được mặc. Hoặc áo mà lộ bên ngoài cũng không được mặc. Hoặc áo màu đỏ, màu vàng, màu trắng, cũng đừng cho chính sắc, trừ ra như giày guốc, còn bao nhiêu tất cả y, ngoại cụ v.v... đều phải điểm ba dấu cho tịnh rồi mới mặc. Nếu chưa điểm mà mặc dùng đều phạm tội Đọa”.

Hoặc cái y màu sắc đúng như pháp, nhưng lấy nhuộm năm màu chính điểm tịnh rồi mặc, phạm tội

Ác tác. Trừ 5 sắc chính ra. hoặc có y thật vàng, hay vàng lợt, vàng màu uất kim, xanh đen, và tất cả màu xanh, cũng không nên mặc. Hoặc vàng, đỏ, trắng, tùy có điểm tịnh ba dấu, mặc cũng phạm Ác tác”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Khi làm tịnh rất lớn chừng bằng bốn ngón tay, rất nhỏ như hạt đậu, hoặc một điểm, ba điểm, năm điểm, bảy điểm, chín điểm, không được điểm giống hình cái bông”.

Hoặc khi giặt vải có bùn dính lên, chim dậm đập chân bùn ở trên đó cũng gọi là tịnh. Hoặc được vật, nhiều thứ mới cũ rách nát hiệp kết lại một chỗ, điểm tịnh một cái cũng được. Nếu để riêng mỗi cái thì phải điểm tịnh từ cái.

Hoặc y Tăng Già Lê mới may, điểm tịnh ở ngoài góc, may một miếng vải cũ bằng nửa điều, hay là bằng một điều, đó tức là tịnh. Hoặc y bạc hạ và tất cả y khác, nhãn đến một đường chỉ mới may cũng phải làm tịnh.

Có chỗ giải rằng : “Phạm được tất cả thứ vải nào không đúng pháp, phải dùng ba màu nhuộm làm tịnh. Hoặc được các thứ vải nào đúng như pháp, phải dùng ba màu có điểm tịnh”.

Xá lạc : Trung Hoa dịch áo nội y (áo lá) giống như cái quần xắn (quần lót).

Giới thứ sáu mươi một CẤM GIẾT LOÀI SÚC SINH

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo cố giết mạng loài súc sinh, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, ông Ca Lưu Đà Di không ưa thấy loài chim quạ, nên chẻ tre làm cung tên bắn. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Cố : Tức là không phải lầm hay ngộ sát.

Giết : Tức là đoạn dứt mạng căn, không cho nối nhau, hoặc tự đoạn hay dạy người đoạn, nhẫn đến lấy thuốc độc để trong đồ ăn giết v.v... tìm đủ cách giết, rộng giải như trong thiên ban đầu.

Súc sinh : Là thuận theo đời, thuận theo cõi mà nói, còn nói cho đúng là Bàng sinh, do vì hình nó đi lững ngang, đi lững xương sống trở lên trời, cho nên đi cũng ngang mà cũng không cần ai nuôi dưỡng, mà gọi là súc sinh.

Sở dĩ tất cả loài cầm thú cá trạnh, và loài quỳên phi, xuẩn động v.v... phạm có mạng sống phải vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc lấy tâm giết hại muốn cho loài súc sinh kia chết, phạm tội Đọa, hoặc dùng phương tiện muốn giết mà không nghe cũng phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Tất cả không có tâm giết hại hoặc giết lầm (*ngộ sát*) v.v...

Phụ văn : Ma Đắc Lặc Già Luận nói : “Muốn chặt dây sắn, chặt lằm con rắn, không phạm, muốn chặt con rắn mà chặt lằm dây sắn phạm Ác tác. Muốn giết con trùng này, mà giết lằm con trùng kia, muốn giết con trùng, mà chặt trật xuống đất, muốn lấy cây đề trùng, mà đề trật xuống đất, đều phạm Ác tác.

Có chỗ giải rằng : Nguyên trong giới, cái tính tội, giá tội cụ thể của nói “vô tác”, thể tính vô tác kia, từ khi thọ giới, bạch ba lần Yết Ma, tức là đắc giới.

Đắc thể tính này rồi, mặc dầu chỉ ác, mặc dầu hành thiện, không đợi gì tạo tác mới có, nên gọi là vô tác, vì thế nên đối một bên tất cả thánh phàm, được giới bất sát và đối một bên tất cả loài hữu tình, loài vô tình, được giới không trộm, nhân đến đối tất cả đất cát, được giới khỏi đào, đối với tất cả thảo mộc, được giới khỏi chặt.

Như vậy, hai trăm năm mươi giới pháp mỗi mỗi đều khắp cả pháp giới, giữ một giới thì phước sánh bằng hư không, huống nữa giữ giới luật hoàn toàn, thế cho nên người xuất gia, trì giới trong một ngày một đêm, công đức không thể cùng tột vậy.

Nói tính giới đó, gốc tính nếu thật là tội, thì không luận thọ giới hay không thọ giới, phạm đó tức là tính ác, trì đó tức là tính thiện, không do Phật chế, mới có lành dữ, cho nên đây cũng gọi là Cựu giới, tức là giới sẵn có nơi tâm.

Giá giới đó, gốc nó không phải là tội, nhưng phải chế giới, ngăn không cho làm phạm đó mắc tội, không thọ phạm không mắc tội, như cỏ như cây v.v... Người thế tục tức không cấm, chặt nhỏ thì không tội.

Tỳ Kheo được thọ giới này rồi, giới vô tác tự sinh, thì thời được phước, phá thì phạm tội ! Lại nữa, giá tội đây, đối với tất cả trên tính giới đều có,

sám thời giá tội hết nhưng tính tội vẫn còn. Như “chặt cây nhổ cỏ” và giết “súc sinh” đều thuộc về tội Đọa, sám tức là hai tội đều hết, nhưng cái tội thường mạng vẫn còn.

Cho nên tính tội, giá tội không đồng, riêng thuộc mỗi mỗi. Trong hai trăm năm mươi giới, thuộc về tính tội thì, như thiên ban đầu : tội tử khí, thiên thứ hai : tội đụng nhau, nói ác và tội vô căn chê bai v.v...; thiên thứ ba : cướp y, nói vọng, chê bai, hai lưỡi, nói khác, hiềm mắng, cưỡng đoạt chỗ ngủ nghỉ, kéo ra khỏi phòng, dùng hai thứ nước có trùng, sát sinh, cố nảo, che tội, quở trách, nói giới lụn vụn, ngồi chỗ khuất mà nghe nói chuyện, sân đánh Tỷ Kheo v.v... còn bao nhiêu phần nhiều thuộc trong giá tội lệ theo nghĩa đây, nên biết.

Minh Liễu Luận nói : “Phật sở dĩ chế giới có ba nguyên nhân : 1/ Tính tội. 2/ Chế tội. 3/ Hai tội, tính tội hoặc như thân, khẩu, ý bị thuộc ác nghiệp, hoặc do theo sự lầm lạc kiến hoặc tư hoặc, hay là hoặc đặng lưu cho nên phạm”. Lại nữa, trong đây, có lỗi phạm, vì cố ý không nhiếp tâm, nên nghiệp nhiễm ô tăng trưởng, sánh hai chỗ phạm đây, đều có tội tiếp tục nối nhau, nên gọi là tính tội.

Khác đây có ba nguyên nhân bị phạm : hoặc do cái giới không thể phân biệt, hoặc do thất niệm, ý phạm lỗi.

Trong đây nếu không lầm (*kiến tư hoặc*), hay cái lầm tiếp tục luôn luôn (*hoặc đặng lưu*), lại nữa không nghĩ tưởng, mỗi niệm tăng trưởng, đó gọi là

chế tội. Nếu đủ cả hai tướng, đây gọi : Chế, Tịch hai tội.

Nếu như người có thể biết lý, thì tự nhiên phân biệt nghĩa trong giới đây, người ấy đối với giới luật được rành rẽ, không cần nhìn mặt người kia khỏi phải đợi người kia bắt bẻ.

Giới thứ sáu mươi hai CẤM UỐNG DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết nước có trùng, dùng uống phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Lục quân xách nước có trùng uống dùng, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Biết : Hoặc mình xét biết, hay nhân người khác nói mà biết.

Nước : Các thứ nước, tức là nước sông, nước ao, giếng, suối, ngòi rạch, cho đến nước tương, giấm, sữa v.v...

Trùng : Hoặc ngó vào, hoặc lược mà thấy.

Uống dùng : Uống, thuộc về trong thân, dùng, thuộc về rửa ráy bên ngoài, nên đồng cấm như giới trước.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Biết đó là nước có trùng, hoặc nước tương, nước giấm v.v... có trùng mà uống dùng, phạm tội Đọa, cảnh tương đồng như trước, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Phật dạy : “May bàn lọc nước, giống hình cái gáo, hoặc may ba góc, hoặc làm cái bình lược, hoặc trùng nhỏ còn lọt qua, cho để cát trong bàn lược, lọc rồi trùng trong cát, đem đổ lại trong nước. Không nên đi nữa do tuần, mà không đem bàn lược nước theo, nếu không có bàn lược nước, nên lấy chéo y Tăng Già Lê mà lược”.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : “Nếu Tỳ Kheo không lấy lựa v.v... làm bàn lược, thì không nên đi đến làng khác, đến chùa khác, chừng ba Câu lô xá, hoặc đi đến chỗ kia, biết chỗ đó có sẵn, không đem theo thì không phạm, tức là biết chùa kia thường có nước tịnh, hoặc biết trước trong sông giếng đó không có trùng”.

Có 5 thứ mắt không xem được trước :

1/ Con mắt đau ghê. 2/ Con mắt lòa. 3/ Mắt cuồng loạn. 4/ Mắt bệnh già. 5/ Mắt thiên nhân (mắt trời) đối với con mắt người, sự không đồng cho nên không thể xem được.

Bao nhiêu thời gian mới xem một lần ?

Nghĩa là trong chừng sáu cỡ trâu kéo xe quay trở, độ chừng một giờ, hoặc tám định rồi, xem biết nước không trùng, dầu không lược uống cũng không phạm.

Không xem không lược đều không nên dùng, phải biết vật làm bàn lược có năm thứ :

1/- Là bàn lược vuông, nên dùng thứ lựa dày nhuyễn chừng hai thước, tùy lớn nhỏ.

2.- Phép lược bằng bình, cái bình có âm dương.

3.- Là lược bằng cái quân trì ca : chính là cái bình vậy, lấy lụa bịt miệng, lấy dây nhỏ buộc cổ, thả chìm trong nước, đợi đầy đem ra, nhưng phải xem xét, không trùng thì mới được thọ dùng.

4.- Là cái Chước thủy la, tức là cái bàn lược nước nhỏ.

5.- Là cái Y giác la, nên lấy lụa dày vuông vức chừng một gang tay, hoặc buộc miệng bình, hoặc để miệng chén, lược sẵn khi cần dùng, chẳng phải lấy chéo y Ca sa vậy.

Nếu đi ghe xuôi theo dòng nước chảy, chừng một giờ xem nước không trùng, xa chừng năm Câu lô xá, nếu sông không chảy chừng ba Câu lô xá, tuy không bàn lược nước đi cũng không phạm. Nếu sông chảy xuôi, mỗi giờ xem nước không trùng chừng một Câu lô xá, tùy ý uống dùng, song, ở trong đó, không được vào sông khác. Nếu nước không chảy, hay là dòng nước chảy nghịch, trong một giờ phải xem cỡ trong một tầm được dùng.

Có năm món nước tịnh : 1/ Tăng già tịnh. 2/ Riêng mỗi người tịnh. 3/ Lược rồi tịnh. 4/ Thùng và suối tịnh. 5/ Giếng nước tịnh. Nghĩa là giếng kia thường không có trùng, nếu biết người kia là người trì giới, giữ hộ sinh mạng, dầu không xem xét, uống dùng cũng không phạm.

Phàm khi xem nước, từ khi mặt trời mới mọc, nhẵn đến ngày mai khi mặt trời chưa sắp mọc trở lại, đều tùy thọ dùng. Nếu khi xem nước trùng nhỏ khó thấy, nên lấy cỏ vạch xem, đừng lấy tay vạch.

Khi mức nước xong, miệng lượ để trong chén, nếu gần sông ao, đem đến chỗ kia nghiêng úp xuống, khéo rớt trên đất khô, nên thả trong giếng, không nên treo bỏ, hay là lật bàn lược để trên miệng giếng làm cho trùng chết khô. Hoặ đến đỗi làm cho tổn hại loài trùng sống, phải làm đồ phóng sinh, nhẹ tay ngâm trong giếng miếng lượ đó phải giặt cho sạch, phơi nắng cho khô.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu trùng trong nước rất vi tế, thì không nên tới trong đó rửa tay, rửa mặt và đi đại tiểu hoặ người không đáng tin cậy không nên bảo lược nước. Tỳ Kheo chính phải tự lược nước mà dùng”.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói rằng : “Lược nước là lấy số trong sáu món của Tỳ Kheo, không nên không giữ, nếu đi đường 15 dặm không có bàn lược nước thì không nên đi”. Nếu biết chùa không bàn lược nước, thì không nên ăn uống, thà chết khát giữa đường đủ làm rửa gương (*phép tắc*) Thánh giáo của đức Như Lai, lấy sự tử bi làm gốc.

Sở dĩ Phật ra giới luật, tội có tính - giá. Giá : thuộc về sự nên phạm nhẹ. Tính : thuộc về lý, nên phạm nặng. Tính tội ở về bên trong, sát sinh là giới ban đầu, cho nên người trí phải nên giữ gìn.

Nếu lấy việc lược nước này cho là khinh, thì còn việc nào mới gọi là trọng ư ? !... Nếu có thể y theo lời Phật dạy vâng làm, thì hiện đời đây được quả báo trường thọ, đời sau sẽ sinh về tịnh độ. Nếu học thông ba tạng, nhập vào định tứ thiền, kèm tướng lý vô sinh, lóng tâm vào lý không mà nếu

không hộ mạng chúng sinh, và không y giáo phụng hành, rồi cũng chưa khỏi Phật quả trách.

Mười điều ác, điều ác ban đầu ai thế cho ta ? ... Vả như thấy ai dắt con dê vào chùa, chưa khỏi đôi ba miệng xúi thả, làm nhân trường sinh, chúng nhóm lại coi khảy móng tay khen tốt, đâu rõ biết trong phòng mình dùng nước có trùng, một ngày sát sinh hàng ngàn vạn, đã biết lý Phật dạy, thì đừng nên khinh dễ.

Phải chín chắn xem xét, lợi mình, lợi vật, khéo hộ khéo nghĩ, còn có ai dạy cày ruộng trồng tía, chỉ thấy việc lợi nhỏ, chớ không thấy việc hại to, dưới nước hay trên bờ, đều hại chúng sinh vô số các tội lỗi đây, muốn như thế nào, bấy giờ đành chịu bó tay, đến cửa huỳnh tuyền mặc dầu người phân xử.

Cho nên trong kinh nói : Những người sát sinh, sẽ đọa trong tam đồ, dầu được sinh lên làm người, chết yếu và nhiều bệnh. Than ôi !... khổ này ai thay thế cho ta, làm sao khỏi được ?...

May thay !... Tốt thay !... Khá gọi đức Thích Ca đối với chúng sinh đời mạt pháp đồng kết nhân lành thương xót, đức Di Lặc khi mới thành, đồng chứng quả vô sinh.

Giới thứ sáu mươi ba CẤM CỐ NÃO ÔNG KHÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố não Tỳ Kheo khác, cho đến trong chút lát không vui, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Thập thất quân, đến hỏi phái Lục quân rằng : Sao gọi là nhập sơ thiền nhãn đến nhập tứ thiền. Làm sao nhập vào lý không, vô tướng và vô nguyện. Và làm sao chứng được quả Dự lưu, nhãn đến quả vô sinh ?...

Phái Lục quân trả lời rằng : Như lời các ông đã nói thì khác nào mình xưng mình được pháp thượng nhân, phạm tội Ba La Di chẳng phải Tỳ Kheo.

Phái Thập thất quân bèn đến bạch với vị Thượng Tọa : Nếu hỏi như thế, bị phạm tội gì ?... Đáp rằng : Không phạm. Tức xét ông kia cùng bọn Thập thất quân, làm cho nghi nã, nên bạch Phật, Phật liền kết giới cấm.

Cố nã là gì ? Nghĩa là cố tâm làm cho ông kia nghi hối mà sinh tâm nã, hoặc khi sinh tâm nghi, rồi như hỏi ông kia rằng : Ông từ đâu sinh lại và được mấy ngày ?... Đáp : sinh hồi thuở nào không biết, bảo rằng : ông sinh hồi nào không biết, thì ông sinh cũng như người khác. Hoặc nghi niên lạp hỏi rằng : Ông được mấy lạp ?... Đáp : mấy lạp tôi cũng không biết. Hỏi : ông nói rằng mấy lạp ông cũng không biết, thì ông có khác nào người mới thọ giới, ông chưa biết ông có mấy lạp thì làm sao ông thọ đắc giới ?...

Hoặc vì thọ giới sinh nghi, hỏi rằng : Ông thọ giới tuổi chắc chưa đủ hai mươi, hay là ông ở trong giới làm việc riêng chúng ?... Hoặc làm phép Yết Ma sinh nghi, hỏi rằng : Ông khi thọ giới, phép bạch không thành, Yết Ma không thành phi pháp riêng

chúng phải vậy không ? Hoặc vì phạm sinh nghi, hỏi rằng : Ông chắc phạm Ba La Di, nhân đến ông phạm Đột Kiết La tội ác thuyết phải chăng ? Hoặc vì pháp sinh nghi. Bảo rằng : lời các ông chớ hỏi đây chắc thật phạm Ba La Di chẳng phải Tỳ Kheo vậy.

Trong chút lát không vui : Ba mươi tu du (*chút lát*) là một ngày một đêm, nghĩa là làm cho ông kia, nhân đến trong chút lát tâm không yên ổn.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc cố đem việc này làm nghi nã ông kia, nói rõ ràng, thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Sự kia có thật vậy, không cố tâm làm cho ông kia nghi nã, sợ sau rồi ăn năn, vì muốn lợi ích nên nói, nhân đến nói lầm v.v...

Luật Nhiếp nói : Nếu dấy tâm làm việc lợi ích, thuận theo luật Phật dạy, lấy lý mở dắt người, cũng đều không phạm.

Giới thứ sáu mươi bốn CẤM CHE TỘI THÔ ÔNG KIA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo khác có phạm tội thô mà che giấu, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà đôi ba phen có phạm tội, tới nói với thầy Tỳ Kheo thân hậu, rồi dặn bảo ông đừng nói với ai. Sau khi ông Bạt Nan Đà cùng với ông kia kinh lộn, ông kia bèn tới Tỳ Kheo khác khai tội ông Bạt Nan Đà, các Tỳ Kheo kia hỏi, biết ông kia sau

này bị kinh lộn nên mới nói, các Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết : Hoặc mình thấy biết, hoặc người khác nói cho biết.

Tỳ Kheo khác : Là người trong chúng Tăng thọ đại giới.

Thô tội là gì ? Là tội tứ khí và 13 tội Tăng tàng.

Che giấu : Là giữ kín tội lỗi, mà không nói ra vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Hoặc biết mà che giấu, trong thời tiểu thực đến thời ngộ thực mới nói, hoặc biết mà che giấu, trong thời ngộ thực đến đầu đêm mới nói, biết mà che giấu, trong thời đầu đêm đến giữa đêm mới nói, đều phạm Ác tác. Hoặc biết mà che giấu từ giữa đêm, để đến sau đêm, muốn nói mà chưa nói, để đến mặt trời mọc, phạm tội Đọa.

Nếu che giấu các tội khác, hoặc che giấu Thô tội của mình, hoặc che giấu Thô tội của ông Sa Di, đều phạm Ác tác. Thô tội tưởng Thô tội, phạm tội Đọa. Còn bao nhiêu phạm Ác tác, Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác. Hoặc cô Ni che giấu tội khí của cô kia, thì phạm tội Ba La Di.

Không phạm là gì ? Trước không biết ông đó có Thô tội hay là tưởng không Thô tội, hoặc không người tới nói được, hay là nói mà xảy ra mạng nạn, phạm hạnh nạn không nói không phạm.

Hoặc trong hàng Tỳ Kheo có 5 pháp nên cử tội người : 1/ Biết phải thời hay phi thời. 2/ Ông đó chân thật hay không chân thật. 3/ Ông đó có lợi ích hay tổn hại. 4/ Ông đó nhu nhuyễn hay thô cộc. 5/ Ông đó có từ tâm hay là sân nhuế.

Hoặc thân thể và oai nghi ổng không thanh tịnh, hay là nói năng cũng không thanh tịnh, nuôi mạng sống cũng không thanh tịnh, ít nghe và không hiểu kinh, hoặc ông đó ít nghe mà không tụng luật, biện nói không rành rẽ. Khác nào như con dê trắng, thật không đáng cách cử tội người. Hoặc các pháp ông được đầy đủ, nhưng cũng phải đúng thời, đúng pháp cử tội người.

Lại nữa, Tỳ Kheo phạm tội đây, có thương và cung kính ta, thì nên cử tội ông, hoặc ổng không thương, mà có kính, hay ổng không cung kính, mà có thương, cũng nên cử tội. Hoặc ổng không thương, không cung kính, mà có thể làm cho ổng bỏ điều dữ, vâng làm điều lành thì nên cử. Hoặc ông kia có tôn trọng các Tỳ Kheo, kính tin ham mộ, có thể bảo ổng bỏ ác làm lành, thì nên cử. Hoặc các việc trên mà ổng cũng không hết, thì chúng Tăng nên hủy bỏ không cử, để yên đó rồi đuổi đi, nói rằng : Trưởng lão, tùy ý ông muốn đi đâu thì đi. Chúng Tăng sẽ vì ông mà làm phép cử, làm phép nhớ tưởng, làm phép tự nói tội mà trị, ngăn việc xả tội, ngăn tụng giới, ngăn tự tử. Ví như anh thợ tập ngựa, ngựa dữ khó điều phục, thì phải tra cương, căng nọc hoặc đuổi bỏ. Tỳ Kheo như vậy, không nên trước theo

chúng Tăng cầu xin xá tội cho ổng, phải trị ổng bằng cách như thế.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : “Che giấu người phạm Thô tội có ba món : 1/ Che giấu cho người phạm tội tử khí, người phạm tội Tăng tàng, người phạm tội Đọa. 2/ Che giấu cho người phạm tội, làm cho thân Phật ra máu, người phá Tăng, người phạm tội Thâu Lan Giá. 3/ Che giấu cho phạm tội Đọa, người phạm tội Ác tác, do che giấu tội ác làm nhơ nhớp trong Phật pháp vậy”.

Thập Tụng Luật nói : “Thấy người phạm tội, tới người khác nói, Phật cấm, hoặc nghe hoặc nghĩ, không nên nói”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Khi muốn nói, không nên tới người khác nói, phải tới thầy Tỳ Kheo tốt nói, hoặc nói với bậc đồng Hòa Thượng, bậc đồng A Xà Lê”.

Hoặc Tỳ Kheo bị tội kia hung ác, hoặc ổng nương thế lực của vua và quan đại thần, hay là người hung dữ, hoặc họ khởi nhân duyên đến cướp mạng hại Tỳ Kheo phạm hạnh thì phải nghĩ như vậy :

Ông kia gây các nghiệp tội, tự chịu lấy quả báo, ta phải nên biết, dụ như người bị hỏa hoạn, thì phải tự cứu mình, đừng biết đến việc khác. Bấy giờ chúng Tăng phải hiệp nhau lại, để hộ lực căn mình cho thanh tịnh thì không phạm tội”.

Giới thứ sáu mươi lăm
CẤM NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ ĐẠI GIỚI

CHÍNH VĂN : Tuổi đủ 20 nên thọ đại giới, nếu Tỳ Kheo biết ông đó chưa đủ 20 mà cho thọ giới, ông đó không đắc giới. Tỳ Kheo kia cũng đáng quả trách, vì ông là người si, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, khi đó trong thành có phái Thập thất quần đồng tử, trước kết làm thân hữu, trong đó có ông lớn hơn hết 17 tuổi, ông nhỏ hơn hết 12 tuổi, đồng dất nhau đến chùa cầu xin xuất gia, các Tỳ Kheo độ cho thọ đại giới.

Khi ấy các ông đồng tử, từ bé đến giờ, đã quen rồi, không kham ăn một bữa, nửa đêm đói quá la khóc om sòm. Phật nghe tiếng biết, mà cố hỏi, ông A Nan đem đủ việc này bạch Phật. Phật liền kết giới cấm.

Tuổi đủ 20 : Nghĩa là bắt đầu từ năm mới sinh, đến năm thứ 20 vậy.

Nên thọ đại giới : Là ông đó tuổi đủ 20 rồi, kham thọ giới cụ túc vậy.

Cụ túc : Là thọ 250 giới, bèn được đầy đủ quả viên tịch Niết bàn, nên gọi là viên cụ, cũng gọi là cận viên, đều chính nghĩa gần gũi quả Niết bàn.

Biết ông đó tuổi chưa đủ 20 : Biết đây là Hòa Thượng hay là chúng Tăng tự biết, hoặc người thọ giới nói, hay các người khác nói biết. Vì ông đó tuổi thiếu 20, thì cái chí chưa bền vững, tính còn yếu ớt,

không thể hộ đủ các giới, và giữ đủ các oai nghi để tấn tu đạo nghiệp. Lại cũng không thể nhận chịu những lời nói ác, và ăn ngộ trung, các việc khổ đói khát, lạnh, nóng, hay là tính ông còn lao chao, người hay nhiều quả trách chê bai Phật pháp. Nếu ở về hàng Sa Di, thì người không chấp.

Cho thọ đại giới ? Cho : là chỉ ông năng truyền. Thọ : là chỉ ông bị thọ. Năng truyền : là thầy Hòa Thượng, thầy Yết Ma, thầy Giáo thọ, cùng các chúng Tăng. Bị thọ : tức là ông thọ giới cụ túc.

Ông này không đắc giới : Là ông bị thọ tuổi chưa đủ, chúng Tăng mặc dầu đúng như pháp có bạch tử Yết Ma rồi truyền, mà ông kia vẫn không thành tính Tỳ Kheo, nên gọi không phải cụ túc.

Đức Như Lai ngài thâm hiểu nghiệp tính của chúng sinh sai khác, chưa đủ 20 tuổi thì giới thể không tròn, nên Phật chế tuổi đủ 20 mới cho thọ đại giới. Phật là ngôi Pháp vương làm vua các pháp, nên các Phật tử tử mệnh Phật sinh, tử Pháp hóa sinh, nên phải y lời của Phật dạy, thì tính Tỳ Kheo đầy đủ, trái lời Phật dạy, thì giới pháp không thành.

Tỳ Kheo kia dặng quả trách : Là chẳng những ông thọ không đắc giới mà ông truyền cũng phạm tội.

Ông là người ngu si : Nghĩa là : Ông năng truyền là người vô trí tuệ không hiểu giới pháp, nên gọi là ngu si.

Phật nói : – Cho thầy Tỳ Kheo 10 hạ, có trí tuệ, truyền giới cụ túc cho người, cho người y chỉ, được làm ngôi Hòa Thượng, ngôi A Xà Lê.

Hòa Thượng : Từ khi thọ giới Sa Di, cho đến thọ giới cụ túc : bậc Hòa Thượng v.v... là người phần nhiều đã đủ 10 hạ. A Xà Lê có 5 bậc : 1/ Xuất gia A Xà Lê, tức là nương ông đó đặng đi xuất gia. 2/ Thọ giới A Xà Lê, khi thọ giới ổng làm phép Yết Ma. 3/ Giáo thọ A Xà Lê, nghĩa là truyền dạy oai nghi. 4/ Thọ kinh A Xà Lê, nghĩa là theo ông kia học kinh, hoặc ông nói nghĩa cho đến một bài kệ 4 câu. 5/ Y chỉ A Xà Lê, nhẫn đến nương với ổng một đêm. Bậc A Xà Lê này học giỏi, và đủ 5 hạ.

Năm hạng người như trên, đều đứng làm ngôi thầy, hay làm mô phạm cho người, nên gọi là quý phạm sư (*Hòa Thượng, Trung Hoa dịch là Thân giáo sư*).

Luật Nhiếp nói : “Đầy đủ 10 hạ mới đứng làm ngôi Thầy, lại nữa phải thành tựu năm pháp, nhẫn đến trì giới chính kiến, đa văn, phần mình và người đều lợi ích cả, oai nghi phép tắc không chỗ nào khuyết phạm, đủ đức như vậy, gọi là Thân giáo sư. Do kia nương gần hay dạy những pháp ra khỏi tam giới”.

Lại có 5 pháp không thành tựu, không được truyền giới cho người : 1/ Giới. 2/ Định. 3/ Huệ. 4/ Giải thoát. 5/ Giải thoát tri kiến. Lại nữa không thể dạy người bền giữ trong 5 pháp này.

Có 5 pháp thành tựu không được truyền giới cho người : 1/ Ông bất tín. 2/ Ông không biết hổ. 3/ Ông không biết thẹn. 4/ Ông ưa giải đãi. 5/ Ông có tính hay quên.

Lại có 5 pháp : 1/ Ông phá Tăng thượng giới. 2/ Phá chính kiến. 3/ Phá oai nghi. 4/ Thiếu đa văn. 5/ Không trí huệ.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không hay thăm bệnh đệ tử. 2/ Đệ tử không muốn ở chỗ đó, không phương tiện dời đi. 3/ Không hay đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy mà dứt nghi cho đệ tử. 4/ Không hay dạy xả ác kiến, mà trụ nơi thiện kiến. 5/ Thiếu 10 hạ.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không biết có phạm. 2/ Không phạm. 3/ Hoặc phạm nhẹ cho là nặng. 4/ Phạm nặng cho là nhẹ. 5/ Thiếu 10 hạ.

Lại có 5 pháp nữa: 1/ Ông đó không truyền dạy đệ tử tăng thượng oai nghi. 2/ Tăng thượng tịnh hạnh. 3/ Tăng thượng Ba La Đề Mộc Xoa. 4/ Không biết phép bạch. 5/ Không biết phép Yết Ma.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không biết tăng giới. 2/ Tăng thêm tâm. 3/ Tăng huệ. 4/ Không biết phép bạch. 5/ Không biết phép Yết Ma.

Nếu mỗi mỗi mà trái lại như trên, thì được cho người thọ giới cụ túc, được cho người y chỉ, được nuôi Sa Di, không được nuôi hai ông Sa Di.

Nếu có thể dạy giữ giới, dạy tăng tâm, tăng huệ, học hỏi phúng tụng thì cho nuôi, phải lấy hai việc giúp cho : Một là cho pháp. Nghĩa là dạy cho

Tăng giới, nhần đến phúng tụng: Hai là cho ăn mặc tức là y phục, phòng xá, ngọa cụ, thuốc thang, cho đến các món cần dùng, tùy sức mình sắm cho.

Nếu ổng không nương theo và cung kính, không thuận pháp làm đệ tử phải cho 5 việc quả trách, nên nói rằng : “Ông đi đi, đừng vào phòng tôi nữa, đừng làm người sai khiến của tôi, đừng đến chỗ tôi, tôi không nói chuyện với ông nữa”. Thầy A Xà Lê nói : “Ông cãi lời Phật dạy, thì ông đừng đến chỗ tôi”, nên nói : “Ông đừng y chỉ tôi”.

Có 5 việc Thầy nên quả trách đệ tử : 1/ Không biết hổ. 2/ Không biết thẹn. 3/ Không vâng lời dạy bảo. 4/ Làm sai oai nghi. 5/ Không biết cung kính.

Lại có 5 việc nữa : 1/ Ông không biết hổ. 2/ Ông không biết thẹn. 3/ Ông khó dạy bảo. 4/ Ông không ưa làm bạn với người lành. 5/ Ông ưa đến nhà dâm nữ. Lại ưa đến nhà đàn bà con gái, hoặc nhà có con gái lớn hoặc nhà của người huỳnh môn, cùng tịnh xá của cô Tỷ Kheo Ni, cô Thức Xoa, cô Sa Di Ni, hoặc ưa đến xem coi bắt rùa trạnh...

Ông có làm những việc như vậy, thì nên quả trách, không nên trọn đời và trong khi kiết hạ an cư, mà cứ quả trách rầy rà mãi mãi, cũng không nên quả trách người bệnh, không nên quả trách người không có mặt tại đó, và không chỉ rõ cái lỗi mà quả trách.

Khi quả trách rồi, không nên thọ cung cấp và sai khiến, không nên cho y chỉ, còn khi ổng bị quả

trách rồi, không người làm tương thuận (*tức là người trung gian*), để đến nỗi ông kia thôi tu, và không ưa Phật pháp, cho người khác làm ý thọ như vậy (*tức người an ủi như vậy*) :

Vì Hòa Thượng A Xà Lê kia muốn cho ông sám hối hòa hiệp; không nên dụ dỗ đem về làm đệ tử của mình, nếu dặt đi chỗ khác phải đúng như pháp mà trị.

Nếu Hòa Thượng A Xà Lê kia hoặc phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi hoặc bị cử tội, hoặc bị tấn, hoặc nên diệt tấn, ở trong pháp Sa môn không lợi ích, nên dấy ý như vậy :

Sở dĩ phải dụ dặt ông kia đi, là muốn cho ông ở trong pháp Sa môn được nhiều lợi ích. Hoặc ông đệ tử hết lòng tùy thuận không trái nghịch, cầu xin xả tội, ông thầy phải nhận cho.

Luật Nhiếp nói : Việc đáng quở mà không quở, việc không đáng quở mà quở, việc đáng giận mà không giận, việc không đáng giận mà giận, đều phạm Ác tác.

Nếu chúng Tăng muốn vì đệ tử phạm tội đó, làm phép Yết Ma, chỗ gọi là phép quở trách ông, làm phép tấn, làm y chỉ, làm phép ngăn, không cho ông đến nhà bạch y, làm phép cử bất kiến tội, làm phép cử bất sám hối, làm phép cử không xả ác kiến. Ông Hòa Thượng phải ở trong đó, toan liệu làm sao trả lời cho đúng như pháp, khiến chúng Tăng đừng làm phép Yết Ma cho ông đệ tử.

Hoặc chúng Tăng làm đúng pháp, phải dạy đệ tử thuận tùng theo chúng Tăng, không nên trái nghịch, cầu xin cho dứt tội, và khiến chúng Tăng mau mau giải pháp Yết Ma.

Nếu ông đệ tử tội tội Tăng tàng, ông thầy phải đúng như pháp toan liệu, hoặc đáng cho ở riêng, phải trị cho ổng những ngày phạm Bốn nhật, đáng cho phép ý hỉ phải cho phép ý hỉ, đáng cho phép xả tội phải cho phép xả tội, đều tùy nên cho đó, như trên luật dạy, phép ông Hòa Thượng, trước không y theo đây mà làm, thì mỗi mỗi đều phạm tội. Bao giờ Hòa Thượng đối với đệ tử, phải làm đúng phép Hòa Thượng, ông đệ tử đối với Hòa Thượng phải làm đúng phép đệ tử. Phật nói : “Đó là phép nên làm đệ tử”.

Nếu Hòa Thượng bị chúng Tăng làm phép Yết Ma v.v...; ông đệ tử ở trong đó phải toan liệu làm sao cho đúng như pháp, nhẫn đến khiến chúng Tăng mau mau giải pháp Yết Ma.

Ông Hòa Thượng phạm tội Tăng tàng, ông đệ tử phải toan liệu cho đúng như pháp, nhẫn đến làm phép xả tội cho thầy.

Hòa Thượng bệnh phải chăm nom thăm viếng, không muốn ở chỗ đó phải dời đi, nhẫn đến hai việc giúp hộ : a/ Không bạch Hòa Thượng hay không nên vào làng cùng vào nhà người khác. b/ Không được theo Tỳ Kheo khác, hoặc toan làm bạn với Tỳ Kheo khác.

Không được Hòa Thượng cho theo Tỳ Kheo kia, thời không nên làm đệ tử giúp đỡ các việc nữa, Tỳ Kheo kia không nên thọ ổng giúp đỡ các việc, cũng

không cho Tỳ Kheo kia cạo tóc ổng, cũng không cho ổng mượn Tỳ Kheo kia cạo, không cho ổng vào nhà tắm, không cho ổng kỳ lưng người khác, và không cho người khác kỳ lưng ổng, không cho ổng đi đến chỗ khác trọn ngày, không cho ổng ra ngoài giới, không cho ổng đi đến phương khác.

Căn Bản bộ nói : Chỉ trừ có 5 việc không bạch, được đi ra ngoài còn bao nhiêu mỗi mỗi đều phải bạch thầy : 1/ Lấy cây xỉa răng. 2/ Uống nước. 3/ Đi đại tiện. 4/ Đi tiểu tiện. 5/ Ở trong giới 49 tâm đi lễ tháp khởi thưa.

Sớm mai phải vào phòng Thầy học hỏi nghĩa kinh, phải đem bình tiểu tiện rửa bỏ, phải bạch Thầy giờ đến, lấy nước tháo đậu và nước tro tịnh rửa tay không ?... Hay là Thầy có cần ăn vật chi, và trong chúng Tăng có vật lợi dưỡng nên lấy làm cho Thầy ăn, phải trao nước tháo đậu và nhánh dương cho Thầy rửa tay và súc miệng, có vật nên ăn đem dâng cho Thầy. Trong chúng Tăng có vật lợi dưỡng, phải bạch cho Thầy hay rằng : được vật như vậy, nên chia cho Thầy một phần, và phải thưa rằng :

Hòa Thượng muốn vào làng chưa ?... Hoặc nói : Không vào, nên hỏi : Bạch Thầy tôi phải lấy cơm ở chỗ nào ?... Nên đúng như lời Thầy dạy đi lấy. Nếu Hòa Thượng nói : Đi vào làng...

Minh phải rửa tay rồi chậm rãi lấy y, đừng cho lộn đầu, lấy cái y An Đà Hội, trưng ra giữ coi có trùng độc núp ẩn, kể đó lấy dây lưng buộc cái Tăng kỳ chi (tức là cái chăn), kể nữa lấy cái y Uất Đa La Tăng, trưng ra phủ rũ, xem xét trao cho Hòa

Thượng. Nên xếp cái y Tăng Già Lê đắp lên vai, kế nữa lấy bát rửa để vô túi mang đi, phải lấy áo của Thầy xếp cất.

Lại lấy nước rửa chân, và lấy mền xếp cất, khi Thầy đi ra phải trao giày guốc đi đường, khi ra khỏi phòng phải ngoái lại đóng cửa lấy tay lắc chốt coi chắc không, nếu không chắc nên khóa hai lớp, khắp xem đôi bên cẩn thận, rồi đem chìa khóa giấu cất chỗ khác kín. Nếu sợ người khác thấy không chắc thì phải cầm theo, và mời Thầy đi trước.

Đi đường nếu gặp người quen, phải cùng nhau nói lời lành khéo tâm nhớ tưởng, khi đi phải tránh người bên đường. Nếu muốn vào làng phải lánh bên con đường nhỏ, để bát ở trước mặt, trưng cái y Tăng Già Lê ra xem coi, rồi mới trao cho Thầy.

Nếu ngoài làng có ông khách ngồi tiệm, mình hỏi thăm ông, rồi đem đồ hành đạo và giày guốc, gửi trong quán đó, phải hỏi Thầy : Con nên đi theo Thầy không ?... Nếu Thầy nói phải vậy thì nên đi theo. Nếu nói : không nên, ông phải ở đây, thì phải y lời Thầy dạy ở đó.

Nếu khi Thầy vào làng, thì phải dấy ý như vậy : Thầy vào làng khát thực, một phần cho Thầy, một phần thuộc về con, nếu Thầy ra khỏi làng rồi, lại lấy giày guốc.

Khi ở bên đường để bát xuống đất, xếp y Tăng Già Lê vắt lên vai. Nếu Thầy trụ ăn chỗ nào, phải quét cho sạch, trải tọa cụ, và sắm đủ bình nước tịnh, khạp nước tắm, thố đựng cơm dư, lại đặt cái

giường ngồi tắm, tảng đá để rửa chân, khăn lau chân. Hoặc ở xa thấy Thầy về, phải đứng dậy tiếp rước bát, bưng bát để trên vật chi, hay trên cái chân bát, lấy cái y Tăng Già Lê ra xem, đừng cho có mồ hôi nhỏ, hễ có phải đem đi giặt phơi.

Thầy rửa chân rồi, phải dội nước rửa tắm đá, dẹp khăn lau chân lại chỗ cũ, rửa tay cho sạch, trao nước tịnh cho Thầy rửa tay, cơm và đồ ăn của mình, phải bưng lên thưa Thầy rằng : bạch Thầy đây là phần cơm của con nên ăn ?... Thầy nói : Phải, thì rồi sẽ lấy mà ăn.

Nếu khi Thầy ăn phải đứng hầu coi, cung cấp những món cần dùng. Nếu thời giờ muộn quá ngộ thì phải đồng ăn với Thầy một lượt. Thầy ăn rồi phải lãnh cái bát trong tay Thầy, và dâng nước rửa tay súc miệng, hoặc mình ăn rồi đồ còn dư, phải đem cho người khác, hoặc cho phi nhân, hoặc để trên đất sạch chỗ không cỏ, hoặc để trong nước không trùng, lấy chén bát đó rửa cho sạch, và lấy tọa cụ v.v... để lại chỗ cũ. Kế đó vào trong phòng Thầy, phải coi chừng có bụi đất, phải đem giường nệm, gối và để trải trên đất v.v... đem phơi nắng, trong phòng phải dọn quét cho sạch bụi, khi đổ bụi đất phải xem coi, hoặc chỉ kim, giẻ lụa lau, nhãn đến một hoàn thuốc, lấy để cho có nơi. Nếu có người chủ biết thì sẽ lấy lại.

Phải lau chùi trên ngạch cửa, trên trụ nọc giá máng áo, hoặc trong phòng có chỗ nào hư, hay trùng chuột đào hang, phải sửa sang lại cho sạch sẽ, hoặc lót tọa cụ không được bằng phẳng, phải sửa

lại, chỗ nào để y, chỗ nào không nên để y, phải mỗi mỗi để riêng một chỗ. Trong sân có bụi đất nên trừ bỏ. Lấy bình đựng nước rửa sạch để lại chỗ cũ, lại phải sắm cho Thầy các thứ đựng nước tháo đậu, bình nước uống, hoặc để sẵn trong nhà tắm.

Có khi tắm rửa, phải hỏi Thầy muốn tắm chưa?... Nếu Thầy nói tắm, phải đến trước nhà tắm coi rưới quét chò sạch, có nước bất tịnh phải đổ bỏ, đáng xài củi thì nên bửa củi, sắm cho đủ các món đồ tắm, phải bạch vị Thượng Tọa, vậy sau mới nhúm lửa, nhúm rồi phải bạch Thầy giờ đến tắm.

Nếu Thầy bệnh yếu hoặc già lắm, mình phải dìu đỡ, hoặc lấy áo quần để sẵn trong thất ấm, máng lên giá, rồi kỳ lưng cho Thầy, phải đứng đằng sau trao nước cho Thầy rửa, hoặc mình rửa rồi. Nếu Thầy già yếu phải đỡ Thầy ra nhà tắm, nhân đến trở về phòng trải nệm cụ cho Thầy nằm, lấy y đắp phủ Thầy rồi, mới ra đóng cửa phòng lại. Đến trong nhà tắm, coi các vật tắm rửa, dẹp cất lại chỗ cũ, còn nước bất tịnh đổ đi. Vứt tắt lửa, đóng cửa mà đi.

Đệ tử phải sớm, trưa, chiều, ba lần vấn an Thầy, và phải vì Thầy giúp làm hai việc nhọc không được từ nan : Một là sửa sang phòng nhà. Hai là : vì nhuộm y phục cho Thầy, đúng như pháp phụng hành.

Nếu Thầy bảo đi dạo chung quanh bốn phía chơi, thì không nên từ nan mượn cớ có nhân duyên mà ở nhà, nếu bị Thầy quả trách, phải tới Thầy ăn năn sám hối, đắp y lột guốc, quỳ gối chấp tay : Bạch Hòa Thượng đoái tưởng con nay xin sám hối, không dám tái phạm nữa.

Nếu Thầy cho sám hối thì tốt, nếu Thầy không cho thì phải mỗi ngày ba thời xin sám hối, Thầy cũng không cho, thì phải thấp tâm tùy thuận, mới bèn cầu giải tội phạm. Như trước có nói : “Không y lời Thầy dạy mà làm, thì mỗi mỗi đều phạm tội”.

Hòa Thượng có 5 điều phi pháp, đệ tử nên sám hối rồi đi, phải thưa như vậy : “Con làm đúng như pháp Thầy cũng không biết, con làm không đúng như pháp Thầy cũng không hay, con có phạm lỗi Thầy cũng không dạy dỗ rầy la, hoặc phạm Thầy cũng không biết. Hoặc phạm mà sám hối Thầy cũng không biết”.

Bấy giờ các Tỳ Kheo mới thọ giới. Thầy Hòa Thượng của mấy ổng viên tịch (chết), không ai dạy bảo, các ổng không giữ oai nghi. Phật nói: Cho Tỳ Kheo có 10 hạ trí huệ, cho người y chỉ làm vị A Xà Lê.

Bậc A Xà Lê đối với đệ tử phải tưởng như con, đệ tử đối với bậc A Xà Lê phải tưởng như cha, lần lượt dạy việc, khiến trong Phật pháp có thêm lợi ích rộng lớn. Phải tỉnh như vậy :

Thưa Đại đức, một lòng thương tưởng, con pháp danh... nay cầu Đại đức vì con làm y chỉ, cúi xin Đại đức cho con y chỉ, nương theo Đại đức mà ở (nói ba lần). Ông thầy nên đáp rằng : Phải vậy, cho ông y chỉ, ông đừng buông lung nghe.

(*Pháp làm A Xà Lê, đồng như pháp Hòa Thượng, phép đệ tử thờ vị A Xà Lê cũng đồng như pháp thờ Hòa Thượng*).

Nếu thầy Tỳ Kheo mời thọ giới, ưa chỗ vắng vẻ, cho y chỉ rồi dạy ở các chỗ như vậy, mỗi ngày phải đi qua lại, nếu đi qua lại không được, cho không y chỉ mà ở.

Khi ấy tân cựu Tỳ Kheo lần bỏ chỗ ở đi cầu ông y chỉ, chỗ ở đều hư, Phật nói : “Cho ông tân cựu Tỳ Kheo ở chung khỏi y chỉ vì để họ chỗ ở vậy”. Không phép sai người khác, thay thế thọ y chỉ, cho y chỉ. Hoặc Hòa Thượng A Xà Lê, đi về liền một ngày không tới, hoặc đệ tử đi về liền một ngày không tới nữa, đều làm phép y chỉ lại. Vì lia chỗ ngủ một đêm, tức là mất phép y chỉ, nếu một đêm không y chỉ, phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật và Ngũ Phần Luật : “Cho không y chỉ nhân đến 6 đêm”. Ni Đà Na nói : “Nếu có tâm cầu y chỉ làm Thầy, được 5, 6 đêm đến một lần, nếu không tâm cầu, thì một đêm cũng không được. Đối chúng Tăng mà thọ dùng các món ăn uống, cũng không nên thọ”.

Không nên lựa chọn mà thọ y chỉ và cho mình y chỉ. Hoặc đệ tử bệnh, hoặc đệ tử đi nuôi bệnh, không y chỉ cũng được ở. Hoặc chúng Tăng cho hai Thầy vì ông đệ tử làm phép Yết Ma quả trách v.v... không mất y chỉ. Nếu bị diệt tẩn, tức là mất y chỉ.

Phật cho ông Tỳ Kheo có 5 hạ trí tuệ, theo Tỳ Kheo 10 hạ có trí tuệ mà thọ y chỉ. Nếu Tỳ Kheo dốt phải trọn đời y chỉ. Có 5 pháp mất y chỉ : 1/ Bị Thầy quả trách, 2/ Bỏ Thầy mà đi. 3/ Thôi tu. 4/ Thầy không cho y chỉ. 5/ Vào trên giới tràng.

Lại có 5 pháp mất y chỉ nữa : 1/ Ông Thầy chết. 2/ Ông đó 5 lap. 3/ Ông đó quá 5 lap. 4/ Kiến chấp ông Hòa Thượng này đồng Hòa Thượng Thầy trước. 5/ Hoặc bậc nhị sư thôi tu hay chết, hoặc ông trở lại làm Hòa Thượng mà không kiêng sợ ai.

Có 5 hạng Thầy trì luật đều nên y chỉ : 1/ Ông tụng được lời tựa cho đến tụng được 30 việc. 2/ Ông đó tụng được 90 việc. 3/ Ông đó rộng tụng Tỳ Ni. 4/ Ông đó tụng được hai bộ Tỳ Ni. 5/ Ông đó tụng lâu bộ Tỳ Ni.

Trong đây mùa xuân, mùa đông phải nương theo bốn bậc Thầy nói trên mà ở, nếu không nương đó mà ở, thì phạm Ác tác. Mùa hạ an cư, nên nương theo ông trì luật thứ năm, nếu không nương đó mà ở thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : “Có 4 bậc A Xà Lê : 1/ Ông này thiếu cơm thiếu pháp không cần hỏi mà đi. 2/ Có cơm ăn thiếu pháp nên hỏi rồi đi. 3/ Ông này thiếu cơm mà có pháp, tuy khổ trọn đời không nên đi. 4/ Ông này có cơm có pháp, dầu đuổi xua, cũng phải ở trọn đời không đi”.

Nếu hai Thầy có lỗi, đệ tử nên khuyên can, không nên nói lời thô tháo, nói đúng lời Phật dạy, nên nói lời nhỏ nhẹ, Thầy không nên làm việc này, nếu Thầy nhận lời đó thì tốt, nếu Thầy phản thêm và quở trách, nếu thầy đó là Hòa Thượng, nên bỏ đi xa, nếu Thầy đó là bậc A Xà Lê, nên mang y bát ra ngoài giới ngủ một đêm, rồi trở lại y chỉ với ông khác. Nếu Thầy kia có thế lực, phải bỏ đi xa. Hoặc y

chỉ với ông đức cao hơn. Hay là ông đệ tử đó đủ 5 hạ và thông hiểu kinh luật, thì khỏi y chỉ.

Bằng ông không thông kinh luật, phần mình độ không được, làm sao độ người?... Như vậy, phải trọn đời y chỉ với Thầy. Hoặc ông đủ 10 hạ, thông hiểu kinh luật, lợi mình lợi người đã xong, thì được thọ người y chỉ.

Thập Tụng Luật nói : “Ông đủ 5 hạ và 5 pháp thành tựu khỏi thọ y chỉ : 1/ Biết việc nào phạm. 2/ Biết việc nào không phạm. 3/ Biết phạm nhẹ. 4/ Biết phạm nặng. 5/ Biết tụng luật và học hay nói giỏi. Còn ông này tuy thọ giới nhiều năm, không biết 5 pháp thì phải trọn đời y chỉ theo Thầy mà ở”.

Căn Bản bộ nói : “Chưa đủ 5 hạ, tuy 5 pháp thành tựu, nhẫn đến lâu thông trong ba tạng, đều chứng pháp tam minh, trừ hết tam cấu, cũng phải y chỉ theo thầy mà ở. Nếu đủ 5 hạ rồi, thì cho lia ông y chỉ được đi du lịch. Song đến chỗ khác, cũng phải y chỉ nữa.”.

Nếu ông đó tuổi đủ 80, đủ 60 hạ, đối kinh biệt giải thoát, chưa từng đọc tụng, chưa từng hiểu nghĩa lý, cũng phải y chỉ với Tỳ Kheo già.

Nếu không có Tỳ Kheo già, thì y chỉ với ông nhỏ cũng được chỉ trừ lễ bái, còn bao nhiêu nên làm. Ông này gọi là lão tiểu Tỳ Kheo.

Thập Tụng Luật nói : Nếu gặp thời đói khát, phải nên mỗi ngày, đến yết kiến Hòa Thượng, cho ở riêng, phải mỗi ngày đến. Nếu không đến thường được, thì cho 5 ngày đến một lần, nếu 5 ngày đến

cũng không được, thì ngày Bó tát phải đến, lại nữa, nếu ngày Bó tát đến cũng không được, nhân đến đường đi hai do tuần rưỡi, đến ngày tự tứ, phải đến yết kiến Hòa Thượng”.

Mẫu kinh nói : “Thọ y chỉ rồi, xin phép 7 ngày đi ra ngoài giới, ngày đúng trở về đến chùa, thì không mất phép y chỉ. Như trước có nói rõ, thầy trò có các pháp để giúp nhau. Từ đây về sau sẽ giải về bản văn”.

Thẻ thức phạm tội trong đây là sao ? Hòa Thượng hoặc biết hoặc nghi, chưa đủ 20 tuổi mà truyền giới cho, bạch ba lần Yết Ma rồi, thì phạm tội Đọa. Bạch hai lần Yết Ma rồi, thì phạm ba tội Ác tác. Bạch một lần Yết Ma rồi, phạm hai tội Ác tác. Mới bạch phạm một tội Ác tác.

Chưa bạch còn làm phép phương tiện, hoặc dương cạo tóc, hoặc muốn nhóm chúng Tăng, hoặc chúng Tăng nhóm rồi, tất cả đều phạm Ác tác.

Chúng Tăng hoặc biết hoặc nghi, chưa đủ tuổi 20, thì chúng Tăng đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm.

Không phạm là gì ? Trước khi không biết, tin người thọ giới nói, hoặc người ở gần làm chứng, hoặc tin cha mẹ nói, hoặc khi thọ giới rồi sinh nghi.

Cho tính số năm tháng còn ở trong thai và tháng nhuận, hoặc tính tất cả ngày 14 tụng giới, dùng làm số năm, như vậy đủ 20 thì tốt, nếu không đủ cứ làm Sa Di. Chừng nào đủ tuổi sẽ cho thọ cụ giới, nếu không như vậy, đồng phạm tội tặc trụ.

Nếu không Hòa Thượng, hoặc hai Hòa Thượng, nhân đến đông nhiều Hòa Thượng không gọi là thọ cụ túc giới, không được độ người làm quan.

Thiện Kiến Luật nói : “Ăn lương nhà nước mãn rồi, vậy sau mới được đi xuất gia. Nếu vua cho cũng được đi xuất gia”.

Không có y bát, thì không được thọ giới cụ túc, không được mượn y bát để thọ giới cụ túc, không cho độ Tỳ Kheo Nị có phạm, đi xuất gia thọ đại giới, nếu thọ rồi phải diệt tận đuổi ra, không được độ người tặc tâm vào đạo xuất gia lỡ có xuất gia rồi cũng phải diệt tận.

Đây nghĩa là tự mình đi xuất gia, hoặc ông chưa chung với chúng Tăng Tỳ Kheo, làm phép Yết Ma nói giới, chưa làm phép độ xuất gia, chưa đáng độ, hoặc đã độ xuất gia, thọ giới cụ túc, tức gọi là thọ giới cụ túc. Nếu ông từng chung với chúng Tăng làm phép Yết Ma nói giới rồi, thì phải diệt tận ông đó đuổi ra

Tăng Kỳ Luật nói : “Ông chưa từng vào phép Bố tát, hay là tự tử, sau ông có tâm tốt, được cho đi xuất gia thọ giới cụ túc; nếu ông đã từng vào rồi, đó gọi là người Đạo trụ, không cho xuất gia. Nếu con của vua, hay là con của quan Đại thần, đi lánh nạn, cưỡng mặc y Ca sa thì cũng như vậy (Đạo trụ)”.

Nếu ông Sa Di trộm nghe từng giới, hiểu biết những câu nói ban đầu, chặng giữa và sau đó, thì sau không được thọ giới cụ túc. Nếu người ám độ, hoặc người có tâm nghĩ việc khác, không nhớ câu

nói ban đầu, giữa và sau đó, thì sau này được thọ giới cụ túc.

Không nên độ người ngoại đạo, mặc pháp y hoại sắc, như trước khi muốn độ người ngoại đạo, phải dạy cho cạo tóc và mặc áo nhuộm hoại sắc, dạy cho họ thọ pháp tam quy, rồi lần lần cho thọ 10 giới. Phải theo chúng Tăng xin ở chung 4 tháng, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma cho đó. Nếu ông kia không còn chấp pháp của ngoại đạo bạch y và không gần gũi ngoại đạo, không tụng kinh ngoại đạo, nghe nói cái lỗi của ngoại đạo không sinh lòng sân hận, tùy thuận theo các Tỳ Kheo hay khiến các Tỳ Kheo vui vẻ, được như vậy, mới cho thọ giới cụ túc. Nếu thọ giới rồi, còn nhập theo ngoại đạo, sau trở lại xin xuất gia, không nên cho xuất gia nữa, đó gọi ngoại đạo, phá chính pháp.

Không nên độ người tội tử, hay là người trộm cướp và người mắc nợ (nếu có người trả thế cho thì được độ). Không nên độ năm hạng người huỳnh môn, tức là : sinh, kiên, đố, biến, bán.⁽¹⁾ Hoặc độ rồi liền phải diệt tận; hoặc loài súc sinh biến hình người đến, không nên độ cho đi xuất gia. Không nên độ người phạm tội ngũ nghịch và người không nam căn.

Có ba hạng người không đắc cụ giới :

⁽¹⁾ Sinh : từ khi mới sinh không phải nam không phải nữ.

Kiên : tự thiên .

Đố : thấy kia đâm đục tự mọc ra

Biến : thấy nam biến nữ, thấy nữ biến nam.

Bán : nửa tháng nam, nửa tháng nữ.

1/ Không nói tên mình. 2/ Không nói tên Hòa Thượng. 3/ Không xin giới.

Cũng có ba hạng người nữa, không được thọ giới : 1/ Mặc áo thế tục. 2/ Mặc áo ngoại đạo. 3/ Dùng các món trau dồi hình sắc.

Không nên truyền giới cho người mù, người ngù, người say, người cuồng, người hay sân hận. Người chặt tay chặt chân, lẻo tai, xẻo mũi, lất nam căn, mổ dái, chặt cánh tay, chặt ngón tay, và người thường bệnh hoạn, người ghẻ lác.

Hoặc người hiện tướng chết, hoặc người thân ốm khô, hoặc người hình dạng như con gái, người bị án treo, người trốn thuế quan, người thân loang lỗ, người đầu nhọn, người lưng khòm, người răng lòi xỉ, người thân giống trùng, người đầu giống trùng, người tóc quăn, người queo tay, hoặc sáu ngón tay, hoặc ngón dính liền, hoặc một trứng dái, hoặc không trứng dái, hoặc bệnh trĩ, hoặc trong, ngoài chỗ đại tiểu tiện, bệnh hơi quển lên, bệnh suyễn, bệnh hay nhỏ nước miếng, bệnh hoại ung thư, bệnh ghẻ phỏng, bệnh loại càn tiểu, bệnh điên cuồng.

Và các thứ bệnh ngặt nghèo như là : bệnh con mắt xanh, mắt vàng, mắt đỏ, mắt bù lạch ăn, mắt hồng hồng, mắt lở, mắt quáng manh, mắt sâu hóm, mắt ba góc, mắt khỉ, mắt tráo quẩu, mắt lòi, mắt lé, mắt đảo lia, mắt sân, mắt bạt chẳng, mắt ghẻ, mắt có vành.

Thân tanh hôi, hoặc đau hột xoài, hoặc căm, điếc, què, vẹo chân, vẹo tay, bại xụi, ngón chân co

rút, một tay, một chân, một lỗ tai, đầu không tóc, không lông, không răng, tóc xanh, tóc vàng, tóc trắng, quá dài, quá ngắn... bấp vế như đàn bà, giống như các thứ đầu, như là : đầu trâu, voi, ngựa, heo, dê, nai, rắn, cá, chim, một đầu nhả đến nhiều đầu.

Hết thấy sắc như là : xanh, vàng, đen, đỏ, trắng, như bệnh phong, bệnh nóng, bệnh đàm ẩm, bệnh tích trữ thành khối, bệnh ho, bệnh nghẹn, không lưỡi và sứt môi.

Trước ngực nổi bướu, hoặc nổi sau lưng, bệnh nội thương, bệnh ngoài cảm, bệnh liệt, bệnh thân mình giống như già lẩm, bệnh thất oai nghi, không biết tốt xấu. Nhả đến tất cả người ô nhục chúng Tăng, đều không được độ.

Nếu theo Hòa Thượng phá giới, mà thọ giới cụ túc, nếu mình không biết thì đắc giới, biết thì không đắc giới. Nếu có tám nạn và các nhân duyên khác cho hai ba ông giới tử một thời, làm phép Yết Ma truyền giới cụ túc, không nên quá, quá tức là không đắc giới. Do vì sai phép, chúng Tăng cũng mắc tội.

Nếu khi thọ giới cụ túc, nhả đến trước chừng giây phút gọi là Thượng Tọa. Hoặc cử hai ba ông đồng thời làm Yết Ma, thì không nên luận lớn nhỏ, không thay nhau kính lễ. Hoặc Hòa Thượng cũng đủ 4 người, mà vắng mặt cách chỗ thấy nghe, hoặc ở ngoài giới, đều không gọi là thọ giới cụ túc.

Nếu trước không dự truyền giới Sa Di, bèn truyền giới cụ túc thì đắc giới, nhưng chúng Tăng phạm tội. Nếu ở trung quốc không đủ 10 giới sư,

không được truyền giới cụ túc. Nếu ở biên địa (*ngoại ô*) cho thầy trì luật, chừng năm vị cũng được truyền giới cụ túc. Nếu cha mẹ không cho thì không nên độ người đó đi xuất gia, hoặc ở trong đất già lam mà cạo tóc, phải thưa với tất cả chúng Tăng. Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp hết, thì phải đi nói cho từ phòng hay.

Hoặc ông đó chưa đủ 20 tuổi, hoặc ông thiếu 12 tuổi, cho làm Sa Di khu ô. Trì giới được, và ăn một bữa được cho độ đi xuất gia, đối trước hai thầy A Xã Lê truyền cho 10 giới, gọi là Sa Di vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Sáu mươi tuổi không được thọ đại giới, dầu thầy ông và chúng Tăng có cượng truyền cho ông đi nữa thì cũng không đắc giới, chỉ cho ông làm Sa Di thôi”.

Cũng không cho độ từ 7 tuổi sắp xuống, nếu độ cho thọ giới, đều phạm hai tội Ác tác. Nếu trước thỉnh Hòa Thượng thọ 10 giới pháp, Hòa Thượng không có hiện tiền (*vãng mặt*) cũng đắc 10 giới. Nếu Hòa Thượng chết mà nghe hay biết, thì không đắc giới, không nghe biết thì đắc giới.

Nếu bạch tứ Yết Ma, thọ giới cụ túc, mà Hòa Thượng không có hiện tiền, thì không đắc giới, do vì số Tăng không đủ, nếu số Tăng đủ dầu không có Hòa Thượng cũng đắc giới.

Tạp Sự Luật nói : “Không được bốn người đồng thọ giới cụ túc một lượt, vì sao ?... Vì không phải là chúng, mà thành chúng, rồi làm phép Yết Ma, trái lý nhau vậy”.

Ngũ Phần Luật nói : “Ông đến trước, nên cho thọ giới trước, hoặc hai ông đến một lượt, ông tuổi lớn thọ trước, hoặc hai ông đồng tuổi, lấy niên lạc của thầy ổng mà cho ổng thọ trước, nếu Thầy ổng cũng đồng tuổi, nên đồng thời làm phép Yết Ma, nhưng ông nào xưng tên trước thì được thọ trước, ba người cũng đồng hết. Các việc cũng đăc Yết Ma ba người cũng đồng hết. Các việc cũng đăc Yết Ma ba người, tất cả làm phép Yết Ma truyền giới, giới tử không được bốn người”.

Hoặc hai thầy thôi tu, sau muốn trở lại tu, đến ông đệ tử cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, ông đệ tử hỏi trước phải cho y bát, giúp cho ổng được đầy đủ, cũng như pháp mà kính ông đệ tử trước làm Thầy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Phàm pháp thọ giới, trước phải thuyết pháp dắt dẫn cho hiểu biết, bảo phải đối ở trước tất cả chúng sinh phát tâm thương xót, tức là được tăng thượng tâm, bèn được tăng thượng giới”.

Trong Nội Pháp truyện nói : “Ông kia thọ giới rồi, kế đó ông bốn sư tiếp chỉ giới bổn cho biết tướng tội, mới dạy thêm cách tụng giới, ông kia đã lâu rồi, tụng thêm đại luật tụng mỗi ngày, tụng qua rồi ông Thầy mỗi bữa phải xét hỏi”.

Tụng Tạng Luật xong rồi, mới cho học kinh, học luận. Đâu có khi nào muốn thọ, mà thường không chịu cực nhọc; cũng đã được rồi mà giới chưa để lòng, có thỉ mà vô chung, khá tiếc lắm ư ? Riêng có một hội những người cầu thọ giới, thọ rồi không trọng mến Thầy, không tụng giới kinh, chưa giữ

quyển luật, luống hư ngôi rường cột Phật pháp, tổn mình và tổn người. Nếu có những bọn như thế, thành ra người diệt chính pháp.

Cho nên trong Luật văn nói : “Thà làm người hàng thịt chớ không nên truyền giới cụ túc cho người kia bỏ mà không dạy họ”. Bên nước Tây quốc nương nhau thờ Thầy lễ bái, đầu đêm sau đêm đến bên chỗ Thầy, Thầy bảo đệ tử ngồi yên, dẫn trong ba tạng, tùy thời dạy dỗ, hoặc sự lý đứng cho luống qua, xét giới hạnh ông kia, đứng cho khuyết điểm, biết chỗ nào có phạm thì dạy sám hối.

Như vậy kẻ đệ tử, mới chùi lau cho Thầy, và xoa thân thể cho Thầy, cùng đắp y xếp áo cho Thầy, hoặc khi quét sân lau phòng, coi chừng trùng ở trên mặt nước, một chút có chỗ làm, nên đều làm thế cho Thầy, đây là kính lễ bậc thượng túc vậy.

Như trong môn đồ có bệnh, thì mình cũng phải ủng hộ thuốc thang và đồ cần dùng, thương cũng như con ruột. Song mình là người gương mẫu Phật pháp, để làm đầu dạy bảo, khác nào như người con lớn của vua, gồm thâu nuôi dưỡng không nên khinh dễ, luật có nói rành dẫu cho trẻ nãi.

Bố tát giới kinh nói : “Bọn Chiên đà la, và người hàng thịt, tuy là làm nghiệp ác, chớ không hay phá hoại chính pháp của đức Như Lai, chưa ắt họ sa đọa trong ba đường ác. Làm thầy không hay dạy răn kẻ đệ tử, tức là người phá Phật pháp, chắc đọa trong đại địa ngục”.

Ưu bà tắc kinh nói : Thà thọ giới ác trong một ngày giết vô lượng chúng sinh, trọn không nên chữa nuôi kẻ đệ tử hung ác, mà không điều phục được, vì cơ sao ?... Đó là ông ác luật nghi, lỗi đó thuộc về phần mình, vì nuôi kẻ đệ tử ác không hay dạy dỗ, mới khiến cho vô lượng chúng sinh làm ác và chệch bại vô lượng pháp mầu, hoại hòa hiệp Tăng khiến cho phần nhiều chúng sinh gây tội ngũ vô gián. Thế cho nên có cái tội nào mà hơn cái tội ác luật nghi ?... (ông giới sư truyền giới bất hợp pháp).

Giới thứ sáu mươi sáu CẤM BƯỚI MÓC VIỆC RẦY RÀ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết việc đó là việc rầy rà, đúng như pháp sám hối rồi, sau còn bươi móc ra nói nữa, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quân có việc rầy rà, đúng như pháp dứt rồi, sau lại còn bươi móc ra nói nữa rằng : - Ông không khéo suy xét, thì chỗ ông suy xét không thành, ông hiểu không rành, thì cái hiểu của ông không thành, ông không khéo dứt, thì cái dứt của ông không thành. Chúng Tăng đang thanh tịnh, ổng làm cho có việc rầy rà, khi đã xảy việc rầy rà, ổng làm cho đứng dứt trừ được. Các Tỳ Kheo xét biết việc này do mấy ổng, nên đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Biết : Giải như trước, hoặc tự mình hiểu biết, hoặc người khác nói lại mình biết.

Rầy rà : Do vì việc này mà sinh ra cạnh tranh. Rầy rà có 4 cách nghĩa là : 1/ Lời nói rầy rà. 2/ Tìm lỗi rầy rà. 3/ Phạm tội rầy rà. 4/ Làm việc rầy rà. Như văn sau này có giải rõ.

Đúng như pháp : Nghĩa là đúng y như pháp, y như luật, y như lời Phật dạy.

Sám hối : Nghĩa là công việc bị phạm ông kia đã sám hối rồi, sau lại bươi móc ra nữa. Nghĩa là : việc rầy rà đó dẹp rồi mà còn đem tâm không tốt nói nữa, khiến cho không thôi.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ? Biết ông đó đã đúng như pháp dứt rồi, mà còn nói rằng : ông không khéo suy xét, thì suy xét không thành, cho đến trừ dứt cũng không thành. Nói mà rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói mà không rõ ràng phạm Ác tác.

Hoặc còn bao nhiêu những việc rầy rà mắng nhiếc, như vậy tự mình rầy lấy mình, hoặc mình rầy với người chưa thọ đại giới, mà còn nói nữa, thì phạm Ác tác. Đúng như pháp dứt, tưởng đúng như pháp dứt, phạm tội Đọa; nghi, phạm Ác tác; không đúng như pháp dứt, tưởng như pháp dứt và nghi đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Trước không biết đúng như pháp dứt, và thật không đúng như pháp dứt.

Giới thứ sáu mươi bảy
CẤM LÀM BẠN VỚI KẺ GIẶC ĐI MỘT ĐƯỜNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo biết đó là giặc, kết bạn cùng đi chung một đường cho đến đi trong một làng, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quân từ nước ấy, đi đến nước Tỳ Xá Ly, gặp bọn khách buôn lậu, lên qua ải, các ông đồng đi chung với chúng nó một đường bị người giữ ải bắt được. Phật vì cơ ấy liền kiết giới cấm.

Bọn cướp : Là những bọn trộm cắp, cướp giết và người trốn thuế, dối đồ hoặc qua hoặc lại.

Kết bạn : Là đồng hẹn ước với nhau đi đến làng nào, thành nào vậy.

Đồng đi một đường : Là kết làm bạn thiết, đồng đi khắp đó đây, trong làng, thành ấp, cũng mắc bốn tội.

Thế thức phạm tội trong đây là gì ? Cũng đồng như giới trước, đi chung với người phụ nữ. Bốn chúng kia phạm tội cũng đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Không biết, không kết bạn, hay là bị người dùng thế lực bắt buộc v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu đi giữa đường, biết đó là giặc, ta không tiện lánh đi đường khác thế thì đi trụt sau xa, giả như người đi biết khiêm nhượng, đến gần xóm đông, phương tiện bỏ đi. Nếu bọn giặc biết, thì nên nói rằng : – Trường

thọ, chính tôi đi đến đây thôi. Nếu mình đi chung với người bạn phẫn và mắc nợ, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Ngũ Phần Luật nói : Hẹn đi chung với Tỳ Kheo ác, phạm Ác tác. Nếu có nạn duyên hẹn đi chung đường, không phạm.

Căn Bản Luật nói : Hoặc nhờ bọn giặc diu dắt, ngăn ngừa các nạn khác, hoặc mình đi lạc đường, phải nhờ đến kia chỉ dẫn, tuy đồng đi, không phạm.

BỘ TỬ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN CHÍN)